PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Ao sen báu Tây Phương đua nở

Chờ chúng sanh niệm Phật chí tâm

Lời của Đức *Huỳnh Giáo Chủ*

NGƯỜI CƯ SĨ

PHAN THANH NHÀN

Biên Soạn

2010

MỤC LỤC

	Trang
Lời Mở Đầu	3
Phần I:	4
- Tăng Sĩ	
- Lược trình giáo lý hạng tại gia cư sĩ và sứ mệnh của Đức Huỳnh Giáo Chủ	7
Phần II:	
- Thế nào là học Phật?	26
- Công – hạnh của người cư sĩ tại gia	60
- Thế nào là tu nhân?	133

LỜI MỞ ĐẦU

"Khuyên trong lê thứ trẻ già, tu hành hiền đức Phật mà cứu cho".

Đó là lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ. Lời khuyên đó cho chúng ta thấy rằng ai ai có mặt trên thế gian này cũng đều có bổn phận phải tu hành vì "rán mà tu niệm đặng nhờ thân sau".

Việc tu hành có hai cách: Một là cắt ái ly gia vào nơi am tự, tu hành cho mau thành chánh quả. Hai là hành đạo tại gia, còn gọi là cư sĩ tại gia "lo làm ăn và lo tu hiền chơn chất", "phát nguyện quy y, giữ gìn ít điều giới luật, hằng coi kinh sách, sửa tánh, răn lòng, ủng hộ các sư, như thế họ cũng lần lần lên con đường giải thoát".

Không những đạo Phật có cách hành đạo tại gia mà hầu như các tôn giáo khác cũng có cách hành đạo tương tự.

Chúng tôi biên soạn tập sách này nhằm mục đích sắp theo trình tự như là một dàn bài dựa theo giáo lý và những điều cần biết của kẻ tu hiền của Đức Huỳnh Giáo Chủ Phật Giáo Hòa Hảo, để hành giả dễ nhớ lại những điều khuyên bảo của Đức Tôn Sư trong việc hành đạo.

Thiết nghĩ với sự hiểu biết còn thô thiển không sao tránh khỏi những điều sơ sót.Kính mong các bậc cao minh và các đạo hữu niệm tình chỉ giáo.Chúng tôi thành kính tri ân.

NGƯỜI CƯ SĨ

Phần I:

Tăng Sĩ

Người ta thường cho rằng giới tăng sĩ như là đại diện của Đức Phật trong việc hoằng truyền chánh pháp tức là truyền đạt lại những lời Phật dạy cho bá tánh để học hỏi, tu hành và noi theo.

Giới tăng sĩ là những vị có quyết tâm cao trong việc tu hành theo lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nhìn chung giới tăng sĩ dốc tu hành cho mau thành chánh quả, qua việc xuống tóc, trường chay, thường tụng kinh, chí tâm trì giới, tạo cho mình có nếp sống thanh tịnh, xa lánh mọi ưu phiền của cuộc đời trần tục, nhằm mục đích tự độ và độ tha thoát khỏi kiếp luân hồi.

Đức Huỳnh Giáo Chủ Phật Giáo Hòa Hảo phân giải giới tăng sĩ hay hạng xuất gia như sau:

"Gồm các nhà sư hay ni cô đã hoàn toàn ly khai với gia đình, quê hương, bạn bè, dựa thân vào cửa Thiền, hoặc núi non am cốc, hằng ngày chỉ lo kinh kệ, săn sóc cảnh dà lam, trau luyện đức lành, dồi mài trí tuệ, hầu giảng dạy cho bá tánh thập phương nghe để hoài đầu hướng thiện, quy y Phật pháp, không còn thiết đến việc đời. Gia đình, nhà cửa của nhà sư là cả thế gian, thân quyến nhà sư là khắp cả

nhân loại đại đồng. Đó là hạng người dốc tu cho mau thành Phật quả, thoát kiếp luân hồi"

Đây là lý tưởng của giới tăng sĩ nhằm vào việc tu hành của các vị. Nhưng đó cũng là một trong nhiều phương pháp tu hành theo đạo Phật. Trong khi giới tại gia cư sĩ thì còn vướng biết bao việc đời trong cảnh "gia duyên bận buộc".Nhìn vào thực tế, giới tăng sĩ không phải là không vướng bận việc đời thường. Bởi vì giới tăng sĩ luôn luôn có sự liên hệ trực tiếp hay gián tiếp với đời thường do nhu cầu sinh hoạt đời sống tu hành. Như vậy giới tăng sĩ xuất gia không thể tách rời khỏi mọi sinh hoạt đời thường mà hai giới này có sự liên hệ với nhau cũng là hai thành phần quan trọng trong xã hội loài người.

Sự liên kết giới tăng sĩ và giới tại gia cư sĩ theo tinh thần trong giáo lý nhà Phật là mọi người có sự nương tựa lẫn nhau trên đường tu học.

Các chư tăng cũng là nhân loại chúng sanh, nên đối với xã hội không ra ngoài ngoại lệ là không phải không thọ bốn đại trọng ân: Ân tổ tiên- cha mẹ, Ân đất nước, Ân tam bảo, Ân đồng bào và nhân loại.

Các chư tăng còn mang nặng Ân đồng bào và nhân loại, như Đức Huỳnh Giáo Chủ luận giải:

"Đối với những kẻ xuất gia quy y đầu Phật, phụ vào những ân huệ như trên, họ còn phải trực tiếp chịu ơn của các đà na thí chủ, nghĩa là những thiện nam, tín nữ có hảo tâm cung cấp những vật dụng cần thiết cho họ. Họ nhờ đến hột cơm, đến miếng vải, đến thuốc men đặng sanh sống.Rốt lại, họ phải nhờ đến sự nuôi dưỡng hoàn toàn của những kẻ tốt lòng.

Với quần sanh, họ mang cái ơn rất nặng cho nên họ phải dìu dắt sanh linh đi tìm chân lý đặng đáp tạ tấm lòng chiếu cố của thiện tín".

Hạng tăng sĩ xuất gia trên đường tu dễ dàng hơn hạng tại gia cư sĩ, vì họ có nhiều thì giờ công phu tu hành hơn. Tuy nhiên như lời giáo huấn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: "Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành" nghĩa là mỗi người đều có chủng tử Phật như nhau, chỉ vì mê ngộ chẳng đồng nên có người đã thành Phật quả, còn người thì mãi trôi lăn theo vòng sanh tử luân hồi như Đức Huỳnh Giáo Chủ luận giải:

Phật, Tiên, Thánh, muôn lòai vạn vật

Cũng ở trong quả đất dựng gầy

Siêu thăng nhẹ tách đường mây

Trầm luân oan nghiệt càng gây thêm hoài.

Phật pháp dạy là tự tu tự chứng. Phật pháp là phương pháp hướng dẫn con người làm thế nào để thoát khổ, tìm nơi an vui thanh tịnh. Phật pháp dạy hãy tin vào chính mình. Chính mình mới biến cải được tâm tính mình từ cuộc sống trần tục thành lối sống thánh thiện, như lời Đức Phật giáo hóa: "Hãy tự thắp đuốc lên mà đi".

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng khuyên chúng sanh, tinh tấn trên đường tu dù cực khổ gian lao thế nào cũng phải bền chí trau dồi đạo hạnh:

Khuyên dương trần đừng nệ cần lao

Cũng rán sửa rán trau nền đạo

Tu đầu tóc không cần phải cạo

Miễn cho rồi cái đạo làm người.

Lược trình về giáo lý hạng tại gia cư sĩ và sứ mệnh của Đức Huỳnh Giáo Chủ.

Trước khi trình bày về công hạnh của người tại gia cư sĩ hay người tín đồ của Phật giáo Hòa Hảo, chúng tôi xin mạn phép lược trình qua về giáo lý cũng như sứ mệnh của Đức Huỳnh Giáo Chủ.

Phật giáo Hòa Hảo là đạo Phật đại thừa và thực hành theo pháp môn tịnh độ cũng như pháp môn thiền tịnh hay có thể nói là thiền tịnh song tu, như lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ về Pháp Môn Tịnh Độ

Môn Tịnh Độ là phương cứu cánh

Rán phụng hành kẻo phụ Phật xưa

Hay về pháp môn Thiền Tịnh:

Hãy rán tu tâm dưỡng tánh lành

Đừng cho ma nghiệp vọng tâm sanh

Quay về cội phúc đường chân đạo

Phật pháp thiền na dốc thực hành

Thiền tịnh song tu là gì?

Mục đích của thiền là đưa con người ra khỏi ràng buộc hình, danh, sắc, tướng. Sống trong thế gian mà đã như siêu xuất thế gian nên đối với thiền gia, Ta Bà cũng là Tịnh Độ. Đại Châu thiền sư nói : "Vọng niệm chẳng sanh là Thiền. Lặng ngồi thấy rõ tính là Định.Bản tính chỉ cho tâm vô sanh của ông. Định là đối cảnh vô tâm, tám ngọn gió chẳng làm lay đọng. Nếu chứng được pháp định như thế tuy là mang thân phàm phu mà đã vào ngôi vị Phật".

Tịnh Độ, tuy tin vào tha lực của Phật nhưng nếu biết dùng thiền là "phản vọng hồi chơn" nương theo tiếng niệm Phật xoay lại với tự tánh nghe thì gọi là hiệp giác bội trần. Không còn chạy theo trần cảnh nên tâm được định. Nhờ biết quán chiếu, đem tiếng niệm Phật giác ngộ nơi tâm thì mê hóa thành giác đó là Huệ. Theo phương pháp này thì tu Tịnh Độ tròn đủ Định Huệ, tuy chưa vãng sanh nhưng đã thực chứng cảnh Cực Lạc, chưa bỏ phàm thân mà đã liễu sanh thoát tử, không khác gì chứng ngộ của Thiền gia. Đây gọi là thiền tịnh song tu viên mãn.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Ngài Đại Thế Chí Bồ Tát bạch Phật rằng: "chỗ bổn nhơn tu hành của con là do tâm niệm Phật mà ngộ vô sanh nhẫn, nguyện ở cõi này để nhiếp hóa mọi người niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Nay Phật hỏi viên thông, con vốn không lựa chọn, chuyên thông nhiếp cả sáu căn khiến cho tịnh niệm nối luôn, được vào Tam ma địa, ấy là thứ nhất".

Tịnh niệm nối luôn, không xen vào niệm gì khác thì chứng đặng niệm Phật tam muội. Nhiếp tâm niệm Phật là Tịnh, sáu căn quy về nhất niệm không rong ruổi theo ngoại

duyên trần cảnh, ấy là Thiền. Tự lực sung mãn thêm Phật lực hộ trì nên sự thành công mau chóng.

Kinh niệm Phật Ba La Mật nói rằng: "Pháp môn niệm Phật chính là chuyển biến cái tâm thể của chúng sanh bằng cách không cho tâm thể ấy duyên với vọng niệm, với lục trần (sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp), với huyễn cảnh, với trí lực, với kiến chấp, với mong cầu, với thức phân biệt v.v...mà chỉ đem thân thể ấy duyên mãi với danh hiệu A Di Đà Phật". Qua thời gian người niệm Phật tự nhiên đi vào chỗ im lặng, bừng sáng, an lạc cảm ứng với nguyện lực của Đức Phật A Di Đà. Được như vậy nhờ vào pháp Thiền Tịnh song tu.

Trong Thiền có Tịnh: người tu thiền phải thanh tịnh tâm ý, không vọng tưởng, không chứa điều phiền não, tham, sân, si. Tâm không bợn nhơ, ý không vẩn đục là tâm an tịnh cần thiết cho hành giả. Tâm tịnh tức là Phật độ tịnh.

Trong Tịnh có Thiền: người tu Tịnh Độ đến nơi đến chốn cũng không đi khác với thiền gia. Niệm Phật đi đến chỗ "nhất tâm bất loạn" là vào Thiền định. Đắc niệm Phật Tam muội thì tự nhiên trí huệ khai thông như người tu Thiền do nơi đại định mà ngộ pháp tánh vậy.

Bởi thế, tuy chỗ hạ thủ công phu của hai tông phái khác nhau, nhưng nẻo về chỉ có một.Tới nơi cứu cánh viên mãn thì Thiền là Tịnh, Tịnh là Thiền.

Nhận xét tường tận về giáo lý của Đạo cũng như cách tu hành của người tín đồ thì đạo Phật Giáo Hòa Hảo là một đạo hoàn toàn Việt Nam. Chánh pháp của đạo Phật là căn bản cũng có tư tưởng Nho giáo và Lão giáo nhìn thấy trong Sấm Thi của Đức Huỳnh Giáo Chủ, nên cũng có thể

gọi là Tam Giáo Qui Nguyên. Thêm vào đó còn có những tập tục cổ truyền của người Việt Nam thuộc giống Hồng Lạc, con Rồng, cháu Tiên như lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ thức tỉnh nhân sinh:

Giống nòi thiệt cốt Rồng Tiên

Mà nay lạc mất gương hiền nơi đâu

Hay:

Giống lành xưa cũng Rồng Tiên

Ngày nay hung ác đảo điên khắp cùng

Nho giáo được thấy trong giáo lý của Đức Huỳnh Giáo Chủ và Ngài khuyên:

Khuyên trai gái học theo Khổng Mạnh

Sách thánh hiền dạy Đạo làm người

Hay:

Trung Dung khuyên đó noi gương Khổng

Hoặc:

Noi chí Thánh Hiền tìm cội cũ

Hay:

Thánh Nhơn ghi sách Trung Dung

Hiền nhơn thức tỉnh biết dùng người ngay

Hoặc:

Chữ Thánh Hiền mới được nôm na

Ta thỏa chí hô hào trung nghĩa

Ngài cũng xác định:

Ta dạy thế mượn lời Phật Thánh

Nên truyền ban cho chúng sanh tường

Ngài cũng giáo dục quần chúng, tín đồ theo Tam cang, Ngũ luân, Ngũ thường về Công, Dung, Ngôn, Hạnh như trong Sấm Thi của Ngài.

Mới nghe qua, chúng ta nghĩ là Nho giáo nhập thế tích cực, còn Lão giáo tiêu cực xuất thế. Nhưng nếu xét cạn lẽ thì hai mẫu hình này có thể dung hợp với nhau. Khi mà sự sinh hoạt của con người quá mệt mỏi về thể chất, thì có lúc cũng phải để cho tâm hồn mình được phiêu diêu trong thế giới nội tại, sống với con người thật của mình. Tự xem mình có tinh thần phóng khoáng vượt khỏi những gì xem như ô trược trần gian. Thể hiện tiên cảnh trong sấm giảng thi văn của Đức Huỳnh Giáo Chủ như:

Kể từ Tiên cảnh ta về

Non bồng Ta ở dựa kề mấy năm

Hay:

Nghĩ mình trong sạch đã rồi

Đào Tiên tạm thực về ngồi cõi xa

Hay:

Rán kiếm chỗ tầm Tiên lánh tục

Người ở đời phải được lòng trong

Hay:

Khuyên bá tánh tầm Tiên rời tục

Chỉ máy trời bày tỏ việc về sau

Hay:

Một mai thấy được non Bồng

Cảnh Tiên rực rỡ mây rồng đẹp thay

Hoặc:

Cảnh dương trần khó sánh Bồng Lai

Về Tiên cảnh say mùi rượu Thánh

Phật giáo Hòa Hảo chính là đạo Phật vì sấm kinh và pháp môn tu hành của người tín đồ thiệt hành là theo chánh pháp của đức Phật như Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Thập Nhị Nhân Duyên, Nhân Quả, Luân Hồi. Đức Huỳnh Giáo Chủ xác định rằng: "Noi theo chí Thích Ca ngày trước" để "Nhìn Phật giáo mà tìm cái lý" rồi tự nghĩ "Coi tại sao ta phải tu hành".

Đức Huỳnh Giáo Chủ truyền bá đạo Phật không cuồng tín, mê vọng.Ngài cởi bỏ mọi hình thức xem ra không giúp ích gì cho người tu đạo Phật.Ngài muốn cho nhân loại chúng sanh có ý thức là một nền đạo Phật có lý trí, có tư tưởng giản dị, thực tế để hành động.

Thế nên nói Phật giáo Hòa Hảo là một "tôn giáo mới" hay một đạo Phật canh tân thì hoàn toàn không như vậy; vì nếu nói canh tân thì chỉ canh tân về mặt "dụng", tuyệt đối không có gì thay đổi về mặt "thể". Chỉ thích nghi hóa phương thức hành động cho phù hợp với cuộc sống, không hề có sự tranh cãi về mặt giáo lý của đạo Phật.

Phật giáo Hòa Hảo không phải là một tín ngưỡng mới hay tín ngưỡng canh tân về mặt giáo lý. Giáo lý của Phật giáo Hòa Hảo chính là giáo lý của đạo Phật, bắt nguồn từ tinh hoa chánh pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni khởi truyền trên hai mươi lăm thế kỷ trước đây. Đức Huỳnh Giáo Chủ xác định giáo lý của Ngài giảng dạy cho tín đồ chính là giáo lý của nhà Phật vì Ngài "Rút trong các Luật, các Kinh" của Đức Phật.

Tóm lại Phật giáo Hòa Hảo không hẳn là một nền đạo Phật canh tân, mà chính là một tông phái của đạo Phật mang một số thích nghi với bối cảnh xã hội, lịch sử và từ đó Phật giáo Hào Hảo ra đời.

Qua những thập niên 30 và 40, đời sống nông dân Việt Nam thấp kém, còn lạc hậu. Số người biết đọc, biết viết ít oi.Trường học, sách vở, kinh sách càng hiếm. Trong tình trạng nghèo, thất học, bịnh tật, thiên tai, áp bức triền miên, đắm chìm trong rượu chè cờ bạc, mê tín dị đoan, đồng bóng, bùa ngãi. Ánh sáng Phật pháp đã không đến để soi sáng về dân trí cũng như đạo đức của họ. Với lòng từ bi vô bờ bến, với tự giác và viễn kiến của Đức Huỳnh Giáo Chủ, nên Ngài nhận thấy quần chúng nhân dân này đáng thương cần cứu độ mà còn thấy ở họ một tiềm lực lớn trong công cuộc chống ngoại xâm. Ngài đến với họ, trao tặng họ Phật pháp, đạo đức, niềm tin, lý tưởng và chuyển hóa họ

thành một đoàn thể tu hành chân chính cũng như thành một lực lượng ái quốc và cứu quốc.

Trong cuộc trao đổi giữa một lãnh tụ, ông Tạ Thu Thâu và Đức Huỳnh Giáo Chủ Phật giáo Hòa Hảo với câu hỏi: "Tại sao hầu hết các tín đồ của giáo chủ là nông dân thiếu học?". Đức Huỳnh Giáo Chủ trả lời: "Trong một xã hội có nhiều thành phần người. Quý ông đã lựa chọn giới có học mà thâu nhận vào đảng và quý ông bỏ rơi đám người nông dân thiếu học.Quý ông bỏ họ, thì tôi phải cứu vớt họ, chớ không lẽ bỏ rơi luôn họ sao?Họ cũng là người Việt Nam, là chúng sanh, và tôi chắc họ sẽ đóng góp nhiều cho công cuộc đấu tranh sắp tới. Chẳng khác nào quý ông đã lựa chọn chén kiểu, chén sứ, bỏ mảnh sành, nồi đất; thôi để tôi lo cho lớp người thất thế trong xã hội đó". Thật là một sự giải thích giản dị, sâu sắc, đầy đủ với lòng từ bi bao la của Ngài.

Đức Huỳnh giáo chủ hoằng dương chánh pháp tùy trình độ, căn cơ của chúng sanh, không phân biệt thành phần nào trong xã hội, không luận tuổi tác, giàu sang, trí thức, quê dốt, nghèo nàn, nghề nghiệp. Nếu ai tin, nghe theo lời chỉ dạy và tinh tấn tu hành bất thối chuyển thì chắc chắn sẽ được vãng sanh Tịnh Độ. Với những câu thơ sau đây, nói lên lòng từ bi bao la của Ngài đối với nhân loại chúng sanh:

Nhân dân bá tánh cũng con lành

Thầy dạy cho đều khắp chúng sanh

May mắn vận thời đưa đến chốn

Tiền khiên dẹp gác kiếm con lành

Hay:

Giàu sang nghèo khó cũng người

Nên ta thương hết dầu cười hay khen

Qua giáo lý của Ngài, chúng ta thấy:

- <u>Không phân biệt tuổi tác:</u>
  Đạo đời chẳng luận người cao tuổi

Hay:

Khuyên trong lê thứ trẻ già

Tu hành hiền đức, Phật mà cứu cho

- <u>Về người quê dốt:</u>
  Những người quê dốt thật thà
  Cũng nên tu niệm nhờ mà thân sau

- <u>Về nghề nghiệp</u>
  Việc bán buôn phải giữ ngang cân
  Chớ tập tánh lận lường tráo đấu

Hay:

Giáo viên các sở các thầy

Khuyên mau tỉnh ngộ tập rày lòng nhân

<u>Luận về giàu nghèo Ngài cho biết như sau:</u>

Phật trời chẳng luận giàu, nghèo

Ai nhiều phước đức được vào cõi Tiên

Hay:

Cứu dân bất luận giàu sang khó nghèo

-Về người giàu: có Cấp Cô Độc thiệt danh là Tu Đạt Nã, là một trưởng giả xứ Xá Vệ, có lòng bố thí tiền của cho những người cô độc bần nhân. Do tấm lòng từ thiện đó, người ta gọi ông là trưởng giả Cấp Cô Độc. Ngoài việc này, ông vì Phật pháp đem hết kho vàng ra lót đầy vườn của Thái Tử Kỳ Đà, con vua Ba Tư Nặc để mua vườn ấy dùng làm Tịnh xá cho Đức Phật. Đức Huỳnh Giáo Chủ nhắc lại tích này trong giáo lý của Ngài như sau:

Cấp Cô Độc là nhà bá hộ

Còn đành lòng bố thí xả thân

Chữ vinh hoa phú quý chẳng cần

Miễn hiểu đạo hơn là châu báu

Ngài cũng khuyên chúng sanh:

Ngày nay tốt phước sang giàu

Xin thương kẻ khó giúp hào một khi

-Về người nghèo: có thầy Nhan Hồi là bậc cao đệ thứ nhứt trong hàng Tứ Phối của Đức Khổng Tử, là người "an bần lạc đạo". Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng nhắc lại tích này trong giáo lý của Ngài:

Nghèo Thầy Nhan bầu nước đai cơm

Tuy cơ hàn mà được danh thơm

Hơn phú quý ngồi ôm bã lợi

Hay:

Nghèo thời dùng đỗ cháo rau

Bền lòng niệm Phật thì sau thanh nhàn

- <u>Về người nông dân:</u>

Ta là cư sĩ canh điền

Lo nghề cày cuốc cũng chuyên tu hành

- <u>Về người công nhân:</u>

Nhớ từ bi hai chữ ngâm nga

Dầu làm lụng cũng là trì chí

- <u>Về người trí thức:</u> là thành phần có nhiều phương tiện đưa đến danh, lợi, tình, nên dễ trụy lạc, càng xa lánh đường đạo

Khuyên người trí sĩ mau mau tỉnh

Giấc mộng nam kha chốn thế trần

Và cũng nên:

Di Đà miệng niệm lánh trần gian

Phải tin tưởng vào:

Chư Phật sớm bày phép hiển linh

Cứu khổ nam mô vô lượng phước

Để rồi:

Phàm trần vạn kiếp kiến Bồng lai

Giáo lý của Đức Huỳnh Giáo Chủ thật thâm diệu, vì Ngài rút ra từ Kinh Luật của nhà Phật "rút trong các luật các kinh". Ngài rút ngắn gọn, như dùng từ giản dị "kể từ nay nói chuyện chiều mơi, chớ chẳng nói dông dài khó hiểu", nói lời bình thường "chẳng nói cao vì sắp rốt đời", để chúng sanh dễ hiểu, dễ hành vì "hành y thì đáng vàng mười", cũng như "tìm hiểu nghĩa làm theo đắc đạo".

Đối với nhân loại chúng sanh, những ai đã bước vào đường đạo cũng như ai còn phân vân, vì "trong bá tánh sầu thành chất ngất, mãi nghi nan chẳng biết đàng nào" thì hãy nên suy nghiệm lại, ở khoảng giữa thế kỷ 20, tại miền Nam nước Việt xuất hiện một bậc Thánh Tăng siêu phàm với lòng từ bi vô bờ bến cứu thế độ đời. Vị đó, không ai khác, chính là Đức Huỳnh Giáo chủ Phật giáo Hòa Hảo, có tục danh là Huỳnh Phú Sổ. Ngài ra đời khai đạo đúng vào ngày 18 tháng 5 năm Kỷ Mão (1939) tại làng Hòa Hảo quận Tân Châu tỉnh Châu Đốc.

Trong bài "Sứ mạng của Đức Thầy" chính tay Ngài viết: "...Thiên Tào đà xét định, khắp chúng sanh trong thế giới trong buổi Hạ Ngươn này, say mê vật dục, chìm đắm trong biển lợi danh, gây nên nghiệp quả, luật trời đã trị tội xét kẻ thiện căn thì ít, người tội ác quá nhiều, chư Phật mới nhủ lòng từ bi cùng các vị chơn Tiên lâm phàm độ thế, trước ra công cứu khổ, sau chỉ rõ cơ huyền, khuyên kẻ thế hướng thiện quảy đầu, cải tà quy chánh thì mới mong Thiên đình ân xá bớt tội căn để kíp đến Long Hoa chầu Phật, trước biết rõ luật Trời thưởng phạt, cùng hữu duyên nghe

Phật pháp nhiệm mầu, kiến diện bậc Chơn Sư, tu hành mau đắc quả, sau làm dân Phật quốc hưởng sự thái bình, bởi đời này pháp môn bế mạc, Thánh đạo trân vu, người tâm trí tối đen, đời lắm Ma Vương quấy rối. Ta là một trong các vị cứu đời ấy. Ai liễu đạo theo quốc độ nào thì cũng phải trở về quốc độ ấy mà trợ tế nhân dân; vì thể lòng từ bi bác ái cùng thù đáp những linh hồn đã trợ duyên trong nhiều kiếp giúp ta nương cậy tu hành, nên ngày 18 tháng 5 năm Kỷ Mão, ta hóa hiện ra đời cứu độ chúng sanh. Tuy là nhơn dân mới rõ pháp mà tưởng rằng ta thượng xác cởi đồng chớ có dè đâu chuyển kiếp đã từ lâu chờ đến ngày ra trợ thế..."

Cũng có kẻ còn nghi ngờ Ngài "dân với chúng còn nghi mãi mãi, đạo tu hành nói phải mà nghe", cũng như "tu hành mà mãi nghi nan, sợ ta gạt gẫm cũng kỳ cho dân" và Ngài cũng cảnh tỉnh nhân loại, "rằng ngày nay có Phật có trời, kẻo dân thứ nhiều người kiêu ngạo" nên Ngài không ngần ngại cho biết Ngài từ cõi nào xuống để làm tăng đức tin của người đời còn nghi vấn mà đặt trọn lòng tin vào Ngài lo tu hành để khỏi bị sa đọa trong thời kỳ hoại diệt.

Như Ngài cho biết:

Bồng lai Điên lại có ngôi

Tây Phương Cực Lạc Khùng ngồi tòa sen

Cũng như Ngài được lịnh Thiên Hoàng, nên phải lìa xa chín phẩm Ngọc Tòa, lâm phàm giả dạng Khùng Điên truyền dạy giáo lý, như đoạn thơ sau đây:

Liên Hoa chín phẩm ở Ngọc Tòa

Được lịnh Thiên Hoàng nấy sai Ta

Hạ giới dạy khuyên truyền đạo lý

Giả dạng Điên Khùng mượn thi ca

Khi mà thế gian còn lầm than thống khổ, thì Ngài chẳng yên vui nơi cõi Cực Lạc:

Nếu thế gian còn chốn mê tân

Thì Ta chẳng yên vui Cực Lạc

Hay vì thương trăm họ vạn dân đến hồi tai ách, nên Ngài đành bỏ cảnh thơm tho mùi sen báu, xuống trần cứu khổ, cứu nạn:

Cảnh Thiên trước thơm tho nồng nặc

Chẳng ở yên còn xuống phàm trần

Ấy vì thương trăm họ vạn dân

Nên chẳng kể tấm thân lao khổ

Đồng thời Ngài cho biết Ngài xuống trần là theo lệnh của Đức Phật Thích Ca phổ truyền giáo pháp khắp thế giới:

Ta thừa vưng sắc lệnh Thế Tôn

Khắp hạ giới truyền khai đạo pháp

Ngài tự nhận là đệ tử của đức Phật Thích Ca: "Tôi vẫn không quên rằng tôi là một đệ tử trung thành của Đức Phật Thích Ca" và với nhiệm vụ:

Ta là kẻ vô hình hữu ảnh

Ẩn xác phàm gìn đạo Thích Ca

Đồng thời Ngài cũng chịu lịnh của của Đức Phật A Di Đà:

Muốn tu tỉnh nay đà gặp cuộc

Đức Di Đà truyền mở đạo lành

Bởi vì Ngài thương xót chúng sanh

Ra sắc lịnh bảo Ta truyền dạy

Ngài lãnh chiếu chỉ của Ngọc Hoàng Thượng Đế:

Cúi đầu tâu lại cửu trùng

Ngọc Hoàng ban chiếu Lão Khùng giáo dân

Ngài còn chịu lịnh Minh Vương:

Điên này vưng lịnh Minh Vương

Với lịnh Phật đường đi xuống giảng dân

Ngài còn chịu lịnh của Đức Quan Âm như Ngài viết:

Lịnh Quan Âm dạy biểu Khùng troàn

Cho bổn đạo rõ nguồn chơn lý

Đời là khổ "ta bà khổ, ta bà lắm khổ". Đức Huỳnh Giáo Chủ nguyện cứu độ chúng sanh khỏi sông mê, bể khổ, như Ngài viết:

Hồng trần lao khổ xiết bao

Khuyên trong lê thứ bước vào đường tu

Hay:

Người Cư Sĩ

Thoát ly cảnh tục sớm tu hành

Hay:

Phật từ bi đặng chữ cao thanh

Người lương thiện hưởng muôn điều hạnh phúc

Chỉ có tu mới thoát khổ.Trong đạo Phật có hai phương cách cho người muốn bước vào đường tu hoặc là tại gia hay là xuất gia.Hạng xuất gia chúng tôi đã trình bày ở phần trước của bài tiểu luận này.Ở đây chúng tôi muốn bàn về người tu tại gia hay hạng tại gia cư sĩ. Chúng ta hãy nghe đoạn văn sau đây của Đức Huỳnh Giáo Chủ luận giải về hạng tại gia:

" Gồm tất cả đại chúng, tất cả thiện nam tín nữ chưa đủ điều kiện xuất gia, vì cảm thấy mình còn nặng nợ với non song tổ quốc, với gia đình, với đồng bào xã hội, nên chưa thể làm như các nhà sư hay ni cô đặng. Tuy vậy họ cũng sẵn sàng hoan nghinh ca tụng lý tưởng từ bi bác ái đại đồng của nhà Phật và luật Nhân – Quả do Phật thuyết ra. Thế nên ở tại nhà, họ thờ nguyện đức Phật, phát nguyện quy y, giữ gìn ít điều giới luật, hằng coi kinh sách, sửa tánh, răn lòng, ủng hộ các sư. Như thế họ cũng lần lên con đường giải thoát.Đây là hạng người học Phật tu nhân. Bàn xét như trên, thấy rằng toàn thể trong đạo chúng ta thuộc hạng tại gia cư sĩ học Phật tu nhân vậy"

Trong đạo Phật, người học Phật tại gia gọi là cư sĩ. Theo Duy Ma Kinh Sớ của Tuệ Viễn nói về cư sĩ: "Cư sĩ có hai loại: một loại tích lũy được nhiều của cải (cư tài – cư sĩ), một loại là tu đạo tại gia, tức là cư gia đạo sĩ cũng gọi là cư sĩ"

Khi Phật Thích Ca vừa thành đạo dưới cội bồ đề. Ngài muốn tìm lại những bạn đồng tu trước kia là anh em Kiều Trần Như để độ cho họ pháp tu. Trên đường đi họ gặp hai thương khách Bahallik và Trapusha:Họ chiêm ngưỡng dung mạo Phật uy nghi tỏa ánh hào quang.Họ bèn đến đảnh lễ và dâng lên Đức Thế Tôn phẩm vật cúng dường. Đức Phật mỉm cười đặt tay lên đầu hai người thọ nhận quy y và truyền giới. Theo lời Phật dạy sau khi quy y Tam Bảo và thọ ngũ giới, hai đệ tử này có thể ở tại nhà tiếp tục cuộc sống bình thường để tu học. Như vậy sau khi Phật thành đạo cũng độ cho hạng tại gia tức là tại gia cư sĩ đầu tiên.

Một người sống đời bình thường, muốn bước vào đường tu phải có lòng tự giác cao độ thì mới mong đạt thành đạo quả. Như Đức Phật thuở trước, tự giác xả thân tầm Đạo nên ngày hôm nay chúng ta mới biết được "Đạo mà biết mùi thơm bát ngát". Cho nên chúng ta là người con Phật, là tín đồ của Đức Huỳnh Giáo Chủ, chúng ta phải noi gương Đức Phật, Đức Thầy:

Theo đòi gương phẩm Thích Ca

Dốc đem tâm chí tìm ra Đạo mầu

Và Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng không ngần ngại nói với nhân loại chúng sanh rằng:

Nói cho đời hiểu Phật Thích Ca

Lòng tự giác xả thân tầm Đạo.

Nếu Đức Phật không từ bỏ "Mình vàngThái Tử ngôi còn bỏ, vóc ngọc Đông Cung tước phế liền" thì ngày nay nhân loại vẫn chìm đắm trong bể khổ mà không tìm ra lối thoát.

Là người tín đồ Phật giáo Hòa Hảo hành đạo tại gia còn gọi là tại gia cư sĩ, chúng ta phải tự xét, tại sao chúng ta tu? Có phải vì sợ "chết" mà chúng ta tu hay chúng ta tu để cầu "tài" cầu "lộc". Những nguyên do này đều không xác thực, quá mơ hồ viễn vọng, mà ta phải tự suy nghĩ lại và xác định một cách rõ ràng có phải vì bổn phận mà chúng ta tu không! Như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên:

Tu hành đâu kể nhục vinh

Ta làm bổn phận ngạo khinh mặc đời

Bổn phận mà Đức Huỳnh Giáo Chủ nói ở đây chính là bổn phận phải đền đáp Tứ Đại Trọng Ân.Bất cứ người nào có mặt trên đời này đều không thể phủ nhận bốn ân lớn này.

Đức Huỳnh Giáo Chủ còn nhắc chúng ta:

Phận tu hành tai gác mặt lì

Chịu cay đắng của người san sớt

Hay:

Theo học Đạo mặc ai mai mỉa

Ta cũng đừng gây gổ với người

Đức Huỳnh Giáo Chủ tuyên bố: " toàn thể trong đạo chúng ta thuộc hạng tại gia cư sĩ, học Phật tu nhân vậy". Trong lời tuyên bố này có hai điểm: tại gia cư sĩ và học Phật tu nhân. Như vậy hạng người mà Đức Huỳnh Giáo Chủ tìm kiếm để đào luyện là hạng tại gia cư sĩ, là đám quần chúng đông đảo trong xã hội như thệ nguyện của Ngài là "độ tận chúng sanh" là hạng thiểu căn, thiểu phước. Và

phương pháp cứu độ hạng thiểu căn ., thiểu phước chiếm đa số trong thời Hạ ngươn này là pháp môn Học Phật Tu Nhân.

PHẦN II

- **Lược Trình về thế nào là học Phật?**

Học Phật là học tất cả những điều Phật dạy và làm tất cả những gì Phật đã làm. Pháp môn của Phật không phải tự Phật đặt ra mà là do chỗ Phật tu chứng đắc, rồi khai thị cho chúng sanh nương theo đó mà tu học.

Đức Phật đã tìm thấy con đường giải thoát rồi chỉ dạy cho chúng ta, nếu chúng ta muốn được giải thoát như Ngài thì phải tuân thủ theo những điều Ngài chỉ dạy. Làm theo những lời Ngài giáo huấn, chúng ta mới tránh được mọi chướng ngại làm thối chuyển đường tu của chúng ta mà đạt đến chỗ giải thoát viên mãn.

Vậy học Phật, phải học tất cả việc làm của Phật từ chỗ tu nhân cho đến khi thành đạo. Nếu chỉ học Phật, làm theo điều Phật đã hành trong giai đoạn thành đạo mà bỏ giai đoạn tu nhân của Phật thì còn thiếu sót như xây nhà mà thiếu nền móng.

Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên chúng ta: "Phật từ thiện cách nào ta phải từ thiện cách nấy, Phật tu cách nào đắc Đạo rồi dạy ta,ta cũng làm theo cách nấy. Thầy cảnh tỉnh giác ngộ điều gì chánh đáng thì khá vâng lời."

Học Phật là học làm theo bốn đại đức của chư Phật, gắng công trì niệm làm sao cho đắc được bốn đức ấy, như Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy chúng ta:

" Chư Phật có bốn đại đức. Vậy ta niệm danh hiệu Phật để nhớ Phật và rán sức làm theo bốn đại đức của Phật đặng ngày sau chứng quả như Ngài. Bốn đức ấy là:

1. Đức từ: Phật đối với chúng sanh như mẹ với con, lúc nào cũng lo lắng đến, hết lòng dìu dắt, dạy dỗ, không nỡ để cho chúng sanh sa vào đường tội lỗi mà chịu khổ não
2. Đức bi: Nếu chúng sanh nào dạy dỗ chẳng nghe, làm điều độc ác để phải tội thì Phật chẳng vì thế mà ghét bỏ, lại thương xót không cùng.
3. Đức hỉ: Thường thường an vui mà làm những việc lành. Dầu gặp hoàn cảnh trái nghịch cũng chẳng vì thế mà sanh lòng buồn bã.
4. Đức xả: Ngài chẳng chấp một pháp nào trong thế gian, sẵn lòng lìa xa các nghiệp tiền trần, tha thứ hết thảy những ai tối tăm lầm lỗi, chẳng còn vướng víu chi với cuộc lợi danh, tài sắc, nhìn cõi đời chẳng bao giờ sẵn lòng luyến ái.

Vậy ta nên niệm Phật, phải biết đại đức của Chư Phật và làm sao cho ta đắc được bốn điều ấy."

Từ, bi, hỉ, xả là bốn đức tính tiềm tàng trong lòng mỗi người chúng ta. Ai tiến triển theo chiều hướng tăng lên bốn đức tính này, người đó đã tạo được trạng thái tinh thần hòa bình giữa mình và nhân loại, hòa mình được với tất cả vạn vật. Bốn đức tính này tạo cho con người có nếp sống văn minh xứng đáng là con người thật sự. Từ, bi, hỉ, xả là phần tinh túy cao cả trong tâm hồn con người là nền tảng của mọi hành động ta. Tâm hồn ta có được tinh khiết, thanh tịnh hay không cũng do từ bốn đức tính này.

Từ, bi, hỉ, xả có sẵn trong lòng ta, nhưng ta phải tìm rồi phải thi thố, thực hành nó, cố gắng không ngừng Tìm bốn đức tính này phải gạt bỏ Tham, Sân, Si. Không còn tham, sân, si, tự nhiên ta có giàu lòng từ, bi, hỉ, xả. Ta sẽ có một sức mạnh phi thường không ai có thể tranh giành chiếm

đoạt với ta, cũng như ta sẽ cho ra với mọi người, chẳng thế mà nó không vơi đi mà lại còn đầy thêm lên.

Chỉ có cách cố gắng không ngừng mới tìm ra từ, bi, hỉ, xả, bỏ lòng tham dục, diệt tư tưởng ganh tị, oán hờn, vượt mọi khó khăn thử thách, tạo đức tin vững chắc vào giáo lý nhà Phật.

Đạo Phật chú trọng việc thiệt hành, quán tâm.Không phải học thuộc lòng nhiều kinh Phật mà không hiểu nghĩa kinh mà gọi là tu.Phải hiểu nghĩa để thực hành mới gọi là tu.Học để hiểu cách tu.Tu rồi càng hiểu nghĩa sâu hơn.

Phật pháp là chân lý, là sự thật, không có ngọn đuốc trí tuệ soi sáng thì không thể thấy được sự thật ở chungquanh. Không cần đến trí tuệ mà chỉ cần đức tin để học Phật pháp hoàn chỉnh. Chúng ta phải biết ứng dụng môn: văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ.

Văn tuệ: văn có nghĩa là nghe. Nghe giáo lý của Phật thì trí tuệ sáng lên, nên gọi là văn tuệ. Chúng ta nghe giáo lý từ các chư tăng hay từ các thiện-tri-thức. Lời lẽ giảng dạy ấy từ các kinh điển của nhà Phật chứa toàn là lời chân chính là sự thật cho chúng sanh. Càng nghe trí tuệ chúng ta càng sáng. Chúng ta tự đọc kinh Phật trực tiếp để mở mang trí tuệ cũng thuộc vào văn tuệ. Chăm chỉ nghe giảng hay tự nghiên cứu kinh sách Phật, hành giả là người biết từ văn tuệ để tiến vào ngôi nhà Phật pháp.

Tư tuệ: tư có nghĩa là nghĩ hay suy nghĩ để phán đoán lời lẽ trong Phật pháp đưa đến sự tăng trưởng của trí tuệ. Chúng ta nghe lời giảng của các bậc thiện tri thức dẫn trong kinh Phật ra, nhưng nghe rồi mà tin liền là chưa đúng phương cách của người học Phật. Ta phải dùng trí phán

đoán của ta xem ra có đúng hay sai. Nếu quả là đúng, từ đó chúng ta mớitin.

Tu tuệ: sau khi xét lời Phật dạy là đúng, chúng ta đem ra áp dụng trong cuộc sống hàng ngày, khiến chánh pháp càng ngày càng sáng tỏ, gọi là tu tuệ.

Chúng tôi xin dẫn bằng những vần thơ của Đức Huỳnh Giáo Chủ, Ngài cũng chỉ cho chúng ta phương cách học Phật qua môn Văn – Tư – Tu như sau:

Về văn:

Gìn giới luật nghe Kinh trọng Phật

Hay:

Nghe cạn lời chớ có mơ hồ

Tìm hiểu nghĩa làm theo đắc Đạo

Về tư:

Rán tinh tâm suy nghĩ Đạo mầu

Chuyện huyền cơ bí hiểm cao sâu

Hãy nghiệm xét hai đường tà chánh

Hay:

Giảng này chỉ các điều tồi

Khuyên dân hãy rán mà ngồi mà suy

Về tu:

Tu cho rõ mối huyền thâm

Qui đầu Phật pháp khỏi lâm tai nàn

Nếu chúng ta chịu khó học và hiểu giáo lý trong Sấm Thi của Đức Huỳnh Giáo Chủ, chúng ta chắc chắn nhận ra nhiều chỗ tương tự như trên mà Ngài dẫn dắt chúng ta trên đường bắt đầu tu học cho đến khi thành tựu viên mãn

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng dạy chúng ta:

Sự lễ bái không đủ cho ta tỏ ra một tín đồ chân thành của đạo Phật được. Tại sao vậy?

Vì Đức Phật chẳng bao giờ ngỏ ý rằng "các người hãy lạy thờ ta cho nhiều rồi ta sẽ độ giúp các người" mà trái lại, Ngài dạy rằng: "các người nên hiểu biết phận sự con người phải làm gì trong kiếp sống và tìm kiếm chân tánh của mình". Thiệt hành theo giáo lý của Ngài thì Ngài sẽ hướng dẫn và ủng hộ vậy.

Ta hãy đem đức tin trong sạch mà thờ kính Phật và hãy đem lòng lành mà hành động y theo lời phán dạy của Phật.

Nếu ta cứ đem đức tin thờ phượng tôn giáo bằng cách sai lầm thì rất có hại cho đời mạng ta. Như vậy chỉ tỏ ra một người rất mê tín (mặc dù đạo của ta thờ là một đạo rất chính đáng)

Vậy đồng thời với đức tin và lòng lành phải để cho nó đi cặp luôn luôn.

Có đức tin (tin về thần quyền) mà thiếu lòng lành thì rất dễ bị tà thần cám dỗ, bọn tăng đồ lợi dưỡng gạt lường. Bởi những kẻ ấy thường bày ra cúng kiếng để chuộc tội hoặc bắt buộc ta thờ kính một cách phiền phức làm cho lòng u tối thêm.

Có lòng lành mà thiếu đức tin vào công việc từ thiện của mình thì lòng lành ấy thường hay thối chuyển vậy.

Vậy đồng thời với đức tin và lòng trí lành phải đi cặp luôn luôn.

Có đức tin và lòng lành rồi thì dùng trí huệ mà bình đoán cái đạo của ta đang học hay sẽ học một cách xác thực, tìm hiểu cho rõ ràng cái mục đích ấy, như thế mới mong thoát khỏi tà kiến gạt gẫm ta đem đức tin, lòng lành cống hiến vào chỗ thấp hèn hay một ông thầy mê dốt.

Người học đạo muốn mở mang trí huệ cần phải tìm phương pháp diệt cái vô minh (tối tăm ngu muội)

Muốn diệt cái vô mình trước phải điêu luyện khối tinh thần cho mạnh mẽ đặng tự lập con đường rõ ràng, duy nhất của mối đạo mình đang học để lấy đó làm cương mục mà bài trừ những thành kiến, cố chấp, thói quen, sự chần chờ, lòng ham muốn, tánh kiêu ngạo, tật đố, gièm siểm, dua nịnh, ích kỷ tâm tư, sự gây gổ, mê đắm trong bể dục tình và sự phiền não nó làm cho náo loạn cõi lòng. Nên bài trừ được nó rồi trí huệ tất mở mang vậy.

Người có tâm nếu không tập suy gẫm cho mở trí thì hay dễ bị lường gạt.

Người có trí mà vô tâm thì hay xảo trá. Nên trí và tâm người học đạo cần tìm cách làm cho nó được phát triển cả hai để lấy tâm làm chủ trì mọi việc, lấy trí mà phán xét mọi việc trước khi ta sắp đưa cho tâm chủ trì. Được như thế chắc chắn ta học đạo mau thành công đắc quả và Ngài cũng nói "lấy tâm lấy trí xét soi".

Tu pháp môn nào?

Người tu hành cần phải tìm ra một pháp môn nào thích hợp cho chính mình để vững tiến trên đường tu tập, bền chí hành trì cho đến ngày thành tựu viên mãn.

Đức Phật đã bày ra nhiều phương tiện cũng có thể gọi là pháp môn tu, để chúng sanh nương vào đó mà công trì. Kinh điển thường nói có tám mươi bốn ngàn pháp môn của Chư Phật tùy theo trình độ và căn cơ của mỗi chúng sanh. Nhưng người tu có xem qua kinh Phật thì thường trong Kinh Phật nói có ba pháp môn mà hành giả thường hành theo, đó là Thiền Tông, Mật Tông và Tịnh Độ tông. Hiện thời hành giả hình như chỉ hành theo Thiền Tông và Tịnh Độ.

Để thấy được công năng của hai pháp môn này, chúng tôi xin nêu lên đây bốn bài kệ của Ngài Vĩnh Minh Thiền Sư. Kệ rằng:

Có Thiền Tông, có Tịnh Độ

Như thêm sừng cho mãnh hổ

Hiện tại thì làm Thầy người

Vị lai thì làm Phật Tổ.

Có Thiền Tông, không Tịnh Độ

Mười người tu, chín người đổ (rớt)

Am cảnh nếu thấy hiện ra

Chỉ chớp mắt là theo nó

Không Thiền Tông, có Tịnh Độ

Vạn người tu, vạn người đỗ (đậu)

Đã được thấy A Di Đà

Còn lo gì chẳng khai ngộ

Không Thiền Tông, không Tịnh Độ

Địa ngục đêm ngày, đau khổ

Muôn đời ngàn kiếp còn lâu

Nhờ cậy ai mà tế độ

Căn cứ vào kinh điển thì chính Đức Phật Thích Ca giới thiệu cõi cực lạc của Đức Phật A Di Đà và Ngài cũng tán dương công đức vô lượng thọ và vô lượng quang của Đức Phật A Di Đà và nguyện lực tiếp dẫn của Ngài. Từ đó Đức Phật Thích Ca khai thị pháp môn Tịnh Độ.Ngài cho biết phải nương vào lòng từ bi cùng Phật lực của Đức Phật A Di Đà với bốn mươi tám lời nguyện của Ngài.Nếu ai chuyên tâm hành trì niệm danh hiệu của Ngài và nguyện sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc thì chắc sẽ được như ý nguyện. Người tu theo pháp môn Tịnh Độ đặt trọn niềm tin vào tha lực, cứu độ và được vãng sanh.

Đức Huỳnh Giáo Chủ Phật Giáo Hòa Hảo xiển dương và phát huy pháp môn Tịnh Độ và Ngài dẫn dắt chúng sanh tu theo pháp môn này là nhứt tâm trì niệm danh hiệu Phật A

Di Đà cầu vãng sanh về Cực lạc quốc. Ngài tóm lược giáo pháp của Ngài bằng mấy câu thơ sau:

Tu thân thiện tín phải chuyên cần

Lục Tự Di Đà, giữ Tứ Ân

Hay:

Đặng khuyên những kẻ ngổ ngang

Biết câu Lục Tự, gìn đàng Tứ Ân

Như vậy giáo pháp của Ngài dạy gồm có Lục Tự và Tứ Ân (Tứ Ân chúng tôi sẽ trình bày ở phần sau)

Lục Tự là niệm sáu chữ hồng danh " NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT" cho nên người tín đồ Phật giáo Hòa Hảo hiểu chữ "Lục Tự" là biểu thị cho pháp môn Tịnh Độ.

Pháp môn Tịnh Độ thật là vi diệu, nên Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên hết thảy chúng sanh cũng như tín đồ của Ngài dốc chí hành thì "cũng có ngày kia ta giải thoát, giải thoát rồi ta sẽ rõ đạo mầu", cũng như Ngài khuyên tu:

Trần gian say đắm theo màu sắc

Tịnh Độ giác thuyền trị dục tâm

Hay:

Cư gia Tịnh Độ tâm viên mãn

Sĩ xuất văn từ dốc dạy khuyên

Đức Huỳnh Giáo Chủ muốn khai mở đạo tâm cho chúng sanh theo ý chỉ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni:

Lòng thương chúng thuyết phương Tịnh Độ

Đặng dắt dìu tất cả chúng sanh

Nếu như ai cố chí làm lành

Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật quốc

Đức Huỳnh Giáo Chủ cân nhắc một cách rõ ràng và xứng hợp với căn cơ và trình độ của chúng sanh hiện đời, nên Ngài kêu gọi chúng sanh nhứt tâm phụng hành:

Môn Tịnh Độ là phương cứu cánh

Rán phụng hành kẻo phụ Phật xưa

Lòng từ bi chẳng quản nắng mưa

Xông thuyền giác rước đưa sanh chúng

Tính khế lý và khế cơ mà từ trước tới nay có nhiều người niệm Phật mà kết quả được vãng sanh. Pháp môn này lại bao quát từ các bậc Đẳng Giác Bồ Tát, các bậc đại đức cao tăng cho đến kẻ hung ác, thậm chí đến loài súc sanh cũng nhờ trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà mà được thoát ly thân cầm thú, sanh về cảnh giới Tịnh Độ. Đức Huỳnh Giáo Chủ viết ra:

Cả vũ trụ khắp cùng vạn vật

Dầu Tiên, Phàm, Ma, Quỷ, Súc sanh

Cứ nhứt tâm tín, nguyện, phụng hành

Được cứu cánh về nơi an dưỡng

Chỉ một kiếp Tây phương hồi hướng

Thoát mê đổ dứt cuộc luân hồi

Với cõi Cực lạc, Đức Huỳnh Giáo Chủ rất rành đường ngõ, chứng tỏ Ngài đã sống trong cảnh giới ấy:

Tìm Cực Lạc, Đây rành đường ngõ

Hãy mau mau tu tỉnh mới mầu

Và Ngài cho biết cõi Tịnh Độ giải thoát con người hết nỗi buồn rầu, lo sợ, không còn bận tâm lo việc ăn mặc, rảnh rang tu học mau đắc quả, Ngài viết:

Cõi Tịnh Độ lắm điều thanh nhã

Khổ, buồn, rầu, lo, sợ chẳng còn

Các chúng sanh hãy nên tin tưởng vào lời thố lộ của Đức Huỳnh Giáo Chủ, vì Ngài giáng sinh từ cõi ấy:

Tây Phương Cực Lạc Khùng ngồi tòa sen

Hay:

Tây Phương yêu chúng chẳng ngồi lâu

Sắc của A Di Đà, Phật Tổ.

Người tu pháp môn Tịnh Độ cần phải có đủ ba đức tính căn bản: Tín – Nguyện – Hành

TÍN: niềm tin sâu sắc, kiên cố đối với ngôi Tam Bảo. Tin Đức Phật Thích Ca là đấng giác ngộ hoàn toàn và đã thân chứng cảnh giới Tịnh Độ. Những lời dạy của Ngài về cảnh giới Cực lạc và khuyên chúng sanh tu cầu về Tây phương Tịnh Độ là có thật. Tin Đức Phật A Di Đà với bốn mươi tám lời đại nguyện tiếp độ chúng sanh, nếu ai có tấm

mong cầu về thế giới Cực Lạc của Ngài thì người ấy sẽ được tiếp độ. Tin vào tự tánh thanh tịnh của mình, tin vào khả năng giác ngộ có sẵn của mình và phát tâm niệm Phật thì sẽ được vãng sanh Tịnh Độ.

Tin cõi Ta Bà là ô trược, sắc thân này là giả tạm, hư vọng, chỉ là tổ hợp của năm uẩn đầy đau khổ và bất tịnh. Tin cõi Cực Lạc là thanh tịnh, hoàn toàn an vui do công đức của Đức Phật A Di Đà lập ra để tiếp dẫn chúng sanh theo thệ nguyện của Ngài, như Đức Huỳnh Giáo Chủ dẫn giải cho người tu như:

Ta bà khổ, Ta bà lắm khổ

Tịnh Độ vui, Tịnh Độ nhàn vui

Hay:

Cõi Tịnh Độ lắm điều thanh nhã

Khổ buồn rầu lo sợ chẳng còn

Ngoài ra hành giả còn tin vào nhân – quả, luân hồi, như Đức Huỳnh Giáo Chủ cho biết:

Luật Nhân Quả thật là cao viễn

Suốt cổ kim chẳng lọt một ai

Hay:

Từ nhỏ tuổi đến người trưởng lão

Mắc trong vòng sanh tử luân hồi

NGUYỆN: Chúng sanh có đức tin mà muốn tu hành thì phải có sự phát nguyện của chính mình vào đạo. Lấy sự phát nguyện đi đầu, tâm có phát thì Phật đạo mới thành.

Nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ.Nguyện hướng về tánh giác của mình.Tánh giác là Phật tánh mà ai ai cũng có nhưng bị vô minh bao phủ nên căn trí tối tăm. Nguyện ly khổ, đắc lạc, mọi thú vui dục lạc sẽ không đắm nhiễm, chán bỏ thế giới Ta Bà sanh, lão, bịnh, tử, xa người thương, gần người ghét, mong cầu không được. Đạt được an lạc cõi Tây Phương Cực Lạc là vui hóa sinh hoa sen, vui không già, không bệnh, không buồn lo, vui thọ mạng không đoạn.Nguyện được lên ngôi cửu phẩm bất thối chuyển. Nguyện được gặp Phật A Di Đà như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên tấn:

Mãn kiếp hồng trần sanh Lạc quốc

Hưởng công niệm Phật rất yên lành

Nguyện tiến tu theo Bồ Tát đạo trên đường tiến đến quả vị Phật, không trụ nơi quả vị niết bàn, vẫn tiếp tục nguyện độ tất cả chúng sanh, như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ:

Nguyện tu thành Phật chẳng lầm

Độ trong sanh chúng hết lâm tai nàn

Hay:

"Nếu ai giữ đặng trọn lành, trọn sáng về nơi cõi Tây phương an dưỡng mà học Đạo cho hoàn toàn đặng trở lại cứu vớt chúng sanh" là Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy trong điều thứ tám của "Tám Điều Răn Cấm".

Hay:

Về Phật quốc ngày ngày an lạc

Cả giống dòng giải thoát luân trầm

Rồi đem đạo pháp huyền thâm

Độ trong sanh chúng hết lầm hết mê

Cả vạn vật đồng về Phật cảnh

Chẳng luyến trần ảo ảnh gạt lường

HÀNH: là chuyên cần niệm Phật, nuôi lớn tâm Phật của chính mình. Niệm danh hiệu Phật A Di Đà với tâm thanh tịnh, thiết tha chân thật không để cho tà niệm hay vọng niệm chen vào, thầm niệm hay tâm niệm cho đến nhứt tâm bất loạn, còn gọi là niệm Phật tam muội hay chánh định trong niệm Phật. Trong niệm Phật tam muội quan trọng là lắng nghe.Lắng nghe càng rõ thì sự nhứt tâm càng tự tập trung, tự thanh tịnh.Thanh tịnh càng kiên định thì trí tuệ càng tăng trưởng.

Niệm Phật tam muội bao trùm các căn cơ, trình độ nào tu cũng được, hoàn cảnh nào tu cũng được.Người tại gia cư sĩ trong thời mạt pháp nên gắn bó với một câu Phật hiệu mà thường là câu " NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT".Cứ vậy thọ niệm không ngừng nghỉ.Niệm đến thành Phật cũng niệm.Vì trong câu niệm này đã đầy đủ Phật pháp.

Niệm Phật đã vào nhất tâm thì tự nhiên tự giác, tự thanh tịnh.Niệm Phật nhất tâm là "mình tâm kiến tánh".Mà tâm tánh là bất sanh bất diệt hay gọi là pháp thân, "Bản lai diện mục", chân tánh, chân tâm, Niết bàn.

Niệm Phật nhất tâm không phải chỉ niệm cho nhiều vào một thời điểm nào đó rồi ngừng nghỉ, mà phải thường niệm để đừng cho tạp niệm chen vào, để không quên tâm chánh niệm trong bốn oai nghi đi, nằm, ngồi, trong sinh hoạt hay trong lúc làm việc, nghe rõ ràng từng niệm, từng câu

Điều cần yếu trong niệm Phật nhất tâm là tâm tha thiết nhiệt thành, trân trọng pháp môn, chú tâm lắng nghe cho rõ ràng dù chỉ thầm niệm. Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên:

Bá gia hãy rán làm lành

Niệm Phật cho rành đặng thấy Thần Tiên

Hay:

Niệm Di Đà rán niệm cho rành

Thì mới được sống coi Tiên Thánh

Hoặc:

Xưa nay Sáu Chữ lạnh tanh

Chẳng ai chịu khó niệm rành thử coi

Trì tâm thì quá ít oi

Bây giờ dùng thử thì coi lẽ nào

Rạch tim đem để nó vào

Thì là mới khỏi máu đào tuôn rơi

Đức Giáo Chủ khuyên như vậy là vì xưa nay người niệm Phật thì nhiều mà hầu như đa phần chỉ niệm cho lấy có chớ ít ai tâm khẩu cùng niệm.Trong lúc niệm không mấy ai thành lòng tưởng Đức Phật nghĩa là không thuần thục trong chỗ niệm, nên thiếu mãnh lực cảm ứng.Cũng có người thành tâm niệm trong phút chốc rồi lại nghĩ tưởng, tạp niệm tà khúc, không tập trung sáu căn trong chánh niệm.

Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên niệm Phật "cho rành" với cùng một ý chỉ là niệm Phật nhất tâm, hay niệm Phật tam muội. Ngài U Khê tổ sư có chỉ phương pháp niệm Phật tam muội, "Niệm Phật tam muội giả, niệm Phật nhơn, dĩ tâm duyên Phật, dĩ Phật hệ tâm, tâm tâm tương tục, vô hữu gián đoạn. Nhi thời nội tâm bất khởi, ngoại cảnh vô xâm, triều ngươn tự qui, phản lưu toàn nhứt.Chính bất thọ chư thọ nhi đắc hồ chánh thọ, cố xưng niệm Phật tam muội dã". Tạm dịch: Phương pháp niệm Phật tam muội (hay chánh định) là người niệm Phật lấy tâm duyên Phật, lấy Phật buộc tâm, niệm niệm nối liền, không hề gián đoạn. Lúc ấy nội tâm không dấy khởi, ngoại cảnh không chen vào, xoay vòng không hở, trước sau như một. Chính không thọ các cái thọ mà lại được chánh thọ.Thế nên gọi là niệm Phật tam muội.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng có câu:

Niệm Phật mà gây lấy thiện duyên

Cho đẹp mặt Tổ Tiên nòi giống

Hay:

Duyên lành rõ được khùng điên

Chẳng qua kiếp trước thiện duyên hữu phần

Hay:

Vô duyên khó biết lời Thầy nói xa

Nếu cứ được mãi như thế thì hoa sen ở ao thất bảo cõi Cực Lạc làm sao lại không nảy nở tươi tốt để đón nhận thần thức ngày giờ thiện chung, như Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên tấn chúng ta:

Ao sen báu Tây P hương đua nở

Chờ chúng sanh niệm Phật chí tâm

Hay:

Liên hoa đua nở nụ cười

Rước tôi lương đống, chào người chơn tu

Hoặc:

Tây Phương Cực Lạc Phật hằng hà

Ta rán bền lòng Phật chẳng xa

Tịnh độ, thường người ta hiểu là nhờ tha lực, nhưng tha lực và tự lực chỉ là một, không hai. Nếu chúng ta không nghe không thấy, không học, không có nhận thức, không hiểu biết, không dụng công thì chúng ta dựa vào cái gì để tự lực. Chúng ta không niệm Phật cho đến nhứt tâm bất loạn thì làm sao có tha lực. Vì vậy tha lực và tự lực, không thể tách rời nhau.Phải dụng công bền bỉ và triệt để mới mong thành đạt mục đích.

Đức Phật A Di Đà muốn tiếp dẫn chúng sanh, nhưng chúng sanh phải có duyên với Ngài.Chẳng hạn hành giả không nguyện vãng sanh Cực Lạc thì làm sao đưa người đó về Cực Lạc được.

Có tín, nguyện thì phải hành.Mà hành thì phải trì niệm. Có trì niệm mới cảm ứng chư Phật, nên Đức Huỳnh Giáo Chủ giáo khuyên chúng ta niệm Phật chỉ niệm trong tâm "Nam Mô A Di Đà Phật", sáu chữ đi, đứng, nằm, ngồi rán niệm chớ quên, không đợi gì thời khắc. Ngài viết:

Rán cần chuyên niệm Phật làm lành

Hay:

Rán trì tâm tưởng niệm canh thâu

Nằm, đi, đứng hay ngồi chẳng chấp

Cũng nhủ:

Trau tâm luyện tánh cho minh

Chuyên lo niệm Phật sửa mình cho trơn

Hay:

Hộ niệm oai linh Đức Phật Đà

Sớm, tối, đi, nằm y chánh pháp

Đi, đứng, nằm, ngồi gì ta cũng niệm Phật được. Như vậy dù ở tư thế nào ta cũng thiền định được chớ không nhất thiết phải tọa mới thiền được. Chung đụng với mọi người mà thiền định được mới thật sự là thiền, mới thật sự

là niệm Phật chánh định và tự nhiên trí huệ phát khai, Phật quả thành tựu

Kinh Pháp Bảo Đàn nói: Người đời có hai hạng, tối, sáng, pháp tu không hai bậc, vì mê, ngộ khác nhau nên thấy có chậm mau, người mê niệm Phật cầu vãng sanh về Tây phương. Kẻ ngộ tự tịnh nơi tâm.Nên Phật dạy: "tùy nơi tâm tịnh tức Phật độ tịnh". Người mê không rõ tánh mình, chẳng biết tịnh độ nơi thân mình, lo nguyện Đông nguyện Tây. Người giác ngộ dù ở xứ nào, vẫn một lòng thanh tịnh. Bởi vậy, Phật dạy: "tùy chỗ ở hằng an lạc", có nghĩa là người giác ngộ bất cứ ở nơi nào cũng thấy an vui.

Cõi Tịnh Độ không chỉ dành cho các bậc Thánh mà cũng có chỗ dành cho kẻ phàm, vì nếu như kẻ phàm nào quyết tâm tinh tấn tu học, quyết buông bỏ mọi phiền não thế gian, quyết xin vãng sanh về cõi Cực Lạc của Phật thì phút lâm chung dù còn nghiệp chưa trả hết chư Phật vẫn hoan hỉ tiếp nhận, nhà Phật gọi là "Đới nghiệp vãng sinh" lên cõi Phật tu tiếp. Ông Phan Châu Bá có hỏi Đức Huỳnh Giáo Chủ cùng ý nghĩa này và được Ngài trả lời như sau:

Đành rằng nợ thế trả chưa xong

Mà biết ăn năn sửa lấy lòng

Niệm chữ Di Đà tan chướng nghiệp

Thuyền từ Thầy rước lại non bồng

Đức Huỳnh Giáo Chủ không ngần ngại cho chúng sanh hiểu rõ lòng từ bi của chư Phật như:

Ở Tây Phương chư Phật ngóng trông

Chờ bá tánh rủ nhau niệm Phật

Hay:

Kiếm con hiền đức dắt về

Về nơi cửa Phật Tây Phương an nhàn

Cũng như:

A Di Đà nhìn xem khắp cõi

Đặng trông chờ mong mỏi chúng sanh

Hiện hào quang ngũ sắc hiền lành

Đặng tìm kiếm những người lương thiện

Niệm Phật là tâm niệm. Niệm để tống khứ cho hết các thứ ma vương (thất tình, lục dục). Chừng nào các thứ ma vương không còn nữa, chừng đó sẽ thấy Phật hiện tiền. Phật và Ma Vương không thể ở chung; nếu đuổi hết ma vương thì Phật đến, nên Kinh có câu: "Tam nghiệp tịnh thì Phật xuất thế, tam nghiệp bất tịnh thì Phật nhập diệt", nghĩa là ba nghiệp thân, khẩu, ý được sạch thì Phật đến, ba nghiệp chưa sạch thì Phật ra đi, như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ:

Di Đà lục tự rán ghi

Niệm cho tà quỷ vậy thì dang ra

Thế gian gọi Ma vương là vua của loài yêu quái, tà quỷ, chỉ cho hạng mê tín dị đoan, nhưng theo nhà Phật thì Ma vương là những thứ đắm nhiễm con người vào bể khổ sông mê làm chậm tiến bước đường tu học.

Trong Sấm Thi của Đức Huỳnh Giáo Chủ, có nơi Ngài cũng dùng chữ "ma vương" hay " tà quỷ", nhưng người tu học theo giáo lý nhà Phật thì nên nhận định từ ngữ đó Ngài nói trong trường hợp nào tùy nhận thức của hành giả tu học.

Như Đức Huỳnh Giáo Chủ dùng "ma vương" hay " tà quỷ" trong mấy câu thơ sau:

Thời kỳ này nhiều quỷ cùng ma

Trời mở cửa Qui vương xuống thế

Hay:

Sau Qui vương đi đứng nửa lừng

Thêm tên tuổi chúng sanh nó biết

Cũng như Đức Phật Thích Ca ngồi thiền định cũng bị chúng quấy phá:

Đạo gần đắc Ma vương theo khuấy

Dùng thần thông nghị lực dẹp tan

Ấy mới vừa đắc đạo hoàn toàn

Và lần bước phô trương độ chúng

Hoặc:

Nghèo lương hiền biết niệm Di Đà

Mà mai sau thoát khỏi tinh ma

Lại thấy được cảnh Tiên nhàn hạ.

Niệm Phật là nhắc ta việc ác đừng làm, việc thiện chớ bỏ qua luôn giữ tấm lòng trong sạch, giữ tâm thanh tịnh, đừng cho trần cảnh lôi cuốn ta vào ác đạo.

Tiếng niệm Phật như cây gươm linh. Vẫn biết gươm là loại khí cụ sắc bén thường dùng vào việc sát hạt, chính vì tính bén của nó mà người tu hành đem ví với trí huệ sắc bén của mình trong việc sát sáu con giặc trong bản thân cũng như vị tướng sĩ dùng gươm để sát địch. Sáu con giặc trong người là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thúc giục người ta đắm nhiễm tạo nghiệp, Đức Huỳnh Giáo Chủ viết:

Đoàn Lục Tặc ta mau sớm giết

Mài gươm trí cho tinh cho khiết

Dứt tâm trần kiếm chữ sắc không

Hay:

Kiếm huệ dứt xong rồi quả báo

Lo gì cửa Phật chẳng chen vào

Cũng như thất tình (mừng, vui, giận, thương, yêu, ghét, muốn) lục dục (sắc đẹp, danh vị, tài lợi, tư vị, hư vọng, tật đố) làm cho con người đắm say, khổ lụy:

Thắng Thất Tình giữ vẹn đạo trung

Trừ Lục Dục chớ cho ô nhiễm

Thập Tam Ma diệt bằng trí kiếm

Rứt xong rồi vô sự thảnh thơi

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng dạy chúng ta dùng trí đạo để ngăn chặn lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) không cho chúng dấy khởi và lục trần (sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp) không cho chúng cám dỗ sắc thân ta, thì con đường tu giải thoát của chúng ta mới sớm thành tựu:

Sáu đường ấy ở trong tâm ý

Ta mau mau dứt nó cho rồi

Nếu tỉnh tâm nào có mấy hồi

Mượn trí đạo đuổi ra khỏi xác

Dứt được nó ấy là giải thoát

Thì xác trần mới khỏi đọa đày

Hay:

Lũ Tam Bành trong bụng còn đeo

Đoàn Lục Tặc ta mau sớm giết

Mài gươm trí cho tinh cho khiết

Dứt tâm trần kiếm chữ sắc không

Hoặc:

Kiếm huệ phi tiêu đoàn chướng nghiệp

Phật tiền hữu nhựt vĩnh an nhiên

Theo sự giải thích của ông Thanh Sĩ "Tam Bành là ba vị thần: Bành Cư ở đầu, Bành Chất ở bụng, và Bành Kiểu ở chân hay xúi người làm quấy. Còn lục tặc là sáu con giặc

trong người như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý, sở dĩ gọi nó là con giặc là bởi nó thúc giục con người đắm nhiễm: sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân sướng, ý dục"

Đức Huỳnh Giáo Chủ viết lên câu:

Tu cầu cho đạt ngũ hương

Hươi gươm trí huệ Ma vương hãi hùng

Vậy ngũ hương là gì? Theo kinh Pháp Bảo Đàn, Đức lục Tổ Huệ Năng giải nghĩa như sau:

+ Thứ nhứt: Giới hương, tức tâm mình không nghĩ quấy, không tính điều ác, không ganh ghét, không tham sân, không mưu hại ai, đó gọi là giới hương.

+ Thứ nhì: Định hương, khi thấy các cảnh lành dữ mà tâm không loạn, gọi là định hương

+ Thứ ba: Huệ hương, tâm không bị ngăn che, luôn dùng trí huệ chiếu soi tánh mình, tránh gây điều ác. Khi thực hiện việc lành, tâm không để vướng bận điều ơn nghĩa, kính trên nhường dưới, thương xót kẻ côi cút, nghèo khó, gọi là huệ hương.

+ Thứ tư: Giải thoát hương, là tâm mình không dính líu vào bất cứ cảnh vật nào, không nghĩ điều lành, không tưởng việc ác, lòng luôn thông suốt, an nhàn, tự tại, gọi là giải thoát hương.

+ Thứ năm: Giải thoát tri kiến hương, tâm mình tuy không vướng mắc, dính líu vào một cảnh vật nào, không tưởng điều lành việc dữ, nhưng cũng đừng ép lòng dứt tuyệt mọi niệm tưởng để chìm đắm vào cõi không. Nên cố gắng học rộng nghe nhiều, phải thấy chơn tâm, thông đạt đạo lý của

chư Phật, nên vào đời giúp người cứu vật, không ngã, không nhân, tâm luôn không, động, lòng thường hướng về chánh giác, gọi là giải thoát tri kiến hương.

Hương này xông lên từ bên trong, tức là bổn giác chơn như tại tâm mình, đừng tìm bên ngoài vô ích

Đức Huỳnh Giáo Chủ giảng giải công năng của tiếng niệm Phật như sau:

"Còn phương pháp niệm Phật là để trừ cái vọng niệm của chúng sanh, vì trong tâm của chúng sanh niệm niệm mê lầm chẳng dứt, vì cái vọng niệm về việc thế trần ấy mà không cho cõi lòng an lạc, phiền não ngăn che, chơn tâm mờ ám. Nên nay, hễ thành tâm niệm Phật thì nếu được một niệm Phật ắt lìa được một niệm chúng sanh, mà niệm Phật thì lìa tất cả niệm chúng sanh. Cho đến khi nhứt tâm bất loạn, chừng ấy vọng niệm chúng sanh đã dứt thì lòng ham muốn và các tình dục còn đâu mà nảy sanh ra được?

Nên niệm Phật là niệm cái bản lai thanh tịnh của Phật cho lòng mình nương theo đó mà được thanh tịnh và chẳng còn trượt nhiễm trần ai"

Vậy hành giả tu theo pháp môn Tịnh Độ là niệm Phật cầu vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc quốc. Nếu như hành giả trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà thì có t hể chuyển biến được những việc làm trong quá khứ, cũng như có những lợi ích trong hiện tại và ở tương lai.

Trong bài thi của Đức Huỳnh Giáo Chủ ý chỉ khuyên một tín đồ sa ngã, đắm nhiễm cảnh trần, Ngài có viết mấy câu để an ủi:

Thầy thấy con nay đắm cõi trần

Đường tu lơ lảng chẳng ân cần

Thương thay công quả tu từ trước

Lại muốn bỏ đành gốc thiện nhân

Chẳng sớm về nhà lo sám hối

Cầu trên Phật Tổ giải mê căn

Như vậy, người tu hành nên suy nghĩ cho cạn lẽ và tin tưởng tu là được chuyển nghiệp với tấm lòng thành khẩn của mình, như lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ " Tu thiệt tâm thì đặng thảnh thơi, Tu giả dối thì lao thì lý"

Đức Huỳnh Giáo Chủ luôn nhắc nhở, khuyên tấn chúng ta phải niệm Phật, làm lành vì "Nam mô miệng niệm lòng lành", thì sẽ được diệu quả:

- <u>Sửa đổi tánh tình:</u>

Việc hung dữ hãy nên xa lánh

Theo gương hiền trau sửa làm người

Hay:

Nếu đã tỉnh tâm tầm lẽ thẳng

Cũng nên rèn tánh gặp đàng ngay

Hay:

Mặc tình ai gièm pha tai tiếng

Sửa tâm lành như miếng hoa thơm

Đến chừng hoa nở nhụy đơm

Thì là trần thế mới hờm bẻ hoa

Hay:

Ngày hằng giải ngũ qui tam

Sắc không, không sắc tánh phàm đổi thay

Hoặc:

Muốn niệm Phật chẳng cần sớm tối

Ghi vào lòng sáu chữ Di Đà

Thì hiền lương quên mất điều tà

Đặng hạnh phúc nhờ lòng cố gắng

Trừ phiền não, nghiệp chướng:

Chữ Nam Mô dẹp được lòng sầu

Sau thấy được nhà Tiên cửa Thánh

Hay:

Niệm chữ A-Di dẹp lòng sầu

Hay:

Được thảnh thơi nhờ chữ Nam Mô

Khuyên bổn đạo rán mà trì chí

Hoặc:

Cứu khổ Nam Mô vô lượng phước

Hay:

Phật Tiên thương hết cả nhơn sanh

Tu tỉnh trì tâm đạo rán hành

Chớ lấy sự sầu gieo não trí

Để Thầy an ổn dẫn quần sanh

<u>Ông Sư Vải Bán Khoai cũng có câu:</u>

Niệm Phật vui thú thảnh thơi

Buồn sầu giải hết, mặc người cười chê

<u>Diệt trừ tham, sân , si:</u>

Câu đạo lý thiệt tường, thiệt tận

Khuyên dương trần bớt giận đừng gây

Hay:

Tham, Sân, Si chớ để trong lòng

Phải giữ lòng cho được sạch trong

Mới thoát khỏi trong vòng bịnh khổ

Hay:

Chữ Tham trong ý muốn mặc tình

Rán định tánh trừ cho nó tuyệt

Hay:

Sân, Si phỏng có điều thêm bận
Nhẫn nhịn ắt không chuyện kéo dài

Hay:

Dứt mê tâm dứt điều hờn ghét
Rán cần chuyên niệm Phật làm lành

Hoặc:

Tu cầu Phật hóa tánh tình
Lưới mê chẳng buộc nhẹ mình tiêu dao

Hay:

Chúng sanh nên tầm quạt ba tiêu
Chửa hỏa diệm nơi thân cho tắt
Thì đạo hạnh ngày kia mới đắc
Chớ chứa hồn đứa dữ ích gì
Phận tu hành tai gác mặt lỳ
Chịu cay đắng của người sang sớt

<u>Làm tăng lòng thương người và thể hiện lòng từ bi:</u>

Muốn bổn đạo tánh tình chơn chất
Rèn lòng hiền thương xót lẫn nhau

Hay:

Dòm xem kẻ khó tảo tần

Rộng tâm sang sớt dắt lần với nhau

Hay:

Khá thương những kẻ bần cùng

Tâm lành dư của hãy dùng vào đây

Hoặc:

Hãy thương xót những người tàn tật

Thấy nghèo hèn chớ khá khinh cười

Hay:

Ngày nay tốt phước giàu sang

Xin thương kẻ khó giúp hào một khi

Tiêu trừ tật bịnh: sự cảm ứng của Phật trời với người tu niệm chí thành sẽ được linh ứng là " hữu thành tất hữu thần", như lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ:

Tu cầu bịnh tật tiêu tan

Từ, bi, hỉ, xả Phật ban phép lành

Trong thi văn giáo lý ghi lại, có một vị cao niên làm một bài thi hỏi xin nhờ Đức Huỳnh Giáo Chủ chữa trị giùm đôi mắt không thấy của ông và được Ngài đáp lại với lời khuyên như sau:

Di Đà lục tự ấy phương châm

Ghi dạ xin ông hoặc đứng nằm

Khấn vái trì tâm người thượng cổ

May Trời phò hộ phước cho thầm

Khuyên đó lòng son chớ vội buồn

Hữu thành Phật độ ắt qua truông

Nhờ ơn Tiên Thánh trăm muôn một

Tôi cũng giùm cho đặng thấy tuồng

Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên bảo người tu hành khi gặp phải cơn bịnh hoạn nên thành lòng làm theo cách Ngài chỉ sẽ có hiệu nghiệm:

Có đau xem thuốc ba bài

Tâm thành cầu nguyện ắt nay bịnh lành

Giấy vàng xé nhỏ đành rành

Để trên bàn Phật chí thành uống ngay

Thánh Thần phưởng phất hồn bay

Ở đâu cũng đến độ rày chúng sanh

Hay:

Có đeo bịnh tật vào thân

Giấy vàng xé nhỏ vái Thần độ cho

Thành lòng nước lã nên hồ

Hữu tâm chí đức cam lồ Phật ban

Cũng như qua hành động thương người mến vật rộng lòng bố thí cũng cảm ứng với Phật trời mà được độ lành bệnh:

Làm nhân ái ắt tiêu bệnh tật

Vậy hãy mau tầm đạo Thích Ca

Phật tại tâm chớ có đâu xa

Mà tìm kiếm ở trên non núi

Trong thi văn giáo lý của Đức Huỳnh Giáo Chủ ghi lại về việc ông Hương bộ Thạnh trước kia ghiền á phiện rất nặng, sau nhờ Đức Huỳnh Giáo Chủ dùng huyền diệu làm cho bỏ được bịnh này

Chán bịnh hiểm nghèo cậy Phật Tiên

Tâm thành phù hộ hết nạn ghiền

Dưỡng thân đạo đức giồi linh trí

An thể hiền tu ắt được nguyên

Chặt dạ tinh thần thêm mập khá

Bền lòng khí lực tráng ngươn nhiên

Dẹp mâm, dẹp chiếu cho tiêu tán

Theo dõi Bồng Lai lánh cõi thiềng

Ông Sư Vải Bán Khoai cũng có câu:

Niệm Phật bịnh tật tiêu tan

Như sương tan tát như hồ nước trong

Được vinh hiển:

Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên người tu hành "trồng bông kiển giống chi hưởng nấy", cho nên cái kết quả của người tu là sẽ hưởng được muôn điều hạnh phúc. Những câu thơ sau đây, Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên tấn chúng ta vững tiến trên đường tu sẽ được toại nguyện:

Không tu chừng khổ cũng ưng

Tu hành gặp cảnh vui mừng toại thay!

Hay:

Đất với nước hậu lai vinh diệu

Đạo lo tròn yểu điệu tấm thân

Hay:

Tính xong món nợ lần khân

Thoát vòng cương tỏa pháp thân nhẹ nhàng

Tiêu diêu đạo đức luận bàn

Vân du vỏ trụ thanh nhàn biết bao

Hoặc:

Hội Long Hoa chọn kẻ tu mi

Người hiền đức đặng phò chơn chúa

Hay:

Trở chơn cho kịp Long Hoa

Long Hoa có mặt ấy là hiền nhân

Hoặc:

Mau chân bước đến Long Hoa Hội

Chầu Phật hòa vui cõi Đại Đồng

Ông Sư Vải Bán Khoai cũng có câu:

Rán mà niệm Phật cứu mình

Đến chừng lập hội Long Đình hiển vinh

Cứu Cửu Huyền Thất Tổ: chúng ta tu không phải đến khi đắc đạo mới cứu Cửu Huyền, mà trong hiện kiếp chúng ta tu cho bản thân mà cũng phải tu cầu chư Phật cứu Cửu Huyền Thất Tổ, như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ:

Tu cầu yên nước lợi nhà

Cửu Huyền Thất Tổ Diêm La thoát hình

Hay:

Tu cầu cứu vớt Tổ Tông

Với cho bá tánh máu hồng bớt rơi

Một cách thiết thực, cụ thể, chúng ta tu cầu cho Cửu Huyền Thất Tổ qua hai thời cúng lạy hằng ngày hay có thể nhiều thời hơn nữa qua hai câu trong bài Tây phương ngũ nguyện:

Nam Mô nhị nguyện cầu: Cứu Huyền Thất Tổ Tịnh độ siêu sanh

Và Nam Mô tam nguyện cầu: phụ mẫu tại đường tăng long phước thọ, phụ mẫu quá khứ trực vãng Tây phương.

Hay:

Thường nguyện cầu siêu độ Tổ Tông

Với bá tánh vạn dân vô sự

Ông Sư Vải Bán Khoai cũng có câu:

Niệm Phật thọ mạng tăng long

Cứu Huyền Thất Tổ đặng về Tây phương

Được thần linh bảo hộ và Phật vãng lai cứu nàn:

Ai mà tu tỉnh chuyên cần

Làm đường ngay thẳng có Thần độ cho

Hay:

Chữ Lục Tự trì tâm bất viễn

Thì lâm nguy có kẻ cứu mình

Hoặc:

Lòng Sáu Chữ nhớ không có ngớt

Thì nạn tai cũng thoát như không

Hay:

Khuyên trong lê thứ trẻ già

Tu hành hiền đức Phật mà cứu cho

Được về cõi Tây phương cực lac:

Niệm Phật nào đợi mùi hương

Miễn tâm thành kính Tòa chương cũng gần

Hay:

Ở Tây Phương chư Phật ngóng trông

Chờ bá tánh rủ nhau niệm Phật

Hoặc:

Tu cầu cửa Phật đặng vào

Gót sen thong thả xiết bao thanh nhàn

Hay:

Cầu cho già trẻ gái trai

Rủ nhau niệm Phật liên đài ắt lên

Hoặc:

Dặn lòng lục tự mựa đừng sai

Qua bể về quê ngỏ chuốc hài

Tiên cảnh kìa kìa gần lộ vẻ

Chờ người hữu phước đến liên đài

Công hạnh của người tại gia cư sĩ:

Đức Huỳnh Giáo Chủ tuyên giáo: " Thế nên ở tại nhà, họ thờ phượng Đức Phật, phát nguyện quy y, giữ gìn ít điều giới luật hằng coi kinh sách, sửa tánh, răn lòng, ủng hộ các sư. Như thế họ cũng lần lần lên con đường giải thoát."

Hành giả phát tâm tu hành, trước tiên phải phát nguyện quy y, tức là quy y Tam Bảo: quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Giáo lý nhà Phật là độ tận chúng sanh.Trong lục đạo, trừ địa ngục là nơi thọ khổ vô cùng tận nên không thể quy y được.Các đường khác như Trời, Người, Thần, Ngạ quỷ và Súc sanh, chỉ cần phát tâm quy y đạo Phật đều được tiếp nhận cả. Cũng giống như đứa trẻ đến tuổi vào trường bất luận giàu nghèo, sang, hèn, ngu đần hay thông minh đều được ghi tên nhập học.

Chúng ta đừng quan niệm rằng chỉ cần đọc kinh sách Phật là tu được cần gì phải quy y. Hãy suy nghĩ lại vì kinh Phật là do Phật thuyết, rồi được các vị đại đệ tử của Phật kiết tập thành kinh để truyền hậu thế. Nay, nếu nói chỉ cần xem kinh Phật không cần biết đến Phật là người nói ra kinh ấy, cho đến không cần biết vị Tăng là người có công truyền bá Kinh ấy. Dù cho có quy y Pháp, là chỉ biểu lộ tính vong ân, không thể chấp nhận. Đành rằng người tu hành nhờ Pháp bảo làm nền tảng, nhưng Pháp bảo cũng từ Phật bảo và Tăng bảo mà ra, như vậy Tam Bảo là ba yếu tố không thể tách rời được.

Kinh Phật dạy người đời, dù làm thiện nhưng không diệt trừ được ác nghiệp của đời trước mà chỉ có quy y Tam Bảo mới có thể tiêu trừ được ác nghiệp tiền kiếp.

Là tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, chúng ta hãy bình tâm, nghe lời khuyên của Đức Huỳnh Giáo Chủ:

" Trong khi các trò còn ở trong biển mê sông khổ, thường bị những chướng nghiệp nhiều đời mà làm cho linh hồn chìm đắm trong ba cỏi sáu đường, xuống xuống lên lên, luân hồi chuyển kiếp, ấy cũng tại sự mê lầm của lục căn mà say đắm lục trần, ý thức lầm lạc ấy khiến các trò nhận lấy cái thân ô trượt này là thật, cái cảnh phú quý cùng cuộc tình duyên tồn tại vui say. Nào hay thân vô thường tạm mượn do tứ đại hiệp thành. Cuộc phú quý tựa đám phù vân, cái sắc nước hương trời ấy của các trò có khác chi cành hoa sớm nở chiều tàn, không chi bền chắc, còn tội chướng thì linh hồn phải chịu luân chuyển báo đền.

Ngày nay đã tỉnh ngộ quy y cùng Phật pháp.Như vậy cửa trường sanh bất diệt các trò đã gặp nẻo, nương đèn trí huệ ly xuất phàm trần, chán cảnh phồn hoa tìm nơi tịch tịnh.Nhưng các trò tuy lòng mộ đạo, chớ chưa hiểu rành nẻo bước đường đi. Hãy tạm xét chữ quy y cho thấu đáo: Quy là về, mà về đâu? Về cửa Phật. Y có nghĩa là vâng lời theo khuôn mẫu"

"Vậy quy y đầu Phật là nương nhờ cửa Phật và làm y theo lời Phật dạy. Phật từ thiện cách nào ta phải từ thiện theo cách nấy. Phật tu cách nào đắc đạo rồi dạy ta, ta cũng làm theo cách nấy".

Quy y thì phải hành y

Giữ lòng thanh tịnh từ bi giúp đời.

Lời Đức Huỳnh Giáo Chủ

Người Cư Sĩ

Công phu tu tập của giới tăng sĩ hay giới tại gia cư sĩ là tự nguyện đặt mình vào kỷ luật để nuôi dưỡng đời sống tâm linh. Họ phải tuân thủ năm giới, mười giới hay nhiều hơn nữa, cũng như hai trăm năm mươi giới cho Tỳ Kheo, ba trăm bốn mươi tám giới cho Tỳ Kheo ni hay bốn mươi tám giới cho Bồ Tát. Những giới luật ấy là những nguyên tắc hành trì, để sống có phẩm chất hơn. Giới luật ấy giúp con người nhận ra được một cách sâu sắc hơn về bản chất của cuộc sống, nuôi dưỡng được niềm tin vào cuộc sống hiện tại và hướng đi tương lai.

Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy: " Điều cần nhứt là giữ giới luật hằng ngày". Giới luật là điều căn bản của người tu hành bất luận là tăng sĩ hay cư sĩ.Có người giữ giới nhiều, có người giữ giới ít. Nhiều hay ít là tùy theo cách hành đạo của mỗi người. Nhưng mọi người đều hiểu giới luật là hàng rào ngăn chặn các điều tội lỗi.

Đức Huỳnh Giáo Chủ đề ra tám điều giới luật tức là " Tám Điều Răn Cấm" để tín đồ gắng công trì giới vì Ngài biết đời văn minh vật chất, người tu dễ bị vi phạm giới luật, mà nếu vi phạm giới luật thì công phu tu hành khó mong thành đạt và Ngài cũng khuyên:

Gìn giới cấm sửa tâm ô tạp

Niệm Phật thì phải diệt lòng tà

Hay:

Phật từ bi độ trong nhơn vật

Là Luật kinh dạy rất tinh tường

Nếu chẳng nghe hồn vướng tai ương

Chừng ấy mới kêu mời khó rước

Tám điều răn cấm trong giáo lý Phật giáo Hòa Hảo, tuy thấy đơn giản nhưng nó gồm nhiếp Tam Tụ Giới trong Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới.Nếu tính ra là giữ được một ngàn giới. Nếu ai giữ được trọn vẹn tám điều răn cấm đó tức là được trọn lành trọn sáng tức thành Phật đạo và chắc chắn có mặt tại Hội Long Hoa cũng như sống đời Thượng Ngươn an lạc.

Đức Phật dạy :" giới minh nhủ nhật nguyệt, diệu như anh Lạc châu vi trần Bồ Tát chúng do thị thành chánh giác". (Tạm dịch là giới sáng như mặt trời mặt trăng mà cũng như hột anh châu lạc chư Bồ Tát đông như số vi trần đều nhờ sự trì giới mà thành bậc chánh giác).

Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương Phật dạy: " những Phật tử tuy cách xa ta hàng ngàn dặm mà luôn nhớ giữ gìn giới luật của ta, thì nhứt định sẽ chứng đạo quả. Còn những kẻ thường ở với ta, theo bên ta, tuy thường thấy ta, mà không thuận theo giới của ta, thì không đắc đạo được."

Người tu đạo Phật tại gia phải lập ngôi thờ phượng trong nhà đang ở tại một vị trí trang nghiêm thích nghi cho việc lễ bái. Theo tôn chỉ hành đạo của Đức Huỳnh Giáo Chủ, người tín đồ phải lập ba ngôi thờ phượng trong nhà, trên hết là ngôi tam Bảo thờ Phật, kế dưới là ngôi thờ Cửu Huyền Thất tổ và một bàn Thông Thiên ở ngoài trời. Ba ngôi này tượng trưng đạo Phật, Thánh đạo và Tiên đạo.

Về cách thờ phượng và hành lễ Đức Huỳnh Giáo Chủ có những lời khuyên dạy, tiến bộ, tự do, chí lý, sâu sắc. Những tư tưởng này rất thích hợp cho người tu tại gia vì giản dị mà vẫn thể hiện được tính trung thực, hoàn hảo

cốt tủy tư tưởng Phật đạo là lý nhân quả, đặt trọng tâm vào việc tu tâm sửa tánh chớ không phải vào hình tướng, lễ nghi bề ngoài. Đức Phật tự coi mình như là vị đạo sư chỉ dẫn chúng sanh con đường tu tập.Ngài không bao giờ tự xưng mình là một đấng thần linh ban phúc giáng họa hay cứu giúp kẻ nào chỉ mong cầu khẩn Ngài.

Đạo Phật lấy lý nhân quả hay nhân duyên làm nền tảng gieo nhân nào thì gặt quả nấy, không thể vì cầu khẩn mà làm sai lạc đi lý nhân quả.

Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên tín đồ chỉ nên thờ tấm trần màu dà thay vì thờ cái hình vẽ Đức Phật một cách lệch lạc, giả tạo. Ngài muốn tín đồ hướng vào nội tâm để tìm Phật tánh của mình để mình có thể trở thành Phật, đừng ỷ lại quỳ lạy hình vẽ và cầu mong, đó là những chướng ngại trên đường tu tập.

Đức Huỳnh Giáo Chủ chỉ cho chúng ta tu đúng theo chánh pháp của Đức Phật:

Đạo vô vi của Phật ân cần

Nối theo chí Thích Ca ngày trước

Hay:

Đạo Thích Ca nhiều nẻo cao sâu

Hãy tìm kiếm cái không mới có

Cũng như Ngài khuyên:

Theo Lục Tổ chớtheo Thần Tú

Sau đây là lời chỉ dạy của Đức Huỳnh Giáo Chủ về cách thờ phượng:

" Nên thờ đơn giản cho lòng tin tưởng trở lại tâm hồn hơn ở vào sự hào nhoáng bề ngoài. Từ trước chúng ta thờ trần điều là di tích của Đức Phật Thầy Tây An để lại. Nhưng gần đây có nhiều kẻ thờ trần điều tự xưng cùng tôn phái với chúng ta, làm sái phép, sái với tôn chỉ của Đức Phật, nên toàn thể trong đạo đổi lại màu dà. Lại nữa, từ trước đến giờ các sư dùng màu dà để biểu hiện sự thoát tục của mình và màu ấy là sự kết hợp của tất cả các màu sắc khác nên có thể tượng trưng cho sự hòa hợp của nhân loại, không phân biệt chủng tộc và cá nhân. Vì vậy chúng ta dùng nó trong chỗ thờ phượng để tiêu biểu cho tinh thần vô thượng của nhà Phật."

"Về cách cúng Phật, chỉ nên cúng nước lạnh, bông hoa và nhang thôi. Nước lạnh tiêu biểu cho sự trong sạch, bông hoa tiêu biểu cho sự tinh khiết, còn nhang dùng đặng bán mùi uế trược.Ngoài ra chẳng nên cúng một món gì khác cả. Bàn thờ Ông Bà cúng món chi cũng được."

" Ngoài sự thờ Phật, tổ tiên, ông bà, cha mẹ và những vị anh hùng của đất nước, không nên thờ vị tà thần nào khác mà mình không rõ căn tích"

Các tôn giáo đều có lễ lạy nhưng với nghi thức và ý nghĩa khác nhau.Với đạo Phật, ý nghĩa và cách thức lễ lạy có sắc thái riêng.

Trong thế gian xem vàng, bạc, kim cương và danh lợi là quý báu. Nhưng những thứ này không đem lại hạnh phúc chân thực, không cứu con người ra khỏi sanh, lão, bịnh, tử. Trái lại với Tam Bảo tức Phật Pháp Tăng có năng

lực dẫn dắt con người ra khỏi phiền não và ra khỏi sanh tử luân hồi.

Đức Huỳnh Giáo Chủ chỉ dạy:

" Chỉ thờ lạy Đức Phật, tổ tiên, ông bà, cha mẹ lúc còn sống và các vị anh hùng cứu quốc. Với những kẻ khác, nên bỏ hẳn sự lạy lục người sống, cho đến Thầy mình cũng vậy, chỉ xá thôi".

Về cung cách lạy cũng có nhiều cách. Riêng Phật giáo Việt Nam thường lạy theo cung cách " ngũ thể đầu địa" tức là hai tay, hai chân và đầu đụng mặt đất. Đây là cách lạy tôn kính nhất. Khi lễ lạy người tu Phật đứng ngay thẳng, hai chân khép lại với nhau và hai bàn chân xếp theo hình chữ "V", hai bàn tay chắp sát lại nhau theo thế hiệp chưởng (không phải hình búp sen), tiêu biểu là sự nhứt tâm.

Khi lạy Phật có người đưa 2 tay lên ngực lạy xuống. Cũng có người đưa 2 tay lên trán lạy xuống theo cách ngũ thể địa đầu, tức là khi lạy phải quỳ xuống, ngửa 2 bàn tay ra như đang nâng 2 bàn chân Phật và cúi lưng xuống đặt trán mình lên mặt đất (không đặt lên 2 bàn tay). Lạy đứng hay lạy quỳ, tùy theo sức khỏe của mỗi hành giả trong lễ lạy.

Đức Huỳnh Giáo Chủ chỉ dạy tín đồ vị thế 2 bàn tay lật ngửa có ý nghĩa như sau:

Bàn tay lật ngửa vậy mà

Chớ đừng lật sấp vì Thầy tái sanh

Trong đạo Phật bao giờ sự và lý cũng phải viên dung. Chúng ta lạy Tam Bảo hay lạy bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ với tất cả thân tâm thành kính nhớ ơn. Thành kính nhớ ơn Phật, nhớ ơn Pháp, nhớ ơn Tăng và nhớ ơn Cửu Huyền Thất tổ. Cái tâm của chúng ta trong khi lạy phải hết sức trang nghiêm, không nghĩ ngợi, không mong cầu, như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên dạy:

Câu Chánh Niệm thiết tha nhiều nỗi

Khi cầu nguyện đừng cho phạm lỗi

Phải làm tròn cái việc vẹn toàn

Dân chớ nên làm bướng làm càng

Trong lúc ấy niệm cho lấy có

Ở một chỗ khác trong thi văn giáo lý của Đức Huỳnh Giáo Chủ, Ngài cũng nói cho chúng ta biết sự lạy Phật rất vi diệu:

Sự lạy Phật vốn không yên tỉnh

Đạo cảm giao khó tính khôn bàn

Nay tôi ở trong đạo tràng

Cũng như kết chặt vào đoàn ngọc châu

Mười phương Phật hiện bầu hình ảnh

Có bóng tôi cũng sánh các Ngài

Từ chân cho chí mặt mày

Cúi đầu làm lễ nguyện rày quy y

" Sự lạy Phật vốn không yên tinh" đó là người lạy và đấng mình lạy, thể tánh đều vắng lặng bình đẳng.Vạn pháp đều thể hiện bình đẳng, không phân biệt, không thấy mình lạy cũng như người để cho mình lạy. Nếu khi lạy mà còn có một chút mong cầu, dù là cầu cho thân nhân hay một chút nghĩ nhớ điều gì như nghĩ đến công ơn Đức Phật, nhớ tới Tổ Tiên, ông bà, cha mẹ, dù chỉ thoáng hiện trong đầu cũng không đúng phép. Tâm phải ở trạng thái vắng lặng, thanh tịnh.

Là người tại gia cư sĩ, mỗi tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo sau khi phát nguyện quy y, lập ngôi thờ phượng, kiên trì công phu cúng lạy ngày hai thời y giáo phụng hành, như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy:

Sớm chiều bình đẳng chớ lơi

Thường hành như vậy nhớ lời đừng sai

Không chỉ hai thời lễ bái, người tín đồ Phật giáo Hào Hảo hành đạo qua nhiều thời tùy theo thời gian thích hợp cho từng cá nhân. Việc công phu như vậy không phải là không quan trọng, nên Đức Huỳnh Giáo Chủ thường khuyên chúng ta rán trì chí đừng xao lãng như trong Sấm Giảng Thi Văn giáo lý Ngài thường nói:

Bận lòng cạn tỏ vân vi

Bớ dân hai chữ công trì sớm khuya

Hay:

Tu hành nhiều kẻ chẳng ưa

Mặc ai gièm siểm sớm trưa chẳng màn

Hay:

Phủi trần xóa bỏ lợi danh

Quyết lòng lánh trược tầm thanh mai chiều

Hay:

Lo lo liệu liệu chịu tiếng trần

Có một hội này rán lập thân

Chớ để trễ trầy rèn chẳng kịp

Khuyên ai khuya sớm rán chuyên cần

Hoặc:

Mê man danh lợi cõi hồng trần

Có một hội này lập lấy thân

Nếu để trễ trầy e chẳng kịp

Khuyên ai khuya sớm rán chuyên cần

Hay:

Sớm với chiều gắng chí nguyện cầu

Thì sẽ được Tòa chương dựa kế

Hoặc:

Thường nguyện cầu siêu độ Tổ Tông

Với bá tánh vạn dân vô sự

Mặc dù Đức Huỳnh Giáo Chủ tạm xa tín đồ của Ngài vì phận sự thiêng liêng nhưng Ngài không quên nhắc nhở chúng ta một điều rất quan trọng mà người tín đồ Phật giáo Hòa Hảo phải tâm nguyện thiệt hành theo những gì Ngài dạy bảo thì một ngày không lâu chúng ta sẽ vui mừng gặp lại Đức Tôn Sư của chúng ta:

Ra đi để lại một bài

Cho trong bổn đạo hôm mai rèn lòng

Hay:

Giảng kinh đọc tụng chiều mai

Làm theo lời chỉ ngày rày gặp Ta

Trên đây chúng tôi chỉ nêu lên một số lời khuyên của Đức Huỳnh Giáo Chủ. Nếu chúng ta chịu khó đọc nhiều và suy nghĩ cặn kẽ những câu văn, những câu thơ là những diệu lý trong Sấm Giảng Thi Văn giáo lý, chúng ta sẽ nhận ra được nhiều lời khuyên rất có lợi mà Ngài khuyên dạy chúng ta trong việc tu hành. Càng đọc chúng ta càng tinh tấn trên bước đường hành đạo, để một ngày kia như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ xác định: " thì đạo hạnh ngày kia mới đắc".

Khi tạm xa tín đồ, Ngài viết câu " ra đi để lại một bài, cho trong bổn đạo hôm mai rèn lòng". Chúng ta không thể không nhận ra đó là bài: "nguyện trước bàn thờ ông bà và bàn thờ Phật"

Việc cúng lạy của người tín đồ Phật giáo Hòa Hảo quan trọng như thế nào đối với người hành đạo, chúng ta hãy đọc nghe sau đây một đoạn thi văn của Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên:

Xả thân tầm Đạo vô vi

Nhiệm mầu thâm diệu nan tri Lão bày

Cầm hương chắp lạy hai tay

Đưa lên trên trán nguyện bài quy y

Nguyện rồi xá xuống tức thì

Cắm hương rồi cũng đứng thì thẳng ngay

Đọc qua lời nguyện một bài

Lạy luôn bốn lạy tạ rày tông gia

Bàn tay lật ngửa vậy mà

Chớ đừng lật sấp vì Thầy tái sanh

Đi xa thì phải dặn rành

Bàn thông thiên cũng thiệt hành như y

Bốn phương đều đọc vậy thì

Cúi đầu bái tạ từ bi Phật Trời

Sớm chiều bình đẳng chớ lơi

Thường hành như vậy nhớ lời đừng sai

Chúng tôi xin mạo muội góp ý trong ý nghĩa từng câu trong bài dưng hương:

" Cúi kính dưng hương trước Cửu Huyền" lễ kính Cửu Huyền để tỏ lòng nhớ ơn, ấy là đạo nhân, là cơ bản của đạo làm người.

"Cầu trên Thất Tổ chứng lòng thiềng".

Trong văn thi của Đức Huỳnh Giáo Chủ, mỗi câu, mỗi từ rất cao siêu, linh diệu mà tùy theo căn cơ trình độ của chúng sanh tiếp thu giáo lý của Ngài. Người viết bài có một chút hiểu biết hạn hẹp vì Phật pháp vô biên mà sức người có hạn.Nếu có gì còn thiếu sót xin các bậc cao minh, cao đồ vui lòng bổ khuyết chỉ giáo, chúng tôi thành thật chấp nhận ý kiến.

Chữ 'thiềng" trong câu trên là trong Sấm Giảng Thi Văn Giáo Lý ghi. Nhưng một vài tài liệu ghi chữ "thiền" trong câu trên là không có vần "g" ở sau.

Chữ "thiềng" theo chúng tôi hiểu là đồng nghĩa với chữ "thành" như trong câu:

Thuyền đưa tiên cảnh non bồng

Mấy ai mà có thiềng lòng theo đây

Hay:

Thành lòng nước lả nên hồ

Hữu tâm chí đức cam lồ Phật ban

"thiềng lòng" hay "thành lòng" là chân thành xuất phát từ đáy lòng.

Cũng như câu:

Nói rồi chân bước mau mau

Lìa xa thiềng thị đến thì thôn quê

Hay:

Ở đâu mà tới thị thiềng

Lính chẳng bắt xiềng nó lại bót đi

Nếu là người thế gian thì họ dùng từ "thành thị" hay gọi là "thị thành" nghĩa là thành phố, thị xã, nơi tập trung đông dân ví như là cuộc sống ở thành thị hay sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn.

Nếu câu " cầu trên Thất Tổ chứng lòng thiền". Chữ "thiền" không có vần "g" phía sau thì có nghĩa thiền định, có định mới có được trí huệ, như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ " tâm bình tịnh được thì mới phát huệ". Vậy thiền là tâm Phật (Bổn lai vô nhứt vật) thì mới thành tựu. Phật là do thiền định mà thành, lưu xuất ở tâm. Nhưng nếu thiền trong hai thời cúng lạy thì chưa đủ mà phải thiền ở khắp mọi nơi, bất cứ lúc nào, ngay cả đi, đứng, nằm, ngồi, ăn cơm, tiếp khách thì công phu tu tập mới nhiều, mới mau thành đạt.

"Nay con tỉnh ngộ quy y Phật" tỉnh – ngộ là nhận ra, hiểu ra sai lầm như chấp các hình tướng, hữu vị giả tạm, nay không còn mê chấp nữa mà hiểu ra cái thực tướng của nó là (hữu hình tức hoại). Nhìn lại tâm mình thấy cái sai lầm về vọng tưởng là không thật, không phải là chân tâm, nên tỉnh ngộ xa nó gọi là tĩnh tâm. Như Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên: " rán tĩnh tâm dẹp được lòng tà, thì được thấy Phật, Tiên, Thần, Thánh"

" Chí dốc tu hiền tạo phước duyên". Chí dốc là hết lòng ngày đêm lo tu hành niệm Phật, trì chay, giữ giới, bố thí. Tạo phước duyên là trong cuộc sống hàng ngày, cái nào thuộc về nghiệp do thân, khẩu, ý tạo thì dừng lại. Điều cần yếu là " làm hết các việc từ thiện, tránh tất cả điều độc ác, quyết rửa tấm lòng cho trong sạch" cũng như "niệm Phật

mà gây lấy thiện duyên, cho đẹp mặt Tổ Tiên nòi giống" là lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên dạy.

Chúng tôi xin góp một số ý kiến về ý nghĩa của bài quy y và bài Tây Phương Ngũ Nguyện. Trong bài quy y có các nhóm từ "cải hối ăn năn" là ăn năn chừa lỗi, hối hận mà sửa chữa sai lầm khuyết điểm, còn gọi là sám hối. Trong kinh nói " sám giả sám kỳ tiền khiên, hối giả hối kỳ hậu quả" nghĩa là sám là ăn năn lỗi trước, còn hối là chừa bỏ lỗi sau. Đức Huỳnh Giáo Chủ luận giải như sau:

Chữ tự hối nào ai có lạ

Là ăn năn cải sửa tâm lành

Phật chẳng qua dụng chữ tín thành

Chớ nào dụng Hương, Đăng, Trà, Quả.

Như vậy chữ sám hối có hàm nghĩa ăn năn hối hận vì những lỗi lầm trong quá khứ bất luận là lâu hay mau và từ bây giờ cho đến về sau mình nguyện là không tái phạm.Biết lỗi cũ là sai quấy, bây giờ xin chuộc lỗi.Nếu sau này vẫn còn làm lỗi lại thì không đúng nghĩa chữ "sám hối".

Sau đây là bài Sám Hối:

"Đệ tử kính lạy, Đức Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, Thập phương Chư Phật, vô thượng Phật pháp, cùng Thánh, Hiền tăng. Đệ tử lâu đời, lâu kiếp, nghiệp chướng nặng nề, tham giận kiêu căng, si mê lầm lạc, ngày nay nhờ Phật, biết sự lỗi lầm thành tâm sám hối, thề tránh điều dữ, nguyện làm việc lành, ngửa trông ơn Phật, từ bi gia hộ, thân không tật bệnh, tâm không phiền não, hàng ngày an vui tu tập,

phép Phật nhiệm mầu để ra khỏi luân hồi, minh tâm kiến tánh trí huệ sáng suốt, thần thông tự tại đặng cứu độ các tôn trưởng, cha mẹ anh em, thân bằng quyến thuộc, cùng tất cả chúng sanh, đồng thành Phật đạo."

Sám hối mà chúng ta vừa bàn xét như trên là sám hối chân thật, nhưng còn sám hối gian lừa là như thế nào?

Có người sau khi phạm tội cũng đến trước bàn thờ Phật để âm thầm bày tỏ việc quấy của mình rồi đọc một vài thời kinh, rồi lạy lục.Sau đó họ cho lỗi trước đã hết vẫn tiếp tục gây lỗi khác nữa.Đó là sám hối gian lừa.

Cũng có người biết mình làm việc sai quấy, đến chùa, am mướn người tụng kinh sám hối thế cho mình. Đây cũng là sám hối gian lừa.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng chỉ cho chúng ta thấy hạng sám hối gian lừa trong câu:

Cuộc sám hối vô chùa thường thấy

Làm gian lừa biết mấy nhiêu lần

Theo nhà Phật thì có 3 phép sám hối:

- Tác pháp sám hối: Là đến trước ngôi Tam Bảo tố trần tội lỗi của mình, rồi từ đó về sau việc làm của thân, khẩu, ý, hành theo quy luật chân chính. Sám như thế là diệt trừ hành tướng phạm tội.
- Thủ tướng sám hối: Là tự chỗ định tâm mà ra khỏi tư tưởng sám hối tội lỗi từ vô lượng kiếp cho đến hiện tại, vị lai một cách thành tâm. Cứ hành như vậy cho đến khi nào không còn cảm

thấy tội chướng phiền não, sám như vậy gọi là diệt trừ tánh tội phiền não.

- Vô danh sám hối: là ngồi ngay thẳng nhứt tâm an định chánh niệm để quan sát cái nguyên lý vô sanh bất diệt của tự tánh. Sám như thế là diệt trừ được cái vô minh nghiệp chướng.

Hành động biết ăn năn hối cải sẽ được Tổ Thầy dẫn dắt theo đường ngay nẻo phải để đến bờ giác ngạn, như hai câu thi của Đức Huỳnh Giáo Chủ chỉ rõ:

Ai mà xét đến ăn năn

Quày đầu hướng thiện bần tăng dắt giùm

" Làm lành lánh dữ" để diễn giải nhóm từ này chúng tôi xin trình bày 2 câu trong sấm thi của Đức Huỳnh Giáo Chủ để hành giả tự xét cái lý nghĩa của nó:

Hung dữ ác nhơn về địa ngục

Hiền lành nhắm mắt thấy non Tiên

" Quy y theo mấy Ngài", vì các Ngài là từ bi, mà quy y theo mấy Ngài tức là cũng thể hiện lòng từ bi như các Ngài, Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên nhủ:

Quy y thì khá làm y

Giữ lòng thanh tịnh từ bi giúp đời

"Tu hiền theo Phật đạo", chúng ta hãy đọc nghe đoạn văn sau đây của Đức Huỳnh Giáo Chủ, Ngài luận giải về Phật đạo :

"Phật giả là Giác giả. Giác giả là tỉnh giả.Khi Đức Thích Ca thành Phật thì Ngài nói pháp tứ đế mà độ đời trước hơn các pháp, và chỉ con đường Trung Đạo cho người hành đạo".

Đường Trung đạo của Phật:

1. Không trưởng dưỡng xác thịt quá ư sung sướng như: ăn nhiều, ngủ nhiều, chẳng lo làm công chuyện, chẳng học hỏi, vì sung sướng thái quá thì sanh nhiều dục vọng mê đắm, làm cho trí đạo tối tăm, không thể đạt huệ được.
2. Không nên hành xác hay ép xác thịt thái quá như: phơi nắng dầm mưa, bỏ ăn bỏ ngủ, làm lụng quá sức lực của mình, vì ép xác quá độ thì hay sanh bệnh hoạn nhiều, người mà đang mang bệnh tật rồi, tinh thần kém cỏi, nhọc mệt, trí hóa lu mờ không đủ sức mà học Đạo đặng.

" Nên người biết Đạo chẳng ép xác thái quá mà cũng chẳng để nó sung sướng quá độ, chỉ ăn ngủ cho chừng mực, làm việc vừa với sức mình, giữ gìn sức khỏe mới mong học được đạo pháp"

" Vậy Phật chẳng buộc ai ăn ở khổ hạnh mà cũng chẳng biểu ai ăn ở sung sướng, chẳng ép ai ăn chay, chẳng xúi ai ăn mặn, tùy theo trình độ và lòng nhân của mình"

" Điều cần yếu là phải:

Làm hết các việc từ thiện

Tránh các điều độc ác

Quyết rửa tấm lòng cho trong sạch

Cho nên " tu hiền theo Phật đạo" là ta niệm danh hiệu Phật để nhớ và làm theo 4 đại đức của Phật hầu sau này ta sẽ đắc quả như Ngài.

"Phật từ thiện cách nào, ta phải từ thiện cách nấy, Phật tu cách nào đắc đạo rồi dạy ta, ta cũng làm theo cách nấy". Ở một nơi khác trong thi văn của Đức Huỳnh Giáo Chủ Ngài viết:

Phật đạo trau dồi tâm tánh lại

Giác thuyền chuyên chở lúc can qua

" Tâm tánh lại": Là trước mê tâm, vọng tâm nay tỉnh ngộ về với tâm giác.

" Giác thuyền": Là chỉ tâm giác mới chở thoát qua sông mê bể khổ lúc nguy nan.

Xem ra người tu hành trì tụng toàn bộ Kinh Sám Hối trong mỗi thời lễ bái sẽ mất rất nhiều thời gian.Nhưng với người tín đồ Phật giáo Hòa Hảo chỉ đọc trong bài quy y là đầy đủ nghĩa kinh trong bộ Kinh Sám Hối trong thời bái lạy.

- " Nam Mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ, đại bi phổ độ chúng sanh, A Di Đà Phật" hay khi niệm Phật đọc câu " Nam Mô Tây Phương Cực Lạc thế giới tam thập lục vạn ức nhứt thập, nhứt vạn, cửu thiên ngũ bá đồng danh, đồng hiệu đại từ đại bi phổ độ chúng sanh, A Di Đà Phật". Chúng ta đã nguyện cầu hết thảy chư Phật mười phương không sót một vị nào là đã liên quan đến bộ Kinh Hồng Danh chư Phật. Cũng như Đức Huỳnh Giáo Chủ cho biết:

Tây Phương Cực Lạc Phật hằng hà
Ta rán bền lòng Phật chẳng xa

- " Nam mô nhứt nguyện cầu" Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Nhơn Hoàng, Liên Hoa, Hải Hội, Thượng Phật từ bi, Phật vương độ chúng, thế giới bình an". Phật bảo Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát: " này thiện nam tử! nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh chịu các sự khổ não, mà nghe tên Quan Thế Âm Bồ Tát, một lòng xưng niệm danh hiệu Ngài, tức là Bồ Tát Quan Thế Âm xem xét tiếng tăm kia đều được giải thoát". Xem thế, chỉ cần niệm danh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát mà chúng sanh gặp khổ nạn còn cứu được huống hồ chúng ta nguyện cầu cả tam cõi Thiên Địa Nhân, Liên Hoa Hải Hội, chư Phật đến Phật vương để cứu nhân loại thì hiệu quả không thể lường được. Cho nên câu cầu nguyện này liên quan đến Kinh Phổ Môn hay Cầu An. Vì vậy Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy chúng ta tu cầu mỗi thời cúng lạy:

Tu cầu thoát chốn gian nan

Cầu trong chư quốc chư bang giao hòa

" Nam Mô nhị nguyện cầu: Cửu Huyền Thất Tổ Tịnh Độ siêu sanh". Trong Báo Hiếu Ân Trọng Kinh có câu:

Người tai mắt đứng trong trời đất

Ai là không báo mẹ sinh thành

Có cha mẹ mới có mình

Ở sao cho xứng chút tình làm con

Thế nên hiền tử, hiền tôn, khi ông bà cha mẹ còn sống nên hết lòng phụng dưỡng để báo hiếu.Đến khi ông bà cha mẹ không còn nữa thì tận tâm cầu nguyện để báo ân.

" Nam Mô tam nguyện cầu: Phụ mẫu tại đường tăng long phước thọ, phụ mẫu quá khứ trực vãng Tây phương". Câu này liên quan trong Kinh Vu Lan còn gọi là Kinh Vu Lan Bồn chính Đức Phật nói ra. Danh từ Vu Lan người Trung Hoa dịch là giải đảo huyền, có nghĩa là cởi bỏ các hình phạt treo ngược của tội phạm. Nội dung chính yếu của kinh Vu Lan Bồn là nói lên công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ đối với con cái và đồng thời chỉ dạy người con hiếu thảo báo đền ơn. Khi Đức Phật còn tại thế, có một vị đại đệ tử Mục Kiền Liên tu chứng được thần thông, có lòng hiếu kính với cha mẹ.Một hôm Ngài Mục Kiền Liên nhập chánh định, dùng mắt tuệ quán thông được các cõi lành dữ.Cuối cùng, Ngài gặp được mẫu thân là bà Thanh Đề tái sanh vào loài ngạ quỷ, ốm đói tiều tụy và đang chịu cực hình.Vì thương mẹ quá đau xót, Ngài Mục Kiền Liên vận dụng thần thông ứng hiện vào loài ngạ quỷ, dâng cơm cho mẹ ăn.Nhưng than ôi chén cơm Ngài dâng lên tới miệng của mẹ lại hóa ra than hồng thật là kinh sợ.Mục Kiền Liên trở về bạch Phật chỉ bày phương cách cứu mẹ ra khỏi loài ngạ quỷ.

Đức Phật nghe Mục Kiền Liên trình bày sự việc và ân cần chỉ dạy Mục Kiền Liên sắm sửa lễ vật cúng dường Tam Bảo vào dịp ngày rằm tháng 7 là ngày Chư Tăng mãn hạ. Ngày này chư Phật hoan hỉ, tán thán giới hạnh của chúng tăng để huấn tập tu đạo.Thỉnh cầu Chư Tăng chuyên trì kinh chú, xưng tán hồng danh chư Phật cầu nguyện cha mẹ.

Mục Kiền Liên làm đúng như lời đức Phật dạy, chẳng bao lâu nghiệp báo làm thân ngạ quỷ của mẹ Ngài được chấm dứt và được tái sinh về cõi lành Phạm Thiên.

Từ đó, người tu Phật noi gương chí hiếu của Ngài Mục Kiền Liên, y theo lời Phật dạy trong kinh Vu Lan mà thực hành sự báo hiếu của đạo làm con đối với cha mẹ và đồng thời cầu nguyện cho Tổ Tiên ông bà nhiều đời về trước được vãng sanh cực lạc.

Trong sấm giảng, Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng có nhắc lại tích người con có hiếu hạnh Mục Kiền Liên như:

Mục Liên cứu mẹ bằng nay

Nhờ người hiếu hạnh tâm rày từ bi

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng dạy hết thảy mọi người biết cách báo hiếu của người con đối với cha mẹ như:

- Khi còn sống:

Nếu ai biết chữ tu trì

Cha mẹ còn sống vậy thì cho ăn

Hay:

Mẹ cha là kẻ trọng ân

Dưỡng nuôi báo hiếu lúc thân yếu già

- Khi qua đời:

Bớt bỏ rình rang một khi
Nếu cha mẹ chết làm y lời này

Là lời truyền giáo của Thầy
Bông hoa cầu Phật hiệp vầy đi chôn

Hay:

Mình làm chữ hiếu mới hay

Chớ mướn người ngoài cầu nguyện khó siêu

Muốn cho tội lỗi mòn tiêu

Thành tâm cầu nguyện sớm chiều mới hay

- "Nam Mô tứ nguyện cầu: bá tánh vạn dân từ tâm bác ái, giải thoát mê ly"

Câu cầu nguyện này liên quan trong bộ kinh Kim Cang. Phật dạy: "Tu Bồ Đề! Các ông phải y lời ta dạy đây, mà hàng phục vọng tâm của mình. Các vị đại Bồ Tát phải độ tất cả các loại chúng sanh (như loại sinh trứng, loại sinh con, loại sinh chỗ ẩm thấp, lọai sinh hóa, loại có sắc, loại có tướng, loại chẳng phải không tướng...) đều được nhập Niết Bàn. Bồ Tát tuy độ vô lượng, vô số chúng sanh như vậy, nhưng không thấy có chúng sanh nào được độ.Tại sao vậy?Nếu Bồ Tát còn thấy có mình độ và chúng sanh được độ, tức là Bồ Tát còn chấp bốn tướng (tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh và tướng thọ giả) thì không phải là Bồ Tát".

Người mê ỷ có tiền tài, học vấn, dòng họ tiếng tăm, coi thường mọi người, đó gọi là ngã tướng. Tuy hành theo luân lý nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, nhưng ý cao ngạo, tự phụ, đó gọi là nhân tướng. Việc tốt quy về mình, việc xấu đẩy cho người khác, đó gọi là chúng sanh tướng.Đối cảnh còn phân biệt thương yêu, ganh ghét, đó gọi là thọ giả tướng.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng khuyên dạy:

Nhân ngã, ngã nhân đừng cách biệt

Sắc không, không sắc chớ lìa xa

Nam Mô ngũ nguyện cầu: Phật tổ, Phật thầy từ bi xá tội đệ tử tiêu tai tịnh sự, trí huệ thông minh giai đắc đạo quả.

Câu cầu nguyện này liên quan trong kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Tâm Kinh. Trọng tâm của kinh này là hai câu của Ngài Tu Bồ Đề hỏi Đức Phật:

"Làm sao hàng phục vọng tâm" và "làm sao an trụ chơn tâm"

Phật giải đáp hai câu trên bằng một câu:

"Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"

(tạm dịch: đừng sanh vọng tâm trụ chấp một nơi nào)

Đây là câu "tinh nghĩa" của bộ Kinh Kim Cang mà Đức Lục Tổ Huệ Năng nhờ đó mà được tỏ ngộ

Phật dạy: "Đừng sanh vọng tâm trụ chấp một nơi nào" nghĩa là dạy "dùng trí tuệ bát nhã phá trừ các vô minh vọng chấp bốn tướng (ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả)"

Khi cái vô minh phiền não hết rồi thì chơn tâm hiện ra. Đó là từ bờ mê của chúng sanh sang bờ giác ngộ giải thoát của chư Phật, tức là "đáo bỉ ngạn" (tới bờ giác ngộ)

"Đừng sanh vọng tâm trụ chấp một nơi nào" cũng là phương pháp tu hành của Đại Thừa để "hàng phục vọng tâm" mà cũng là "an trụ chơn tâm"

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng dạy:

Nội quang cảnh tâm vô kỳ vật

Ngoại quang hình bất chấp kỳ hình

Sau khi cúng lạy trước bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ và bàn thờ Tam Bảo, hành giả đến bàn Thông Thiên. Như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ: " cầu nguyện bàn Phật xong, ra bàn Thông Thiên cầu nguyện bốn hướng (lấy bàn Thông Thiên làm hướng chánh) trước mặt, sau lưng, hai bên vai

"Hướng chánh bàn Thông Thiên có nguyện đọc bài quy y, còn ba hướng kia chỉ đọc bài Tây Phương ngũ nguyện (mỗi hướng đọc rồi lạy bốn lạy)"

Như vậy, qua hai thời lễ lạy hàng ngày, mỗi thời, người tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo đã tụng được bảy quyển kinh như chúng tôi vừa trình bày ở trên, mà nếu như người Phật tử muốn tụng hết bảy quyển kinh cùng một thời điểm thì phải mất một thời gian khá dài (chúng tôi không thể hình dung ra được là bao lâu). Nhưng một điều chắc chắn không một Phật tử nào có thể làm được một lần tụng bảy quyển kinh, cũng như không thể làm được hàng ngày.

Thật rõ ràng, mỗi ngày chúng ta thiệt hành hai thời cúng lạy, chúng ta tạo được công đức và phước báu vô biên.

Người tín đồ Phật giáo Hòa Hảo cần phải đọc kinh sách của Tam giáo (Phật, Nho, Lão) vì nếu không đọc thì

chúng ta không hiểu ý nghĩa và đường lối tu hành. Nhưng một điều cũng quan trọng đối với người tín đồ, mỗi khi đọc kinh sách của các tông phái khác cần phải nắm vững giáo lý của Thầy mình đề ra.Được vậy mới không bị lệch hướng, vì mình đã có khuôn vàng thước ngọc làm điểm tựa. Nếu như thấy lý lẽ nào không đúng với giáo lý của Đức Thầy thì không dung nạp, bằng ngược lại hợp với chân lý thì thu nhập.

Biết rằng giáo lý của Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy tín đồ là rút trong các Kinh Luật của nhà Phật, nhưng Ngài tóm gọn bằng chân lý hết sức thực tế để tín đồ dễ nhớ, dễ hiểu, dễ hành hầu mau đến bờ giác ngạn, như Ngài viết:

Dạy bổn đạo lấy câu trung đẳng

Chẳng nói cao vì sắp rốt đời

Hay:

Quyết dạy trần nên nói lời thường

Cho sanh chúng đời nay dễ biết

Hay:

Trong Sấm giảng nếu ai không hiểu

Tầm Kệ này ta chỉ nẻo đường

Hoặc:

Nếu bổn đạo còn ai làm sái

Coi Kệ này mình sửa lấy mình

Có lần Đức Phật cầm nắm lá trong tay và hỏi các vị Tỳ Kheo: "Nắm lá ta nắm nhiều hay lá trong rừng nhiều?". Các vị Tỳ Kheo trả lời: "Lá trong rừng nhiều". Đức Phật nói: " Đúng! Lá trong rừng nhiều, cũng như giáo lý của ta dạy cho chúng sanh như nắm lá trong tay, còn sự hiểu biết của ta như lá trong rừng".

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng cho chúng ta biết:

Rừng kinh kệ ít người hay chữ

Quá mắc mỏ bởi chưng Phạn ngữ

Nên người đời khó kiếm cho ra

Mõ chuông bày đọc tụng ó la

Chớ hiếm kẻ tường thông nghĩa lý

Vậy chúng ta đọc kinh sách của nhà Phật để mở rộng kiến thức. Còn tu hành muốn mau thành tựu phải học theo giáo lý của Đức Thầy, ngược lại bằng như đọc kinh mà chấp kinh thì khó đắc đạo và Ngài cũng khuyên chúng ta:

Chữ tu chớ khá trễ chầy

Phải trau phải sửa nghe Thầy dạy khuyên

Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy tu là phải "sửa tánh, răn lòng". Sửa tánh như Ngài dạy: "Tu rèn tâm trí cho minh, tánh kia thành kiếng phỉ tình chùi lau" hay "tâm sáng suốt như đài nguyệt kiến, tánh trong như nước bích mùa xuân" và răn lòng: "Lòng hiền giữ vẹn sớm chiều, xem kinh niệm Phật mỹ miều mặc ai". Ngài cũng dạy: "sanh ra ở đời, con người dầu muốn hay dầu không, cũng phải chịu dưới sự chi phối của định luật thiên nhiên. Định luật ấy gồm vào một chữ

Đạo, đạo của con người kêu bằng "Đạo Nhân", và nó là một con đường đi trúng thì sống, bước trật tất chết"

"Muốn làm tròn Nhân Đạo, phải giữ vẹn tứ ân. Nhưng trước hết hãy tránh tam nghiệp và chừa thập ác, cũng như muốn làm giàu phải tránh đừng cho thiếu nợ"

Con người bị trôi theo vòng luân hồi cũng vì tạo ra ác nghiệp. Những nghiệp ấy do từ hành động (thân nghiệp), lời nói (khẩu nghiệp) và tưởng nghĩ (ý nghiệp) mà sanh ra. Để diệt trừ ác nghiệp, Đức Phật có nói Kinh Mười Điều Thiện (Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh).

Thiện pháp là pháp lành, tất cả đạo của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật đều y vào pháp ấy mà thành tựu. Đức Phật thiết lập mười điều thiện, nhằm nâng cao hơn nữa hành vi và tâm lý đạo đức của con người, mười điều thiện ấy được thiết lập trên cơ sở hành vi, ngôn ngữ và tâm ý tức thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp

Thân nghiệp: những hành vi thuộc về thân gồm có:

- Không sát sanh
- Không trộm cắp
- Không quan hệ tình dục phi pháp

Khẩu nghiệp: những lời nói thô, gồm có:

- Không nói dối
- Không nói lưỡi hai chiều
- Không nói lời hung ác
- Không nói thêu dệt

Ý nghiệp: suy nghĩ, tưởng tượng gồm có:

- Không tham lam

- Khôngân hận
- Không si mê tà kiến

Mười điều thiện này thực sự bước vào lộ trình của giải thoát cho cả hạng tại gia và xuất gia. Đức Phật dạy hành mười điều bất thiện thì cuộc sống của họ phi đạo đức: "Này các Tỳ Kheo, sát sanh, lấy của không cho, tà hành trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân hận, tà kiến, đây gọi là phi pháp và phi mục đích" (Kinh Tăng Chi). Ngài khuyên mọi người sống đúng theo mười điều thiện.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng dạy: "chúng sanh tịnh được tam nghiệp, mới mong về cõi Phật."

" Nhưng Thầy xét lại khẩu nghiệp của các trò nặng nề hơn hết. Hãy lấy gươm trí huệ mà dọn sạch ma lòng, hãy lấy lòng khoan dung mà đối đãi lẫn nhau, hãy lấy lòng bác ái nhân đạo mà cư xử với mọi người. Cần hiểu rõ cái lý vô ngã của nhà Phật.Hãy rán sức thi hành sẽ có Thầy ủng hộ.

"Kệ rằng:

Đạo pháp thường hay dung với hòa

Xét người cho tột xét thân ta

Nếu người rõ phận vui lòng thứ

Ta thứ được người, người thứ ta"

Đức Huỳnh Giáo Chủ không ngần ngại nói cho chúng sanh hiểu:

Đạo là vốn thiệt cái đàng

Ta ra sức dọn cho toàn chúng sanh

Chúng ta là những người may mắn có nhân duyên với Phật pháp nên trong thời kỳ Hạ ngươn hoại diệt đã có được một vị hoạt Phật lâm phàm tế độ chúng sanhh, dẫn dắt chúng sanh tu hành để thoát chốn mê đồ vãng sanh miền Cực lạc.

Ngài dạy cho chúng ta nhiều đường lối tu hành, ước mong chúng ta hiểu giáo lý một cách tường tận để thiệt hành cho mau thành đạt.

Tạng Kinh Nam Phạm (Pali) có ghi: "Tất cả giáo lý nhà Phật có thể tóm tắt trong pháp Tứ Diệu Đế, không ngoài sự khổ và con đường thoát khổ. Nếu không hiểu được, ta không nắm được những gì Đức Phật giảng trong 45 năm hoằng pháp độ sanh"

Đức Phật sau khi thành đạo, Ngài liền nghĩ đến việc đem giáo lý của Ngài vừa chứng được ra truyền bá cho chúng sanh.Nhưng giáo lý của Ngài thâm diệu, cao siêu, còn chúng sanh căn cơ thấp kém, hạn hẹp, khó có thể giác ngộ nhanh chóng như Ngài được. Từ đó vì muốn giáo hóa chúng sanh nên Ngài phương tiện nói Pháp Tứ Diệu Đế là pháp Tiệm giáo (phương pháp tu chứng từ từ), để chúng sanh dễ bề tu hành.

Đức Phật đem giáo pháp Tứ Diệu Đế khai ngộ cho 5 anh em ông Kiều Trần Như.Sau khi nghe Phật thuyết pháp Tứ Diệu Đế, thành kiến mê lầm tan vỡ, trí huệ siêu thoát xuất hiện, năm vị này được ngộ đạo, chứng nhập quả vị A La Hán.Đó là năm vị đệ tử đầu tiên của đức Phật.Từ đó về sau giáo pháp Tứ Diệu Đế đã giác ngộ rất nhiều đệ tử của Phật.

Nghĩa của bốn chữ " Tứ Diệu Đế".Tứ là bốn.Diệu là đẹp đẽ, quý báu, nhiệm mầu. Đế là cái có ý nghĩa quan trọng cần thực hiện.Nghĩa là bốn lẽ thật nhiệm mầu dù trải qua thời gian, không gian vẫn không thay đổi.

Về bố cục Tứ Diệu Đế của nhà Phật thì trình tự như sau: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế.

Trước tiên Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy cái khổ từ vô lượng kiếp, như khổ về vật chất (sanh, già, bệnh, chết), khổ về tinh thần như xa lìa người yêu thích, khổ oán hận lại gặp nhau, khổ mong cầu không toại ý. Tóm lại do chấp giữ năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, thành, thức) mà có các khổ, tức là Khổ đế.

Muốn dứt trừ quả khổ, phải đoạn trừ cái nhân tạo thành sanh tử.Nguyên nhân tạo thành sanh tử là phiền não.Mà phiền não căn bản có từ tham, sân, si mà ra.Chỗ phát hiện của nó là thân, miệng và ý làm tập nhân sanh các phiền não, là Tập đế.

Muốn trừ nhân sinh tử, Phật dạy phải dứt vô minh, dứt trừ tâm si mê chấp ngã, nên khi tâm si mê chấp ngã hết thì tham sân và các phiền não khác cũng đều chấm dứt, tức là chúng ta tiến lên con đường Diệt đế tức Niết Bàn.

Niết Bàn là quả vị an lạc tịch tịnh là mục đích của con người tu Phật hướng đến. Đạo đế là con đường dẫn đến ly dục, ái tận, Con đường ấy đúng với chánh pháp, hợp chân lý, có khả năng đưa chúng sanh ra khỏi sinh tử, là con đường Bát Chánh Đạo hướng đến quả giải thoát.

Trình tự Tứ Diệu Đế, theo Đức Huỳnh Giáo Chủ sắp xếp như sau: Tập đế, Diệt đế, Khổ đế, Đạo đế. Dù thứ

tự tuy có khác với Tứ Diệu Đế của nhà Phật nhưng xét ra cùng chung một mục đích là giải thoát sinh tử luân hồi.

Ý của Đức Huỳnh Giáo Chủ, con người bước vào đường tu, nghĩa là sau khi quy y, phải chí công theo giới luật của Tổ Thầy truyền dạy, thường hành công phu bái sám, trọn giữ chay lạc, thường xem kinh kệ, giữ đức hạnh hiền từ. Tập đế Ngài giải như sau:

Chữ Tập Đề nay đã mở cửa

Để đem vào khuôn khổ người hiền

Rán cực lòng một bước đầu tiên

Sau mới được làm nên Phật Thánh

Diệt đế là trừ các ác tập đã có từ trước đến giờ do thân khẩu, ý gây ra, như chúng ta thấy trong tu tam nghiệp là hành thập thiện để trừ thập ác. Những tập ác như món đồ để lâu năm bị rỉ sét, bụi bặm bám vào.Muốn làm sạch nó phải cương quyết, trì chí mới tẩy sạch được.

Về mặt lục căn, lục trần, người tu hành phải dứt bỏ đừng cho ô nhiễm. Như mắt thích sắc đẹp, tai ưa nghe lời êm, tiếng ngọt, mũi ưa mùi vị thơm tho, miệng thích vật ngon miếng lạ, thân ham sung sướng, ý ham sang giàu, quyền tước. Toàn những thứ cám dỗ con người, nên bỏ cũng khó, cho nên phải có quyết tâm diệt trừ được, thì sáu căn mới thanh tịnh.

Đức Huỳnh Giáo Chủ giải về lục căn, lục trần như sau:

Lo tu tỉnh mặc ai khinh ngạo

Diệt lục căn đừng nhiễm lục trần

Chữ sắc thinh chớ có hầu gần

Hương với vị xác trần nên lánh

Chữ xúc pháp treo gương Hiền Thánh

Tránh sáu đường cũng đặng về Thần

Từ xưa nay dạy chỉ nhiều lần

Mà lê thứ không lo chẳng liệu

Khổ Đề, nghĩa là sau ngày vào đạo, dù gặp nhiều sự gian lao, khổ sở cũng phải kiên tâm bền chí không được thối chuyển đức tin, đạo hạnh thụt lùi. Hãy coi sự đau khổ là sự thử thách coi như là trả nghiệp quả.Được như vậy đường tu mới tấn triển.

Đức Huỳnh Giáo Chủ giải Khổ Đề như sau:

Muốn tâm tánh ngày kia sáng tỏ

Thì Khổ Đề phải chịu nhọc nhành

Lòng dục tu thì phải thiệt hành

Chớ đừng có ham điều sung sướng

Đạo Đề, là tu tập và diệt trừ xong những điều hung ác, vọng tưởng thì thân tâm thanh tịnh, an lạc tức là đạo quả sáng tỏ là hoàn thành Bát Chánh Đạo. Đến chừng đó ta mới thấu triệt mọi lẽ nhiệm mầu, tự nhiên thoát vòng khổ não, thoát nẻo luân hồi.

Đức Huỳnh Giáo Chủ giải Đạo đế như sau:

Đức Phật Tổ nào đâu hẹp lượng

Chịu nhọc nhằn mới rõ Đạo Đề

Thấy một đàng thẳng bằng mà mê

Ôi! Chừng đó mới là mầu nhiệm

Tóm lại, Tứ Diệu Đế là bốn lẽ thật do Đức Phật Thích Ca phát minh, là kim chỉ nam tiến đạo, con đường thoát ly sanh tử, con đường đạt đến Niết Bàn tức là pháp Bát Chánh Đạo.

Đức Huỳnh Giáo Chủ luôn khuyến khích chúng ta tu hành, noi gương theo Đức Phật và thiệt hành chánh pháp là chân lý mà Đức Phật đã chứng nghiệm:

Thiền lâm Phật Thích thuở xưa kia

Non tuyết rèn ra Bát Chánh kìa

Phổ hóa dân lành trong khắp chúng

Hoàn cầu bốn biển khắp danh kia

Hay:

Diệu thâm Bát Chánh lời truyền giáo

Xa thẳm Tứ Đề tiếng giục ông

Hay:

Câu Bát Chánh rán mài chạm dạ

Tứ mục điều người khá hành y

Hay:

Kinh với Sấm chúng dân thường thấy

Chữ Bát Chánh rõ ràng trong giấy

Là chơn truyền của Đức Thích Ca

Người tu hành cần phải tìm ra

Luận về Bát chánh, Đức Huỳnh Giáo Chủ viết như sau:

"Trừ xong ba nghiệp chướng, hãy làm theo tám điều chánh và sau khi diệt được thập ác rồi, tự nhiên mười điều lành hiện ra, như thế ta đã đi thêm được một bước trên con đường đạo hạnh. Những sự tấn bộ ấy không có nghĩa là đạt được mục đích. Thế nên cần phải hành luôn Đạo Bát Chánh tiếp theo, vì đó là quyển kinh nhựt tụng của những ai muốn thoát chốn mê đồ, tấn triển trên đường giải thoát"

Bát Chánh Đạo là điểm đặc thù của Đạo Phật mà không có ở các tôn giáo khác. Đường giải thoát có tám pháp tu chia ra ba nhóm: Giới, Định, Tuệ.

Giới gồm có:

- Chánh ngữ: lời nói chơn thật
- Chánh nghiệp: Việc làm chánh đáng, ngay thẳng
- Chánh mạng: sanh mạng chân chánh, trong sạch

Định gồm có:

- Chánh tinh tấn: tín ngưỡng chân chánh và lướt tới
- Chánh niệm: ghi nhớ sự chân chánh

Tuệ gồm có:

- Chánh kiến: dòm thấy, xem đúng sự thật
- Chánh tư duy: tư tưởng chân chánh

Bát Chánh đạo là con đường Trung Đạo gồm giữa hai cực đoan: đời sống lợi dưỡng và đời sống khổ hạnh

Đức Phật đã vì chúng sanh mà "mình vàng Thái Tử ngôi còn bỏ, vóc ngọc Đông Cung tước phế liền".Ngài biết đời sống lợi dưỡng không dẫn đến chân hạnh phúc giải thoát.Sau sáu năm tu khổ hạnh, Ngài chứng nghiệm đời sống nầy không mang lại kết quả. Tránh xa hai cực đoan này, Ngài theo đường trung đạo. Đường trung đạo của Phật là không ăn ở sung sướng thái quá, cũng không muốn ép xác thịt, giữ gìn sức khỏe mới mong học đạo được.

Đức Huỳnh Giáo Chủ nói: " Vậy Phật chẳng buộc ai ăn ở khổ hạnh và cũng chẳng biểu ai ăn ở sung sướng, chẳng ép ai ăn chay, chẳng xúi ai ăn mặn, tùy theo trình độ và lòng nhơn của mình.

"Điều cần yếu là phải:

Làm hết các việc từ thiện

Tránh tất cả điều độc ác

Quyết rửa tấm lòng cho trong sạch"

Ngài cũng nói tiếp:

Việc đạo đức bất cần thắng thối

Chữ tu hiền ngay thẳng lần hồi

Đức Huỳnh Giáo Chủ luận về thập nhị nhân duyên, Ngài nói: "Nhơn duyên thứ nhất phát khởi từ màn vô minh mà

che lấp bản ngả (linh hồn) nên làm cho con người phải tăm tối mê say, gây tạo ác nghiệp, chịu nẻo luân hồi thống khổ"

Mười hai duyên sanh đưa đến khổ:

1. vì vô minh, hành phát sinh
2. vì hành, thức phát sinh
3. vì thức, danh sắc phát sinh
4. vì danh sắc, lục căn phát sinh
5. vì lục căn, xúc phát sinh
6. vì xúc, thọ phát sinh
7. vì thọ, tham ái phát sinh
8. vì tham ái, thủ phát sinh
9. vì thủ, hữu phát sinh
10. vì hữu, sanh phát sinh
11. vì sanh, nên bịnh, lão, tử phát sinh
12. vì bịnh, lão, tử nên đau khổ luân hồi phát sinh

Nếu chấm dứt vô minh thì chấm dứt hành , chấm dứt hành thì chấm dứt thức v.v, chấm dứt sanh thì chấm dứt đau khổ luân hồi.

Chúng ta hãy lắng nghe luận giải của Đức Huỳnh Giáo Chủ về "Môn Hoàn Diệt" như sau:

"Nếu ta tìm con đường bát chánh đạo của Phật mà đi, giữ tâm thanh tịnh, làm việc nhơn từ, không lòng hờn giận, chẳng dạ ghét ganh, chuyên tâm niệm Phật, giúp thế độ đời, đừng chứa điều phiền não và để bụng tham lam ích kỷ, gây mối thiện duyên, lần lần trí huệ mở mang, cõi lòng sáng suốt thì màn vô minh sẽ bị diệt mất.

Vô minh bị diệt thì hành diệt, hành bị diệt thì thức diệt, thức bị diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc động diệt, xúc động diệt thì thọ

cảm diệt, thọ cảm bị diệt thì ái diệt, ái bị diệt thì bảo thủ diệt, bảo thủ bị diệt thì hữu diệt, hữu bị diệt thì sanh diệt, sanh bị diệt thì lão, tử diệt. Ấy là giải thoát vậy".

Thuyết thập nhị Nhân Duyên là giáo lý do Đức Phật chỉ dạy. Thuyết nhân duyên có tính thực tiễn dựa trên kiến thức và trí huệ về giáo pháp. Đức Phật giảng: " Tất cả sự vật đều có nguyên nhân", chính là nói đến thuyết này.

Nếu hiểu sai lệch về lý nhân duyên, ta sẽ hiểu sai về định luật nhân quả hay nguồn gốc đau khổ. Đức Phật dạy: " Không có điểm khởi đầu của đời sống. Sự hiểu biết sai lầm này sẽ dẫn đến tinh thần băng hoại. Này chư vị Tỳ Kheo! Cõi Ta Bà không có điểm khởi đầu, cõi này bị trói buộc bởi vô minh và tham ái.Thật vô ích nếu đi tìm điểm khởi đầu.Đời sống là một chuỗi đang trở thành, là tiến trình của tâm lý và vật lý."

Tham ái là nguồn gốc đau khổ, "sanh tử luân hồi". Tham ái đi với ái dục tức tìm kiếm khoái lạc,là nguyên nhân của cái đang trở thành, là nguyên nhân của tái sinh.

Đức Phật dạy: " Này Tỳ Kheo, ta không thấy có cái gì trói buộc con người cho bằng tham ái trói buộc con người từ kiếp này qua kiếp khác. Quả vậy, sự trói buộc của tham ái làm chúng sanh đi lang thang vô tận"

Tham ái không những khát vọng về vật chất mà còn muốn chinh phục người khác hay quốc gia khác, chấp vào tư tưởng quan điểm và tín ngưỡng, đưa đến sự chống kình với nhau, đưa đến sự tàn hoại thế giới.

Vì bám chặt vào ái dục, vào khoái lạc và tìm kiếm nó.Từ đó con người trở thành nô lệ của giác quan (hay lục căn).Vì nô lệ vật chất, thỏa mãn dục vọng nên bị trói buộc

vào vòng luân hồi không giải thoát được. Đức Phật khuyến cáo chúng ta:

Thú vui là sợi dây trói buộc

Hạnh phúc dẫn đến đau khổ

Kẻ trí nhận thức thú vui

Chỉ là móc câu cá

Vì tham ái dẫn dắt con người không bao giờ biết đủ, như người không có thì muốn có, người có rồi muốn có nhiều hơn. Con người không bao giờ thỏa mãn hoàn cảnh hiện tại của mình. Càng tham ái càng đau khổ, càng bất toại nguyện.Tham ái dẫn dắt tái sinh luân hồi.

Ta cảm thấy bất toại nguyện vì đời sống đầy bất công như người giàu sang hạnh phúc, kẻ bệnh tật đau yếu, cha mẹ hiền lành sanh con hung dữ, người hiền mắc nạn v.v. Ta tự hỏi nguyên nhân nào đưa đến sự bất bình đẳng ấy. Đó chính là NGHIỆP. Danh từ Nghiệp theo Phạn ngữ Kamma, có nghĩa là hành động. Nghiệp là hành động, là nhân, kết quả của hành động là quả, cũng có thể gọi là nhân quả.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cho chúng ta biết:

Luật nhân quả thật là cao viễn

Suốt cổ kim chẳng lọt một ai

Hay:

Luật trời báo ứng nhãn tiền

Khắp trong thiên hạ đảo huyền từ nay

Hay:

Giàu sang lắm kẻ vô nghì

Ỷ mình trên bậc kể gì nghĩa nhân

Chẳng kiên chẳng nể Phật Thần

Suy mưu làm quấy nghiệp trần phải mang

Ngài cũng cảnh giác chúng ta như: "luôn luôn lúc nào cũng phải nhớ câu NHÂN – QUẢ của Phật dạy, nếu nhân toàn thiện thì quả cũng sẽ do đó được toàn thiện vậy."

Theo nhà Phật, không có đời sống vĩnh viễn trên thiên đàng hay địa ngục mà sanh rồi tử, tử rồi sanh, tái sanh tùy thuộc vào nghiệp. Vì vậy đời sống không chấm dứt lúc chết mà tiếp diễn tái sanh kiếp kế còn gọi là luân hồi

Đức Huỳnh Giáo Chủ cho chúng ta biết:

Từ nhỏ tuổi đến người trưởng lão

Mắc trong vòng sinh tử luân hồi

Chúng ta có thể hình dung ra bánh xe luân hồi "một vòng tròn sinh sinh hóa hóa" của muôn loài vạn vật. Vòng tròn ấy không có điểm khởi đầu cũng như điểm kết thúc. Bánh xe ấy cứ quay mãi trong vòng trầm luân của sanh tử khổ đau cho đến khi nào con người biết tu tập và đạt đến giải thoát Đức Phật dạy:

Đêm dài đối với kẻ thức

Đường dài đối với kẻ mệt

Luân hồi dài đối với kẻ ngu

Không biết rõ chân diệu pháp

Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên dạy, chỉ bảo hết tất cả mọi chúng sanh mọi hạng người từ kẻ ngu, người trí, từ hàng tăng sĩ xuất gia cho đến hạng tại gia cư sĩ về luân hồi, quả báo:

Tuy lưới trời thưa rộng thinh thinh

Chớ chẳng lọt những người hung ác

Hay:

Tâm trần tục còn phân nhơn ngã

Thì làm sao thoát khỏi luân hồi

Hay:

Khuyên trong sư vãi mau mau tỉnh

Luân hồi quả báo rất công bằng

Hay:

Ta bà thật cảnh ưu phiền

Duyên trần cấu kết oan khiên báo đền

Thiều quang thấm thoát dường tên

Mắc vòng sanh tử có bền được đâu

Chi bằng theo học đạo mầu

Sớm qua khổ hải theo hầu Phật Tiên

Tham chi giả tạm của tiền

Như chim vào lưới xích xiềng trói thân

Tính xong món nợ lần khân

Thoát vòng cương tỏa pháp thân nhẹ nhàng

Tiêu diêu đạo đức luận bàn

Vân du võ trụ thanh nhàn biết bao

Đức Huỳnh Giáo Chủ dẫn dắt chúng sanh tu hành theo tinh thần Bồ Tát Đạo, là nhập thế cứu độ chúng sanh. Ngài cũng cho chúng sanh biết: "Từ ngàn xưa Phật pháp gài then, nên ít kẻ tu hành đắc Đạo", cho nên trong thời mạt pháp này như Ngài nói "Đạo mở cửa bày câu minh mục,nước ma ha tưới tắt lòng phàm" và Ngài còn nói "ngọn bút sắt chỉ đường người tối", gậy kim cang đưa chúng lên đường" hay " nay rừng bụi có người mở ngỏ, thì nương theo dấu thỏ đàn dê", cũng như Ngài nói lòng bác ái của Ngài chứa đựng trong toàn bộ giáo lý của Ngài. " Lời Thầy dạy thật là cặn kẽ, bao nhiêu tình bác ái góp tom"

Như vậy tín đồ Phật giáo Hòa Hảo đã quy y, đã tiếp thu học hỏi nhuần nhuyễn giáo lý của Đức Tôn Sư thì phải thể hiện tinh thần nhập thế đúng với nghĩa của "giúp thế độ đời", "gây mối thiện duyên" để "lần lần trí huệ mở mang, cõi lòng sáng suốt".

Tinh thần nhập thế thiết thực chính là bố thí, pháp đầu tiên của Bồ Tát Đạo trong "Lục Độ" như Ngài khuyên:

Đồ lao muốn lánh sớm nghe ta

Bố thí, trì chay, giữ giới mà

Phật đạo trau dồi tâm tánh lại

Giác thuyền chuyên chở lúc can qua.

Bố thí là pháp thứ nhứt của Lục Độ

Bố thí là cho, giúp đỡ kẻ khác còn mang ý nghĩa là xả. Bố thí được chia ra làm ba loại: Tài thí, pháp thí, vô uý thí.

- Tài thí là dùng tiền tài vật chất để giúp người khác, như người thiếu ăn thì cho thức ăn, thiếu mặc thì cho quần áo, đó là cách thể hiện lòng từ bi, gần gũi họ và có cơ hội dạy Phật pháp cho họ, như Đức Huỳnh Giáo Chủ chỉ bảo:

  Giúp người đói khó nhu mì
  Dạy nó tâm trì niệm Phật làm ngay

Ngài cũng kêu gọi hết thảy mọi người thể hiện tình tương thân tương trợ, như Ngài viết:

Khùng cả tiếng kêu dân ơi hỡi

Hãy giúp cho kẻ đói mới nhằm

Đến loạn ly khổ hạnh khỏi lâm

Còn hơn đúc chuông đồng Phật bự

Chẳng làm phước để làm hung dữ

Rồi vào chùa lạy Phật mà trừ

- Pháp thí là dùng Phật pháp, đạo lý giác ngộ, giải thoát giảng dạy chúng sanh, khiến họ hiểu Phật pháp,giảm bớt đau khổ, tăng trưởng hạnh phúc để lo tu hành, Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên chúng ta như sau:

  Phật Tiên Thánh lòng nhơn hà hải

Những ước ao thế giới hòa bình
Nên khuyên đời truyền bá sử kinh
Cho sanh chúng sửa mình trong sạch

Hay:

Cả tiếng kêu cùng khắp chư tăng

Với tín nữ thiện nam Phật Giáo

Nên cố gắng trau thân gìn Đạo

Hiệp cùng nhau truyền bá kinh lành

Làm cho đời hiểu rõ thinh danh

Công đức Phật từ bi vô lượng

Đồng dẹp bớt âm thinh sắc tướng

Lo chấn hưng Phật pháp mới là

- Vô úy thí là làm cho chúng sanh không sợ hãi, gần gũi chúng sanh bằng cách đem tính mạng ra đỡ hay bảo vệ cho người được yên vui. Vô úy thí là đừng làm những việc gì không có ích lợi cho chúng sanh hoặc những việc mà họ không kham nổi, trong đó có cả việc quyên góp hoặc nói những gì mà họ không muốn nghe. Nếu chúng ta là những người vì đạo pháp, đưa Phật pháp đến mọi người và mọi người đã hiểu Phật pháp thì những nhu cầu vật chất để làm phương tiện hoằng dương chánh pháp sẽ đến một cách dễ dàng. Chỉ e rằng Phật pháp chưa đến mà nhu cầu quá nhiều sẽ làm chết hạt giống bồ đề trong lòng mọi người.

Bố thí được đặt trên cơ sở cuả người biết giác ngộ, cho nên của bố thí cũng nhằm vào làm cho người được bố thí bớt khổ.Theo tinh thần Phật giáo, lấy tâm bình đẳng, không phân biệt để bố thí.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cho chúng ta một phương châm để hành hạnh bố thí:

Giúp đời đừng đợi trả ơn
Miễn tròn bổn phận hay hơn bạc vàng

Trì giới là pháp thứ 2 của Lục Độ. Tinh thần giữ giới luật của nhà Phật rất giản dị, vì người tu tập chỉ cần tuân thủ câu "chư ác mạc tác", nghĩa là không nên làm bất cứ việc ác nào là đủ nghĩa của giữ gìn giới luật. Tất cả những việc làm từ hành vi đến lời nói xuất phát từ tham, sân, si đều gọi là ác. Vì chúng sanh căn cơ trình độ còn kém cỏi không phân biệt được thiện ác, nên Đức Phật mới phương tiện qui định thành giới điều, để họ căn cứ vào đó mà trì giới. Nếu không có những quy định cụ thể họ không biết phải làm sao. Mỗi khi Đức Phật chế định ra giới điều nào, đều tùy vào hoàn cảnh không gian và thời gian khác nhau, xã hội khác nhau, con người khác nhau.

Giới điều của nhà Phật nhằm mục đích giúp con người tu tập đến chỗ giác ngộ, giải thoát.Giới luật của nhà Phật không phải cột trói con người không cho làm điều gì mà có xu hướng dẫn con người đến giải thoát. Nếu ai hiểu được tinh thần giáo dục của Đức Phật thì bất cứ hành vi nào trong khi đi, đứng, nằm, ngồi đều không đi ra ngoài giới luật, trái lại người không hiểu tinh thần giáo dục của Đức Phật dù cho có trói tay chân không cho cử động hay nhốt trong lồng sắt, giữ hàng trăm giới thì người ấy vẫn phạm giới của nhà Phật, chính vì mê si.

Cho nên Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy chúng ta giữ giới không vì mục đích như trên:

Chữ Nam Mô trì giới giữ chay

Chay được tánh chay tâm mới quý

Trong phần này chúng tôi xin mạn bàn về chay lạt trong giáo lý của Đức Huỳnh Giáo Chủ. Khi ra đời dạy đạo, Ngài ra nguyên tắc cho tín đồ về ăn chay hàng tháng như sau:

Chay bốn bữa ấy là quy tắc

Của kẻ Khùng chỉ dắt chúng sanh.

Cũng như Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy: " Ăn chay ngày 14 – 15, 29 – 30, tháng thiếu 29 và mùng 1, có nhang thì đốt, không có thì nguyện không."

"Hàng năm đến ba ngày xuân nhựt thì ngày 29 – 30 và mùng 1 phải ăn chay, trong mấy ngày ăn chay phải cúng chay, qua đến ngày mùng 2 có chi cúng nấy cũng được, đến ngày mùng 3 ra mắt không nên sát sanh loài vật mà cúng tế Trời Phật, chỉ dùng bông hoa mà cúng thôi"

Các đấng cứu thế bao giờ cũng tùy duyên hóa độ. Xưa kia Đức Phật Thích Ca hóa độ đệ tử, ban đầu cũng dạy hàng đệ tử tại gia ăn chay mỗi tháng có hai ngày là ngày mùng 1 và ngày rằm. Khi trình độ giác ngộ của họ tiến bộ thì lòng từ bi theo đó mà phát sinh, nên ăn chay nhiều ngày hay trường chay.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng dạy chung cho tín đồ về ăn chay, nhân dịp có đồng đạo thỉnh ý Ngài. Ngài dạy:

" Ờ! Mới thì học lớp năm, sau lớp tư, rồi đến lớp ba, nhì, nhứt.Nên nhớ là càng học càng lên, chớ không ai học xuống bao giờ.Sự tu học cũng vậy, các cô ăn mỗi tháng sáu ngày, một năm ba tháng là tốt lắm.cớ sao đổi ăn bớt lại? Sở dĩ Thầy dạy chay bốn bữa đó là nguyên tắc đầu tiên của người sơ học, phải tùy trình độ của họ mà cho họ tập sựtheo điều kiện tối thiểu. Rồi khi trình độ khá thêm sẽ từ từ tiến, chớ chẳng lẽ ở một chỗ hoài sao? Nên nhớ tu là phải tu lên chớ đừng tu xuống nhé!"

Cũng trong dịp ông Tham Tá Ngà là một chức sắc trong đạo Tam Kỳ ở Tây Ninh diện kiến Đức Huỳnh Giáo Chủ. Lúc hầu chuyện với Ngài, ông Ngà nói: Tôi thấy pháp môn của Ngài dạy tu giải thoát, còn bên Tam kỳ dạy tu Tiên, ăn chay ít nhất cũng mười hai ngày một tháng hoặc trường chay, còn Ngài dạy tín đồ của Ngài chỉ ăn chay bốn ngày thì làm sao giải thoát được!

Đức Huỳnh Giáo Chủ trả lời:

" Là người đạo Phật. Sở dĩ tôi dạy tín đồ ăn chay bốn ngày đó là quy tắc, tối thiểu là bốn ngày, rồi tự họ nhận thức cho rõ ràng sẽ tiến lên chứng bốn bực Thinh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, vô số tính đếm. Còn nếu tôi bắt người ta ăn chay trường thì người ta làm không nổi vì họ chưa nhận thức rõ từ chỗ bốn bữa, rồi họ nhận thức được từ từ tiến lên. Cái đó mới là kết quả, còn bắt buộc sẽ không có kết quả ông ạ!"

Ngài còn nói thêm cho ông Ngà hiểu rõ:

Tu hành nào luận mặn chay

Miễn tâm thanh tịnh gặp ngày an cư.

Chúng sanh có bệnh, Phật cho thuốc tùy bệnh, tùy hoàn cảnh, tùy cơ duyên. Có lúc thuốc phải nhẹ nhàng để thấm từ từ, có lúc bệnh nhân đủ sức chịu đựng hấp thụ thì Phật cho dùng liều lượng mạnh hơn cho khỏi bịnh luôn. Tất cả lời Phật dạy đều là pháp phương tiện giáo hóa chúng sanh, pháp phải hợp với vạn sự vạn vật, nhưng do hoàn cảnh không gian cũng như thời gian khác biệt nên có khi hợp được cho thời kỳ này, nơi chốn kia và điều kiện mỗi chủng loại của chúng sanh! Đó là "tùy duyên", nhưng "tùy duyên" mà "bất biến".Bất biến là phải thực hiện cho được hạnh từ bi và bình đẳng của mọi loài chúng sanh.

Nếu nói Phật giáo chủ trương ăn chay là không đúng vì xưa kia Đức Phật và Tăng đoàn của Ngài ăn bất cứ thức ăn gì mà Phật tử dâng cúng. Nhưng nói Phật giáo chủ trương không ăn chay cũng không đúng vì Phật giáo truyền qua phương Bắc qua đến Trung Hoa , Cao Ly, Việt Nam, Nhật Bản rồi ngày nay sang Hoa Kỳ đều ăn chay.

Ăn chay theo quan điểm của đạo Phật là tôn trọng và bảo vệ sự sống. Tôn trọng sự sống là một trong những đặc điểm của đạo Phật. Ăn chay đối với người theo đạo Phật là thực hành cụ thể bảo vệ sự sống cũng nằm trong giới luật không sát sanh.

Đạo Phật xem sự sống là tối thượng từ loài côn trùng như con giun con dế cho đến loài cầm thú như chim chóc, bò, ngựa, voi v.v, người tu Phật hết lòng bảo vệ sự sống vì theo giáo lý của nhà Phật là từ bi đối với mọi loài chúng sanh. Vì vậy thực phẩm có sự chết của loài chúng sanh thì không nên ăn. Không được giết hại, không vì bất cứ lý do gì phải giết hại chúng sanh, vì mọi loài chúng sanh đều ham sống sợ chết.

Đạo Phật không chủ trương ăn chay cũng không chủ trương ăn mặn.Tùy hoàn cảnh, tùy phong tục địa phương, tùy nhân duyên mà phương tiện ứng dụng tu học, nhưng phải giữ đúng lý từ bi và bình đẳng hết mọi loài chúng sanh.Không được sát sanh, nên phóng sanh bảo vệ mạng của loài thú cầm.Tôn trọng sự sống muôn loài, ăn chay, không làm điều ác, hành thiện để có thanh tịnh tâm.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng khuyên dạy:

Phận tu hành đạm bạc rau tương

Miễn cầu được an khương bốn bể

Và một điều cũng quan trọng cho người tu hành là phải giữ gìn và làm cho được như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy như sau:

Râu mài biết giữ đạo tâm chay

Đắc quả thành công cũng có ngày

Thất Tổ Cửu Huyền nơi chín suối

Những mong hậu tấn biết tâm chay

Tâm chay hậu tấn rán tu thân

Bến giác chẳng xa cũng chẳng gần

Trời Phật thương người lo độ tận

Muốn lo giải thoát phải tu thân

Tu thân thiện tín phải chuyên cần

Lục Tự Di Đà giữ Tứ Ân

Nhẫn nhục ba la mật là pháp thứ ba.Nhẫn có nghĩa là kham nhẫn, nhẫn nại, chịu đựng.Người có trí tuệ khi gặp nghịch duyên như bị nhục mạ vẫn nhẫn chịu, không lòng giận hờn, ngược lại có lòng thương hại người nhục mạ mình. Người có lòng kham nhẫn là người làm việc gì cũng dễ thành công, không chán nản, không bỏ cuộc. Người tu học theo đạo Phật cần phát huy đức tính này. Tính kham nhẫn là phấn đấu làm người tốt, việc tốt, chớ không phải nhẫn nhục để làm việc bất thiện.Làm việc phi pháp, không chịu lắng nghe, không nhận khuyết điểm, tiếp tục việc làm bất thiện, mặc cho người đời chê trách.Thái độ như thế không phải là tự nhẫn nhục trong tinh thần ba la mật của đạo Phật.

Trong kinh Hoa Nghiêm có ghi: "Nhứt niệm tâm khởi, bá vạn chướng môn khai", có nghĩa là một niệm sân hận nổi lên thì trăm muôn cửa nghiệp chướng đều mở rộng.

Sách của đạo Nho cũng có chép: "Nhứt tinh chi hỏa, năng thiêu vạn khoảnh chi sơn, bán cú phi ngôn, ngộ tổn bình sanh chi đức", nghĩa là một đóm lửa con có thể đốt cháy muôn khu rừng núi, nửa câu nói quấy làm mất cả đức hạnh bình sanh của mình.

Các bậc Thánh cũng khuyên người đời nhẫn nhịn: nhẫn, nhẫn, nhẫn, trái chủ oan gia tùng thử tận, nhiêu, nhiêu, nhiêu, thiên tai vạn họa nhất tề tiêu (nhịn, nhịn, nhịn thì bao nhiêu oan trái đều dứt, dung, dung, dung, thì bao nhiêu tại họa đều tiêu)

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng dạy người tu hành về đức Nhẫn qua bài thơ bằng Việt Hán với nhan đề Bát Nhẫn:

Nhẫn năng xử thế thị nhơn hiền

Nhẫn giái kỳ tâm thận thủ tiên

Nhẫn giả hương lân hòa ý hỉ

Nhẫn hòa phu phụ thuận tình duyên

Nhẫn tâm nhựt nhựt thường an lạc

Nhẫn tánh niên niên đắc bảo truyền

Nhẫn đức bình an tiêu vạn sự

Nhẫn thành phú quới vĩnh miên miên

Để làm sáng tỏ ý nghĩa bài thơ Bát nhẫn trên, chúng tôi xin nêu ra phần diễn ý của Đức Huỳnh Giáo Chủ, khi Ngài viết quyển Giác Mê Tâm Kệ tức là quyển thứ 4, để cho mọi người thông đạt được đạo Nhẫn:

Rồi hành luôn Bát Nhẫn mới là

Thì muôn việc đều an bá tuế

Chữ thứ nhứt Nhẫn – Năng – Xử - Thế

Là người hiền khó kiếm trong đời

Lập thân danh tuần trải nơi nơi

Chờ thời đại mới là khôn khéo

Chữ Nhẫn Giái trì tâm trong trẻo

Khuyên dương trần giữ phận làm đầu

Nhẫn – Hương – Lân cùng khắp đâu đâu

Trên cùng dưới đều hòa ý hỷ

Nhẫn Phụ Mẫu gọi trang hiền sĩ

Phận xướng tùy chồng vợ nhịn nhau

Nhịn xóm chòm cô bác mới cao

Nhẫn Tâm nọ ngày ngày an lạc

Nhịn tất cả những người tuổi tác

Nhẫn Tánh lành yên tịnh dài lâu

Giữ một lòng hiền hậu mới mầu

Quanh năm cũng bảo toàn thân thể

Chữ Nhẫn Đức kể ra luôn thể

Thì trong đời vạn sự bình an

Chữ Nhẫn Thành báu quý hiển vang

Khắp bá tánh được câu hòa nhã

Trong giáo lý của Đức Huỳnh Giáo Chủ, Ngài thường nhắc nhở chúng ta đừng quên chữ "Nhẫn" trong cách hành xử việc đời hay việc Đạo:

Sân, si phỏng có điều thêm bận

Nhẫn nhịn ắt không chuyện kéo dài

Hay:

Ai chửi mắng thì ta giả điếc

Đợi cho người hết giận ta khuyên

Chữ Nhẫn hòa ta để đầu tiên

Thì đâu có mang câu thù oán
Việc hung ác hễ vừa thấp thoáng
Chữ từ bi ta diệt nó liền

Hay:

Rán nhẫn trăm phần dù khó nhẫn
Dạ thưa quan chức phận làm dân
Làm dân bá nhẫn thị lương hiền
Chữ nhẫn lời truyền Phật, Thánh, Tiên
Gương trước Hớn, Tần, Hàn Tín nhẫn
Đã không khổ nhục khỏi ưu phiền

Hoặc:

Tha thứ kẻ lỗi lầm ngu xuẩn
Và nhẫn nhịn đừng ham tranh luận
Khỏi mất lòng tất cả mọi người
Tánh thuần lương vẻ mặt vui tươi
Vậy mới đáng tín dồ Phật giáo
Nay ta đã quy y cầu Đạo
Gây gổ là trái thuyết từ bi

Hay:

Theo học Đạo mặc ai mai mỉa

Ta cũng đừng gây gổ với người

Trong kinh lời dạy cuối cùng của Đức Phật, Ngài để lại lời dặn dò cho các đệ tử trước giờ phút ra đi: " Này các đệ tử, nếu ai có xúc phạm, thương tổn thân thể các vị, các vị nên kiềm chế tâm mình, đừng để lửa sân hận thiêu đốt. Lại phải giữ lời ăn, tiếng nói, đừng buông lời ác độc để trả đũa ai.Tâm sân hận nổi dậy sẽ làm băng hoại đạo nghiệp, cháy hết công đức tu tập.Đức tính kham nhẫn thì giữ giới và khổ hạnh không thể sánh bằng.Thực hành đức nhẫn mới xứng danh là bậc Thượng Nhân có sức mạnh.Người nào chưa có thể chịu đựng sự nhục mạ một cách hoan hỉ, như uống cam lồ, thì chưa thể xứng danh là người vào đạo có trí.Sự sân hận sẽ thiêu hủy tất cả pháp lành, nó nguy hiểm hơn lửa dữ.Các vị phải canh phòng cẩn mật, đừng cho sân hận thâm nhập.Trong các loại giặc cướp công đức thì sân hận là nguy hiểm nhất.Người thế gian sống thọ hưởng dục lạc, thiếu phương pháp chế ngự, nếu có sân hận còn có thể tha thứ được.Người xuất gia hành đạo loại bỏ mọi thứ vui của đời mà không loại bỏ được sân hận thì thật đáng trách, cũng giống như bầu trời quang đãng mà có sấm sét nổi lên là điều không thích hợp".

Tinh tấn ba la mật là pháp thứ tư.Tinh là chuyên ròng, không xen tạp; Tấn là siêng năng, tiến tới.Việc tu học và hành đạo của người tu là phải tinh chuyên và cần mẫn.Mỗi người tu là tu cho chính bản thân, âm thầm trong tâm, chớ không phải khoe khoang cho người khác thấy. Nếu chỗ đông đảo ta làm ra vẻ như tinh tấn tu hành, oai nghi, phép tắc, khi không có ai lại chểnh mảng trong công phu, đó là chấp tướng, như thế chưa phải thật sự tinh tấn. Tinh tấn là điều kiện cần thiết hỗ trợ cho người tu

hành.Trong cuộc đời mỗi người có nhiều thành công cũng như thất bại. Thành công ta không nên sanh tâm ngã mạn, lúc thất bại không thối chí ngả lòng, cho nên việc tu cũng vậy dù mau hay chậm ta cũng có sự tiến bộ.

Tinh tấn phải thường xuyên, như ta thấy dòng nước chảy làm mòn tảng đá. Cũng vậy dòng nước tinh tấn sẽ làm tiêu đi cục đá vô minh. Chúng ta cũng không nên có lúc quá siêng năng, nhưng có lúc bê trễ thì sự tu hành khó đạt được kết quả mong muốn. Chúng ta cũng không có gì đặc biệt tỏ vẻ khác đời, chỉ cần sống đời đạo hạnh bình thường, không lười trong công phu tu tập, đều đặn ngày này qua ngày khác là đi đúng theo nẻo đạo.

Tinh tấn cần có sự hỗ trợ của ý chí và nghị lực mạnh mẽ. Trên đường tu học cũng không phải mọi người đều cư xử tốt đẹp, mọi việc thuận chiều như ý. Khi mới phát tâm tu, nghị lực còn kém, ít bị ma vương quấy nhiễu. Nhưng khi đường tu tiến lên thì ngũ dục lôi cuốn, nghịch duyên càng kéo đến liên miên. Nếu không có ý chí mạnh mẽ, nghị lực vững vàng, người ta khó vượt qua chướng ngại đó.

Đức Huỳnh Giáo Chủ luận giải và khuyên chúng ta trong mục chánh Tinh Tấn như sau:

"Phải vô thần luận thường cho rằng thân xác tức là con người. Thân còn tức là người còn, thân mất, người mất. Không có Thánh, Thần, Trời, Phật, không quả báo luân hồi, cũng chẳng có tội, có phước, có vía, có hồn. Đời là thân xác con người, sống là tranh đấu, mạnh được yếu thua. Thế nên biết bao nhiêu mánh khóe, gian hùng, bao nhiêu ngón điêu ngoa xảo trá, bao nhiêu tàn bạo ngược ngang đều được đem ra dùng cả thảy."

" Vì vậy mục chánh Tinh Tấn này khuyên hãy rán giữ đức tin cho mạnh mẽ. Dù các thị dục có lớn lao đến mấy, dù cho các sức lực gì cám dỗ hay bức bách bỏ lòng tín ngưỡng Phật Trời đặng theo việc khác, các sự ấy cũng chẳng thể lôi kéo được. Và ta phải luôn luôn nhớ đến công cuộc cứu vớt quần sanh thoát nơi khổ hải của Đức Thế Tôn, phải nhớ rằng sanh linh đang chìm đắm trong bể hồng trần, rằng ngày giờ nào còn có kẻ trong chúng sanh chịu khổ, thì ta cũng phải khổ vì họ vậy, rằng ta có cái bổn phận giác ngộ trần gian bỏ những oan trái luân hồi cay nghiệt. Muốn thế trước hết phải tìm phương tự giác, nhắm cảnh Niết Bàn tấn tới, quyết chí tu hành đắc thành Đạo quả hầu dắt dìu bá tánh thập phương xa miền tục lụy. Người bỏ hết các sự rầu buồn, các điều tà vạy, dẹp lục căn, lục trần và rán làm cho tinh thần được thêm sáng suốt, rèn luyện các đức tánh cho được thiện mỹ: yên tịnh, hỉ lạc, nghiêm trang quyết gắng công phu, một lòng bước tới Niết Bàn đặng có tế độ chúng sanh thoát khỏi luân hồi quả báo.

Và Ngài cũng viết tiếp như:

Chánh Tinh Tấn dầu thành hay bại

Cứ một đường tín ngưỡng của mình

Dầu cho ai phá rối đức tin

Ta cũng cứ một đàng đi tới

Trong kinh Di Giáo, Đức Phật cũng dạy:

" Này các đệ tử, ban ngày thì nỗ lực tu tập pháp lành, không để thời gian trôi qua uổng phí. Đầu hôm, cuối đêm cũng không luống bỏ.Giữa đêm tụng niệm, tu trì.Đừng vì chuyện ngủ, nghỉ mà để cuộc đời trôi qua vô ích.Hãy

tâm niệm rằng ngọn lửa vô thường đang đốt cháy thế gian, để tự tinh tấn độ mình, khắc phục sự lười biếng, ngủ nghỉ. Giặc phiền não luôn rình rập giết các vị, còn nguy hiểm hơn kẻ thù, làm sao các vị có thể mặc tình ngủ nghỉ mà không cảnh giác! Phiền não ngủ trong tâm người cũng như rắn độc nằm trong nhà, phải dùng móc sắc giới hạnh mà lôi kéo nó ra gấp. Rắn độc ra rồi ta mới an tâm ngủ nghỉ. Rắn độc chưa ra mà mải mê ngủ nghỉ thì thật là người không biết hổ thẹn"

Đức Phật cũng dạy tiếp: "này các đệ tử, nỗ lực tinh tấn thì không việc gì khó khăn! Thế nên các vị phải siêng năng tinh tấn như giọt nước thường nhỏ có thể xuyên lủng đá.Người tu hành mà biếng nhác thì khác nào như người cọ cây lấy lửa, cây chưa kịp nóng đã nghỉ, dầu tha thiết được lửa, lửa cũng không vì thế mà có được.Hãy siêng năng tinh tấn không dừng".

Thiền định là pháp thứ năm. Nội dung của thiền định là an định nội tâm không cuồng quay theo trần cảnh. Trong pháp Bảo Đàn Kinh, ngài Lục Tổ Huệ Năng giải nghĩa thiền định như sau: " Ngoài không chấp dính vào các cảnh là thiền, trong không loạn động tức định. Nếu chấp cảnh tâm biến loạn, lìa cảnh tâm được thanh tịnh, sẵn an định, chỉ vì thấy cảnh liền chấp theo cảnh nên sanh loạn động. Nếu thấy các cảnh mà tâm không loạn động mới thiệt chân định"

"Ngoài không chấp cảnh tức thiền, trong không loạn là định. Ngoài thiền trong định gọi là thiền định"

Thiền định không nhất thiết phải ngồi, mà ở bất cứ mỗi lúc mỗi nơi. Trong cuộc sống văn minh khoa học tiến bộ, tiện nghi vật chất tranh đua làm cho con người căng

thẳng thần kinh, càng làm mất đi sự an định cho sức khỏe tinh thần. Bệnh tật do tinh thần kéo theo bệnh về thể chất nên thiền định là phương thuốc có thể điều trị được những bệnh về thân và tâm.

Thiền định giữ tâm người bình thản trước phong ba bão táp của cuộc sống. Những tình huống xảy ra hàng ngày ví như tám ngọn gió mà từ dùng trong nhà Phật gọi là bát phong: Lợi (thu được tài sản), Suy (hao tài tốn của), Hủy (bị hủy bán), Dự (được ca tụng), Xưng (được khen tặng), Cơ (bị chê bai), Khổ (làm buồn khổ), Lạc (được vui vẻ). Tám ngọn gió này thổi qua, để thử thách người tu hành không lay chuyển thì cơ may sẽ đạt Đạo.

Thiền định cũng là phương tiện để trí tuệ phát sinh.Không có thiền định thì không có tuệ, không có tuệ thì không phá vỡ được màng vô minh để Phật tính hiển lộ.

Thiền định còn giúp con người có trí nhớ tốt, bình tĩnh trước mọi việc, giúp con người có sức khỏe tốt, không nóng giận, giữ hạnh phúc gia đình. Thế nên chúng ta nên tu tập thiền định.

Đức Huỳnh Giáo Chủ luận giải về thiền định như sau: " Con người thường hay có những ý định làm cho mình được sáng thêm lên, được giàu thêm lên, được sung sướng thêm lên...nghĩa là những ý định hoàn toàn nhỏ nhen thấp thỏi. Họ không hiểu rằng cuộc đời là giả tạm, nay vầy mai khác, thân thế lạc luân, của cải gia tài như đám phù vân trước gió, nước bọt, mây bèo. Những cái sanh, cái bịnh, cái lão, cái tử được đặt lên cuộc đời của người này rồi đến người khác...rồi đến người khác nữa, nghĩa là tất cả nhân loại không thiếu sót một ai. Thế mà họ vẫn cuống

cuồng tâm trí theo bả lợi danh, mùi phú quý, đi theo những vật vụn, tiểu ti, eo hẹp.

Họ không hiểu ngoài kiếp phù du của trần thế, có cái gì không di không dịch, vĩnh viễn trường tồn. Nếu lấy sự Thiền định phá tan màn u minh che phủ, thì thấy rằng ở cảnh ấy con người sẽ hết buồn hết khổ, hết quả báo luân hồi. Và khi ta dùng sự chánh định dẹp bỏ hết các sự phiền não rầu buồn, phá tan các làn sóng thị dục lôi kéo vào những nẻo tà, tâm ta chẳng còn xao động, trí ta tỏ rạng như trăng rằm, một màu sáng suốt, không nhiễm ô cảnh ngoại, dứt tuyệt hết sự phàm trần, lần bước đi đến giải thoát".

Trong kinh Di Giáo, Đức Phật cũng dạy: " Này các đệ tử, nhiếp được tâm ý là làm cho tâm an trụ vào định. Tâm trụ thiền định thì sẽ thấu triệt được trạng thái sinh diệt, chuyển biến của thế giới.Các vị phải tinh tấn tu tập thiền định.Tâm định thì trạng thái chao động, tán loạn sẽ tiêu mất cũng như người biết cách giữ nước thì phải bảo vệ tốt đê điều. Cũng vậy muốn có nước trí tuệ, các vị phải khéo tu tập thiền định, không để cho rỉ chảy."

Trí tuệ là pháp cuối cùng của sáu pháp.Đạo Phật là đạo giác ngộ. Đức Phật là bậc giác ngộ vô thượng, nên tất cả những người con Phật đều xem sự giác ngộ là sự nghiệp hết cuộc đời. Dù tu theo pháp môn nào cũng đặt trí tuệ lên hàng đầu. Nếu gọi đầy đủ là Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.Trong Pháp Bảo Đàn Kinh. Đức Lục Tổ Huệ Năng giảng như sau:

" Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật là tiếng Phạn, người Trung Hoa dịch: Đại trí huệ đáo bỉ ngạn, nghĩa là trí huệ lớn, đến bờ bên kia, tức bờ giác. Việc tu do tâm hành chớ chẳng do miệng nói. Miệng nói mà tâm không hành, thì

như mộng ảo, như biến hóa, như sương mù, điện chớp.Miệng niệm tâm hành, thì lòng và miệng hợp nhau. Chơn tánh mình là Phật, lìa tánh không có Phật."

"Chơn tánh của mình có khả năng dung chứa tất cả cảnh vật nên gọi rộng lớn. Các cõi đều ở trong chơn tánh con người. Không chứa chấp trong lòng việc ác, điều lành của người khác, không giữ bỏ, không nhiễm mắc, vẫn bình lặng như không trung rộng bao la, đó gọi là Ma Ha"

" Sao gọi là Bát Nhã? Đó là tiếng Trung Hoa, đời Đường, có nghĩa là trí huệ sáng suốt.Tất cả nơi chốn, bất cứ thời gian, các niệm tưởng không mê, thường hành sáng suốt, đó là hạnh Bát Nhã. Một niệm tưởng hôn muội là Bát Nhã dứt, một niệm tưởng sáng suốt, Bát Nhã liền sanh"

"Bát Nhã không hình tướng, tâm sáng suốt là Bát Nhã. Nếu hiểu rõ như thế tức trí Bát Nhã".

" Sao gọi là Ba La Mật! Đó là tiếng Ấn Độ, Trung Hoa dịch: đáo bỉ ngạn tức bến bờ bên kia, nghĩa là giải thoát, lìa sinh diệt. Chấp cảnh thì sinh siệt nổi lên, như nước dậy sóng là bờ bên này. Lìa cảnh sinh diệt dứt, nước lưu thông, là đến bờ bên kia, tức lìa sinh diệt gọi là Ba La Mật".

" Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, tối cao, tối thượng là đệ nhứt, không trụ, không đến, không tới lui, ba đời, chư Phật nương đây tu hành. Nên dùng đại trí huệ chiếu sạch ngũ uẩn và các phiền não trần lao, biến ba độc: Tham, Sân, Si thành Giới, Định, Huệ, tu hành như vậy nhứt định viên thành Phật quả".

Trí tuệ là hiểu biết nhận thức được sự thật về bản thân và cuộc đời.Với trí tuệ, với cái thấy đưa lại sự chấm dứt của mọi sầu đau làm phát sinh niềm an lạc.

Đức Phật nói: " có tỉnh thức và chú tâm ta mới có khả năng quán chiếu về thực tánh của tâm ta và của hoàn cảnh, và có quán chiếu ta mới có tuệ. Tuệ tức là sự hiểu biết.

"Một khi đã có sự hiểu biết, ta có thể thương yêu và tha thứ. Cuộc đời sẽ bớt khổ rất nhiều khi ta có hiểu biết. Nếu không hiểu biết ta không thể thương yêu và tha thứ. Cho nên con đường giải thoát là con đường thực hiện sự hiểu biết.Hiểu biết là trí tuệ là bát nhã".

" Mà trí tuệ chỉ có thể do quán chiếu đem lại. Vì vậy con đường duy nhứt đưa đến giải thoát là Giới, Định, Tuệ".

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng khuyên chúng ta hãy tỉnh cơn ảo mộng, phải tự tánh giác ngộ, tìm đường giải thoát:

Trời đã hoàng hôn mau chợt tỉnh

Tìm đèn Trí Huệ lánh thân ra

Lánh thân ra khỏi mang tai

Tầm nẻo cao siêu đến Phật đài

Bến giác Thần Tiên mau chực sẵn

Bể mê phàm tục phải cao bay

Hay:

Thế trần tạm giả gạt đời ta

Lướt khỏi sông mê khỏi ái hà

Nhân ngã, ngã nhân đừng cách biệt

Sắc không, không sắc chớ lìa xa

Diệu huyền chơn lý noi đường sáng

Ảo thuật tà tâm kiếm nẻo xa

Lóng lánh gương xưa lời Phật dạy

Hồng trần ái dục giết tài hoa

Hay:

Nếu đã tỉnh tâm tầm lẻ thẳng

Cũng nên rèn tánh gặp đàng ngay

Đức Phật dạy trong kinh Di Giáo: " Này các đệ tử, có trí tuệ thì không có tham trước, luôn luôn tự tỉnh thức và tự dò xét, nhờ đó người ấy có khả năng giải thoát trong giáo pháp của Như Lai. Nếu không có trí tuệ thì không xứng danh là bậc xuất gia.Trí tuệ là chiếc thuyền vững chắc vượt qua biển sanh tử, là ngọn đèn sáng chói trong hắc ám vô minh, là dược liệu thần y của mọi bịnh tật và là lưỡi búa bén chặt đứt cây phiền não.Vì thế các vị cần trau dồi tuệ giác "văn, tư, tu" để tăng trưởng lợi ích.Người có trí tuệ soi chiếu thì dẫu là mắt thịt vẫn là người chánh kiến, thấy rõ bản chất mọi vật".

Lục độ Ba La Mật là một pháp tu. Người tu trên đường Bồ Tát Đạo, thiệt hành theo hạnh Bồ Tát, nghĩa là

phải có trí, từ, bi, nguyện, trên thì cầu Phật đạo để đạt giác ngộ, dưới cầu hóa độ chúng sanh trong ba cõi sáu đường. Trì giới, tinh tấn, thiền định là ba việc làm của người tu để có trí tuệ, thấu hiểu bình đẳng tánh với muôn loài vạn vật. Đồng nguyện cầu noi gương theo đường tu hành của Đức Phật và các vị Bồ Tát. Đúng như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ:

Tu cầu trăm họ hiền lương

Đồng thinh niệm Phật tai ương chẳng còn

Hay:

Ước trăm họ nhẹ mình có cánh

Đồng bay về cực lạc một đàng

Về Pháp cúng dường, Đức Phật dạy: " Cúng dường Phật, Pháp, Tăng thì gọi là gieo nhân lành vào ruộng phước thù thắng. Hiếu thảo với cha mẹ thì gọi là gieo nhân lành vào ruộng nước cung kính. Cứu giúp những kẻ nghèo cùng khổ thì gọi là gieo nhân lành vào ruộng phước tâm thức."

Tất cả chúng ta đều ở trong trạng thái bất tử, vì vô minh, vọng kiến ngăn che, nên có sinh tử, đau khổ, luân hồi. Nếu chúng ta nhận chân được con người không có sinh tử, hành đạo theo con đường không có sinh tử thì mới đạt được quả vị Phật.

Trái lại hành đạo mà còn bị vọng kiến ngăn che bởi tam độc Tham, Sân, Si thì chúng ta không thể nhận ra con người thực của mình. Vì vô minh, vọng kiến nhận ngũ uẩn là của ta, nên mới có con người sinh tử, thay hình đổi dạng vô số kiếp, trong khi con người thực của ta không thay đổi.

Vì mang thân hình luân hồi sinh tử nên hành xửtheo Tham, Sân, Si, tạo ra muôn ngàn tội lỗi khác nhau, nên phải thọ quả báo khác nhau.

Chúng sanh ở trong biển khổ nhưng may mắn gặp được Phật pháp. Chúng ta được Phật khai ngộ, tu theo con đường Phật dạy, là thoát khổ, tạo an vui. Có người cũng tụng kinh, niệm Phật, cúng dường nhưng vẫn than sao cảm thấy khổ hoài! Tại sao? Vì họ làm theo ảo tưởng, vọng kiến, thiếu trí tuệ. Như tụng kinh phải hiểu lý kinh, Đức Huỳnh Giáo Chủ xét thấy "mõ chuông bày đọc tụng ó la chớ hiếm kẻ tường thông nghĩa lý. Dòm trước mắt thấy điều hồ mị, nên động tình bác ái dạy răn, réo những ai lợi dụng làm xằng, cho suy sụp chơn nhơn mờ mịt", cũng như Ngài dạy "niệm Phật thì phải dẹp lòng tà" và Ngài cảnh giác những ai " bước vào chùa thấy Phật lạy dài, lui khỏi cửa ra tay cầu xé". Chúng ta tu hành là làm cho người trong nhà và người ngoài phát tâm, cũng như tánh tình hiền hòa của chúng ta, sự nhẫn nhịn và gia đạo tốt...là cách cúng dường chư Phật tốt nhất. Vật cúng dường có hay không là sự không quan trọng vì vật chất là phù vân, tan hợp vô thường.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cho chúng ta biết đường lối tu hành đúng theo chánh pháp để có phước báo là hành trang đưa dẫn chúng ta đến giác ngộ, như Ngài cho biết:

Tu vô vi chớ cúng chè xôi

Phật chẳng muốn chúng sanh lo lót

Hay:

Phật chẳng qua dụng chữ tín thành

Chớ chẳng dụng hương đăng trà quả

Hay:

Bị tăng chúng quá ham chùa ngói

Nên tới khuyên khắp chốn cùng làng

Phật nào ham tượng cốt phết vàng

Mà tăng tạo hao tiền bá tánh

Hay:

Tu còn ham chay to đám bự

Đặng thế gian dưng cúng bạc tiền

Dối rằng: lo tu bổ chùa chiền

Mà làm của xài riêng cho thỏa

Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên hết mọi người khi bước vào đường tu phải thành tâm, dốc chí làm lành, lánh dữ để "sớm về cõi Phật an thân", tránh ba đường ác đạo, khỏi bị "kẽo kiếp phong trần dầy gió dạn sương" hay bị đọa lạc vào đồ lao thọ khổ, như lời Ngài viết:

Tu thiệt tâm thì đặng thảnh thơi

Tu giả dối thời lao thời lý

Tu hành là tạo phước báo, hưởng quả vị Niết Bàn là con đường Phật chỉ dạy cho đệ tử. Phật dạy nên sống thực tế, đoạn diệt Tham, Sân, Si.Sống giản dị, không xa hoa vì "phận tu hành đạm bạc rau tương, miễn cầu được an khương bốn bể".Không khởi vọng tâm điên đảo thì Phật lực gia hộ mới sáng suốt có lòng nhân ái.

Trong kinh Di Giáo, Đức Phật dạy: "Này các đệ tử, khi thọ phẩm vật cúng dường, các vị nên quan niệm như thuốc uống. Ngon không ham, dở không chê.Ăn uống chỉ để cho khỏi đói khát.Như ong hút mật trong hoa, chỉ lấy mùi vị, không làm tổn thương hương sắc. Người xuất gia cũng vậy: thọ dụng sự cúng dường để đủ sức khỏe tu tập, không được ham cầu quá nhiều, làm tổn thất tín tâm của tín thí. Hãy như người trí biết lượng sức kéo và chịu đựng của trâu, không nên dùng trâu quá sức, đến nỗi kiệt sức."

Việc tôn kính cha mẹ, trong kinh Đại Tập có dạy: " Gặp thời không có Phật, khéo thờ cha mẹ tức là thờ Phật". Vẫn biết Phật và cha mẹ khác xa về mọi phương diện, nhưng ở đây đức Phật muốn đề cao giá trị tôn kính của người con đối với đức Phật và cha mẹ nên bình đẳng. Chúng ta tôn kính Phật vì Ngài đem đến cho chúng ta lý tưởng sống cao thượng, còn người đem đến cho chúng ta sự sống chính là cha mẹ. Cho nên phụng thờ cha mẹ tức là tôn kính cúng dường chư Phật vậy.

Còn đối với đồng chúng sanh với nhau, chúng ta phải hành xử như thế nào mới đi đúng với đường lối tu hành theo chánh pháp, xin hãy lắng nghe một đoạn thi văn của Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy như sau:

Hiếm những kẻ không nhà không đất

Mà sang giàu chẳng xót thương giùm

Có lỡ lầm chửi mắng um sùm

Thêm đánh đập khác nào con vật

Ăn không hết lo dành lo cất

Đem bạc trăm cúng Phật làm chi

Phật Tây Phương vốn tánh từ bi

Đâu túng thiếu mà quơ mà tới

Khùng cả tiếng kêu dân ơi hỡi

Hãy giúp cho kẻ đói mới nhằm

Đến loạn ly khổ hạnh khỏi lâm

Còn hơn đúc chuông đồng Phật bự

Chẳng làm phước để làm hung dữ

Rồi vào chùa lạy Phật mà trừ

Phật Tây Phương có lẽ hiểu dư

Dụng tâm ý chớ không dụng vật

Muốn bổn đạo tánh tình chơn chất

Rèn lòng hiền thương xót lẫn nhau.

Như vậy, chúng ta giúp đỡ kẻ nghèo khó bằng cách đem của bố thí tài vật để họ có ăn, có mặc, họ mới phát tâm kính trọng Phật, tu theo đạo Phật thì công cuộc hoằng dương chánh pháp của Phật có hiệu quả đáng kể, từ đó chúng ta đã được phước đức cũng là cách cúng dường chư Phật.

Một điểm cũng đáng quan tâm của người tu như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy:

Giúp đời đừng đợi trả ơn

Miễn tròn bổn phận hay hơn bạc vàng

Giúp người mà tâm ý mong cầu thì chỉ là một sự trao đổi không hơn không kém. Cái mong cầu đó đã dấy lên lòng tham của chúng ta. Lòng tham này chính do mê si của con người.

Chúng tôi muốn nêu lên đây một chi tiết về pháp cúng dường chư Phật được nhìn thấy ở đức độ của Đức Huỳnh Giáo Chủ là một điển hình mà nhân loại chúng sanh cần phải tự suy nghĩ để hành động cho đúng theo chánh pháp

Cho đến bây giờ, không ai còn nghi ngờ về hành trang của Đức Huỳnh Giáo Chủ. Dù trong thâm tâm của mỗi người có nói ra hay giữ sự im lặng đều quả quyết một điều, Ngài là vị Phật lâm phàm, vị Bồ Tát hóa hiện với sứ mạng hóa độ chúng sanh trong thời kỳ Hạ ngươn hoại diệt. Ngài đã xác định "thân tuy trần tục, tâm lìa cõi mê" cũng như "chọn một chàng tuổi trẻ tục phàm, mượn tay gã, tờ hoa thần họa bút". Ngài thấu hiểu cái khổ của chúng sanh nên ra tay gánh đỡ "Ta chịu khổ, khổ cho bá tánh". Thế mà Ngài vẫn an nhiên tự tại "Ta cũng chẳng lấy chi buồn bã, bởi sự thường của bậc siêu nhơn"

Chúng sanh ví như người bịnh.Tùy căn bịnh mà thầy cho thuốc. Đặc biệt Đức Huỳnh Giáo Chủ là một vị thầy trị bịnh miễn thù lao như Ngài nói:

Tới với ta chớ đem đồ cúng

Chỉ đem theo hai chữ thành lòng

Chẳng có cần trà quả hương nồng

Mong sanh chúng từ lòng hối ngộ

Ngài cũng là vị giáo chủ của một tôn giáo, mà nếu như ai khác thì cách sống phải là "lầu cao cửa rộng" hay ở nơi chùa cao Phật bự". Trái lại chúng ta đã thấy ở nơi Ngài một cái gì hết sức đơn giản, hết sức cao thượng vượt lên trên kẻ còn ở bến sông mê, thật đáng cho chúng ta tôn kính Ngài là "bậc siêu nhân". Rõ ràng từ khi Ngài khai đạo, hoằng pháp độ sanh cho đến ngày Ngài tạm xa vắng tín đồ vì sứ mệnh thiêng liêng không một ai thấy Ngài dựng một am cốc nào dù lớn hay nhỏ, cũng như xây chùa, đúc tượng để cúng bái. Ngài chỉ dạy bảo chúng sanah hãy kính thờ Trời, Phật ở ngôi Tam Bảo với tấm trần dà làm biểu tượng. Đây là lời Ngài nói ra:

Cũng không có muốn hoa hòe

Lầu đài sơn phết cũng là chẳng ham

Ai chê khờ dại cũng cam

Chớ tôi cũng chẳng có ham lầu đài

Hay là:

Thần cũng chẳng say mê chùa tháp

Chẳng tham tiền, tham vật, món chi chi

Hơn năm dư quyết chí duy trì

Truyền sanh chúng phải kính thờ Trời Phật.

Trên bước đường hoằng hóa chúng sanh dù gặp bao nhiêu nghịch cảnh nhưng Ngài không nản chí nao lòng:

Ta bước, bước đường gặp nẻo chông

Mà không nản chí với nao lòng

Dắt dìu nhân loại câu huyền bí

Bủa đức dạy đời rạng Á Đông

Vì chúng sanh quá não nùng, Ngài nguyện nhận hết cái khổ đó, để chúng sanh sớm tỉnh ngộ, tuân chỉ lời dạy của Ngài, tìm đường giải thoát:

Vì nghiệp trần mê hay bởi ai?

Tâm, cang, tì, phế, thận đau hoài

Hay vì sanh chúng còn lao lý

Nguyện uống cho đời chén thuốc cay

Chỉ có bậc siêu nhân với lòng từ bi vô hạn, trí tuệ tràn đầy, đầy đủ nghị lực hành trọn vẹn vai trò của Bồ Tát:

Dù cho xoay chuyển đất trời

Lòng ta chỉ dốc độ dời mà thôi

Cội lành mong đặng đâm chồi

Chặt gìn Phật đạo đền bồi ơn xưa

Vì đạo pháp trường tồn, vì chúng sanh được giải thoát, Ngài nguyện đem xác phàm cúng dường cho Phật:

Phận tớ xác phàm tớ sẽ dưng

Cúng dường cho Phật, Phật đành ưng

Dù cho phải chịu nhiều cay đắng

Cũng nguyện Đạo mầu sẽ chấn hưng

Con đường đi đến Cực Lạc không phải là con đường đầy hoa thơm cỏ lạ mà là con đường khúc khủyu quanh co đầy chướng ngại. Cho nên hành giả phải thành tâm, thiện ý hướng đến cái ước mơ của mình. Không phải ước mơ viễn vọng mà là ước mơ thực tế.Hãy nhìn vào những tấm gương trong sáng với kỳ vọng đạt được mục đích.

Chúng ta phải noi gương đức Phật là bậc "toàn giác". Ước mơ của Đức Phật là tìm ra con đường giải thoát cho nhân loại chúng sanh. Ngài đã hy sinh quyền lợi cá nhân, từ bỏ vinh hoa phú quý "mình vàng Thái Tử ngôi còn bỏ, vóc ngọc Đông Cung tước phế liền" hay Ngài đã "Thích Ca còn phế tước hầm, lầu cao cửa rộng mà ham tu hành", dù phải dãi nắng dầm sương chịu biết bao khổ cực:

Non tuyết san núi rừng thâm thẩm

Đem thân phàm tầm đạo siêu sanh

Đến ngày nay còn rạng lấy danh

Khắp bốn biển dân lành sùng bái

Còn Đức Huỳnh Giáo Chủ hoằng dương chánh pháp với những ước mơ làm sao cho chúng sanh thông đạt được giáo lý để "tri hành hợp nhứt" là kim chỉ nam, là ánh sáng chân lý soi rọi khắp nơi hầu "đồng bay về cực lạc một đàng". Dù gian lao cũng không nản chí nao lòng, nhận hết những cay đắng của người đời, như Ngài nói: "Dù gian lao dạ sắt chăng sờn, miễn sanh chúng thông đường giải thoát" hay "Ta chịu khổ khổ cho bá tánh" với tiếng gọi của lòng

từ bi "tiếng gọi đời sông mê hãy lánh", để đưa đạo pháp đến cho toàn nhân chủng:

Biết làm sao gieo đạo khắp đại đồng

Đưa nhân loại đi vào vòng hạnh phúc

Cũng như:

Ước mơ thế giới lân hòa hảo

Nhà Phật con Tiên hé miệng cười

Hai tấm gương của đức Phật, đức Thầy là hành trang cho chúng ta vững bước lên đường tìm phương giải thoát vì "hành y thì đáng vàng mười, tùy lòng, tùy sức của người đời nay, tu nhân hiền hậu cũng hay". Vậy, hãy nên làm theo lời Tổ Thầy dạy, phải từ thiện, không chứa điều phiền não, ích kỷ, tham lam, gây mối thiện duyên với mọi người, đó cũng là cách cúng dường chư Phật vậy.

Đây là những điều Đức Huỳnh Giáo Chủ lưu ý bổn đạo tránh hạn chế hoặc nên làm:

- Uống rượu: Phải cử tuyệt, nhưng khi có tiệc lễ vời người ngoài và không phải nhằm ngày chay lạt, có thể dùng một đôi chút rượu thật nhẹ để đừng có tỏ ra sự chia rẻ với kẻ ngoại đạo. Nếu say sưa sẽ phải tội lỗi.
- Thuốc phiện: Phải cử tuyệt, không được hút một điếu nào hết. Những kẻ hút muốn vào Đạo, phải bỏ hút rồi mới được nhìn nhận. Ngoài ra những người đau mà thầy thuốc bảo phải dùng một chút ít hợp với các vị thuốc khác mới có thể châm chế đặng.

- Cờ bạc: Phải cử tuyệt, những kẻ cờ bạc muốn vào Đạo, phải thề nguyện bỏ cờ bạc rồi mới được nhìn nhận. Về sự này, chẳng có cuộc vui nào có thể châm chế đặng.
- Đối đãi các tăng sư: tất cả bổn đạo nên cung kính các tăng sư tu hành chân chính. Nếu các ông ấy có dạy điều chánh lý, phải nghe lời. Đối với những hạng tu hành mà mình biết rõ là đối thế (như mấy ông thầy đám) hãy tìm cách khuyên can các ông ấy trở lại con đường chân chính của đạo Phật. Nếu các ông vẫn tiếp tục làm điều tà mị, mình phải bài trừ triệt để và giảng giải cho quần chúng cùng những tín đồ nhà Phật hiểu đặng xa lánh họ.
- Đối với chùa chiền: Những ngày vía của các Đức Phật, ngày rằm hay ba mươi. Mình muốn đi chùa cũng tốt, đặng lễ Phật, dưng hoa, không có cấm. Nếu chùa nào nghèo, hư, rách, mà mình giúp đỡ được càng tốt (có điều mình không nên mua sắm hình tượng cho nhiều)
- Khi đến chùa cũng phải tôn trọng sự thờ phượng trong chùa không nên hủy báng.
- Đối với các tôn giáo khác và nhân sinh: Đối với những người theo tôn giáo khác, không nên động chạm đến cách thức tu hành của họ. Nhứt là không ỷ đông hiếp đáp hoặc nói xấu người ta. Nếu họ có làm dữ với mình, mình cũng chẳng được phép vì sự dữ của họ mà trả thù, và phải luôn luôn làm lành với họ, mình phải hoài hoài làm phải với những kẻ ấy dầu họ có làm quấy với mình cũng mặc và phải nhẫn nhịn họ.
  Đối với nhân sanh, bao giờ cũng phải hòa hợp với họ làm cho đôi đàng có thiện cảm với

nhau.Phải biết thương xót đến họ và nếu khi nào họ cần dùng, phải rán hết sức giúp đỡ họ.

- Để tóc: Tất cả bổn đạo nên biết rằng Thầy không có buộc để tóc vì đó thuộc về phong tục chớ chẳng phải về tôn giáo, nhưng sở dĩ Thầy để tóc là muốn giữ kỷ niệm cái phong tục cổ xưa của Tổ Tiên và tỏ cho thiên hạ biết Thầy không chịu ảnh hưởng cái đời văn minh cặn bã của phương Tây. Thấy vậy người trong bổn đạo yêu mến Thầy liền bắt chước, vì thế số đông người hiểu lầm rằng để tóc là tu.Thật ra tu là tu , để tóc là để tóc, để tóc không phải là tu. Nếu để tóc mà không chịu trau tâm sửa tánh cũng chẳng phải là kẻ tu hành. Từ này trở đi, đã thoát được ách người Pháp và tùy theo phong trào tiến hóa của nước nhà. Thầy cho phép bổn đạo tự do cải cách hầu hòa hợp với luơng dân cùng tôn giáo khác.
- Sự học: Sự học hành không làm trở ngại cho đạo đức. Trái lại, nhờ nó mình được biết rõ ràng giáo lý cao siêu của tôn giáo. Nó tránh cho mình những sự lạc lầm, bỏ các điều dị đoan mê tín. Nó làm cho mình dẹp bỏ những điều huyễn hoặc không bàn bạc những chuyện xa vời (như tiên đoán thiên cơ chẳng hạn...)

Vậy tự mình học hỏi (chữ quốc ngữ) và hãy cho con cháu mình vào trường học tập đặng sự hiểu biết của chúng thêm rộng rãi.Vả lại, sự hiểu biết về khoa học không cản trở sự tu hành và nó giúp cho mình nghiên cứu Phật đạo một cách rành rẽ.

- Thể dục: Người trong bổn đạo nam nữ bất luận phải giữ gìn thân thể cho khỏe mạnh. Như thế

nên luyện tập những môn thể dục nào hợp với sức khỏe nếu mình muốn, bởi vì xác thịt có khỏe mạnh, tinh thần mới sáng suốt,n hư vậy mình mới có thể làmđạo nghĩa một cách đắc lực.

- Ăn ở: Kẻ tu hành ăn uống phải có điều độ. Tránh những món ngon sống nấu toàn đồ độc cho cơ thể ăn vào sanh bịnh.

  Phải giữ gìn thân thể sạch sẽ và từ nhà cửa cho đến chỗ ăn chỗ nằm, phải biết trọng vệ sinh. Bỏ những thói quen ăn ở dơ bẩn vì xác thịt dơ dáy thì tinh thần không thể nào mở mang được, và vì Thần Thánh chỉ gần những kẻ trong sạch, nên nếu ai muốn được tiếp độ phải trong sạch vừa tinh thần lẫn vật chất.

- Cách làm ăn: Cách làm ăn phải y như trong mục Bát Chánh đã dạy
- Bỏ những sự bất chánh: lường cân, tráo đấu, buôn lậu, đầu cơ, buôn rượu, bán thuốc phiện...
- Làm những nghề lương thiện, không có lường gạt ai, bỏ những thói gian xảo.

  Nên nhớ rằng: Đức Phật sẽ dìu dắt và ủng hộ những kẻ nào làm ăn chơn thật, hiền lành đúng theo giáo lý của Ngài, chứ không bao giờ Ngài lại ủng hộ những kẻ gian tà xảo quyệt, làm những việc hung ác ngông cuồng trái với những lời mà Ngài đã chỉ dạy.

Niệm Phật:

Cúng xong muốn niệm Phật cũng được. Ngồi bán già thẳng lưng niệm: Nam mô A Di Đà Phật

Hay niệm: Nam Mô Tây Phương Cực Lạc thế giới tam thập lục vạn ức, nhứt thập nhứt vạn, cửu thiên ngũ bá đồng danh đồng hiệu đại từ bi phổ độ chúng sanh A Di Đà Phật

(Niệm Phật nhiều ít tùy theo sức mình, lúc cầu nguyện và niệm Phật chỉ niệm trong tâm)

Nam mô A Di Đà Phật, sáu chữ đi, đứng, nằm, ngồi, rán niệm chớ quên, không đợi gì thời khắc.

Khi ăn cơm:

Mỗi khi ăn cơm với mắm muối chi cũng vậy, đều nguyện vái Cửu Huyền Thất Tổ, ông bà cha mẹ quá vãng về ăn với mình để tỏ lòng hiếu thảo.

Đi xa nhà:

Đi làm ruộng đến thời cúng, ngó về hướng Tây nguyện rồi xá bốn hướng.Còn đi xa nhà thì nguyện tưởng trong tâm cũng được.

Thế nào là tu nhân?

Tu nhân tức là tu Tứ Ân, sách xưa có câu: " Thiên kinh vạn điển hiếu nghĩa vi tiên". Muôn vạn quyển kinh của Phật Thánh Tiên đều dạy hiếu nghĩa làm đầu. Xem đó chúng ta thấy hiếu nghĩa là nền tảng của đạo nhân. Không ai bỏ điều hiếu nghĩa mà tu thành Phật, thành Tiên bao giờ.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng dạy: "Hôm nay ta đã quy y đầu Phật, tu niệm tại gia, ta hãy cố gắng vưng lời Thầy Tổ đã dạy cho tròn câu hiếu nghĩa". Ngài cũng nói:

Sách có chữ thâm ân dục báo

Phận làm người hiếu thảo noi gương

Tế Điên hòa thượng có nói: "dục tuTiên đạo, tiên tu hơn đạo, hơn đạo bất tu, Tiên đạo viễn hỷ". Muốn tu thànhTiên thành Phật trước phải tuĐạo làm người,Đạo làm người không tu thì đạoTiên,Phật còn xa vời.

Đức Phật thầy Tây An thuở xưa thường khuyến khích các môn nhân đệ tử rằng: "muốn làm xong hiếu nghĩa có bốn điều ân ta cần phải hy sinh gắng gỗ mới mong làm trọn"

Với bốn điều ân, Đức Huỳnh Giáo Chủ giải ra như sau:

- Ân tổ tiên cha mẹ:"Ta sanh ra cõi đời được có hình hài để hoạt động từ thuở bé cho đến lúc trưởng thành, đủ trí khôn ngoan trong khoảng bao nhiêu năm trường ấy, cha mẹ ta chịu biết bao khổ nhọc, nhưng sanh ra cha mẹ là nhờ có tổ tiên nên khi biết ơn cha mẹ, cũng phải có bổn phận biết ơn tổ tiên nữa.

Muốn đền ơn cha mẹ, lúc cha mẹ còn đang sanh tiền, có dạy ta những điều hay lẽ phải ta rán chăm chỉ nghe lời, chớ nên xao lãng, làm phiền lòng cha mẹ. Nếu cha mẹ có làm điều gì lầm lẫn trái với nhân đạo, ta rán hết sức tìm cách khuyên lơn ngăn cản. Chẳng thế ta cần phải lo nuôi dưỡng báo đền, lo cho cha mẹ khỏi đói rách, khỏi bịnh hoạn ốm đau, gây sự hòa hảo trong huynh đệ, tạo hạnh phúc cho gia đình, cho cha mẹ vui lòng thỏa mãn. Rán cầu cho cha mẹ được hưởng điều phước thọ.Lúc cha mẹ quá vãng, hãy tu cầu cho linh hồn được siêu thăng nơi miền Phật cảnh, thoát đọa trầm luân.

Còn đền ơn tổ tiên, là đừng làm điều gì tổi tệ điếm nhục tông môn, nếu tổ tiên có làm điều gì sai lầm gieo hoạ

đau thương lại cho con cháu, ta phải quyết chí tu cầu và hy sinh đời ta làm điều đạo nghĩa, rửa nhục tổ đường."

Là người Việt Nam, không ai là người đã không từng nghe những câu ca dao sau đây:

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Một lòng thờ mẹ kính cha

Lo tròn chữ hiếu mới là đạo con

Hay:

Cha mẹ còn đây như tàng cây bóng mát

Cha mẹ mất rồi là ngơ ngác đời con

Trong Đại Tạng Kinh, Đức Phật dạy: " Đối với người con, ơn đức của cha mẹ rất là trời biển, lòng thương yêu vô bờ bến mang sắc thái tăng ích vĩ đại, chín tháng cưu mang, nhiều năm dưỡng dục, theo thời mà săn sóc cho con, tạo thành và bồi dưỡng thân tứ đại được an toàn khỏe mạnh

"Công cha đức mẹ cao dầy

Cưu mang chín tháng những ngày còn thơ

Nuôi con khó nhọc đến giờ

Trưởng thành con phải biết thờ song thân."

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng khuyên nhủ chúng ta về công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ như:

Phụ mẫu thâm ân vô lượng kiếp

Quân thần nghĩa trọng hữu thiên niên

Hay:

Ơn cha nghĩa mẹ phải đền

Một ngày hiệp mặt lập nền từ bi

Hay:

Vẹn mười ơn mới đạo làm con

Lúc sanh sống chớ nên phụ bạc

Đức Thế Tôn còn dạy thêm: "Mỗi người phải thanh lọc ý chí, chỉ có khuyên cha mẹ tu hiền, phụng hành giới đức mới là nhiệm vụ chính yếu của bổn phận làm con. Làm vua phải lo bảo vệ nước dân, làm quan phải trung quân ái quốc, làm con phải giữ hiếu nghĩa đứng đầu, chồng tin kính, vợ trinh bạch. Thanh tín nam, thanh tín nữ chấp hành nhiệm vụ như thế, thì đời sẽ gặp Phật, thấy Pháp và việc tu hành đắc đạo không có gì khó khăn"

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng khuyên:

Nhỏ to lời lẽ chớ quên

Rán mà nguyện vái đặng đền ơn sâu

Hay những câu thơ sau đây, nói lên được tâm trạng của những người con hiếu thảo đối với cha mẹ. Những ước mong sao cho cha mẹ được sống mãi bên con:

Mỗi đêm mỗi thắp đèn trời

Cầu cho cha mẹ sống đời với con

Kinh Thi có nói: "cha hề sinh ta, mẹ hề nuôi ta. Thương thay cha mẹ, sinh ta khó nhọc, muốn báo ơn sâu, trời cao chẳng dứt (công ơn cha mẹ như trời cao chẳng thể nào trả hết được"

Cho nên người con hiếu thờ cha mẹ, lúc ở thì tôn kính rất mực, khi nuôi thì vui vẻ hết mực, khi bệnh thì lo lắng hết mực, khi mệt thì xót thương hết mực. Vậy, không yêu cha mẹ già yêu người ngoài thì gọi là trái đức.Không kính cha mẹ mà kính người ngoài là trái lẽ.

Trong giáo lý của Đức Huỳnh Giáo Chủ, Ngài khuyên dạy muốn đền ơn tổ tiên cha mẹ, chúng ta phải thành tâm nguyện cầu:

Thường nguyện cầu siêu độ Tổ Tông

Hay:

Tu cầu Tông Tổ siêu thăng Phật đài

Hay:

Rán tu đắc đạo cứu Cửu Huyền

Thoát chốn mê đồ đến cảnh Tiên

Ngỡ đáp ơn dày công sáng tạo

Cho ta hình vóc học cơ huyền

Cũng trong giáo lý của Đức Huỳnh Giáo Chủ, Ngài cũng nêu lên cho chúng ta thấy những tấm gương hiếu thảo:

Mục Liên cứu mẹ bằng nay

Nhờ người hiếu hạnh tâm này từ bi

Hay:

Nhắc năm Gia Tỉnh, triều Minh

Nàng Kiều vì hiếu bán mình chuộc cha

Hay:

Mạnh Tông xưa cũng khóc măng

Đất khô nẩy mụt rõ lòng hiếu nhi

Trong nhị thập tứ hiếu có kể, chuyện Mạnh Tông khóc măng.Anh em Mạnh Tông thờ cha mẹ chí hiếu.Một hôm bà mẹ bị bịnh, bà ước gì có măng để ăn chắc sẽ khỏi bịnh.Mạnh Tông liền đi khắp làng thôn bên cạnh để tìm măng, nhưng không tìm đâu ra vì lúc đó thời tiết mùa đông nên không thể có măng.Mạnh Tông trở về nhà ra sau vườn ngồi bên bụi tre khóc.Khóc cho đến khi đất ướt và măng liền mọc lên. Xem đó mới biết lòng hiếu cảm động đến trời đất mà ông Tăng Tử có câu: "Hiếu tử giả bá hạnh chi tiên. Hiếu chi ư thiên tắc phong vô thuận thời, hiếu chi ư địa tắc vạn vật hóa thạch,hiếu chi ư nhơn tắc chúng phước lai trăn", nghĩa là việc hiếu tử là trên hết các hạnh. Hiếu tột đến trời thì mưa thuận gió hòa, hiếu động đến đất thì muôn vật hóa thạch, còn hiếu cảm đến người thì các phước đều đến.

- <u>Ân Đất Nước:</u> "sanh ra, ta phải nhờ Tổ Tiên, cha mẹ, sống ta cũng nhờ đất nước, quê hương. Hưởng những tấc đất, ăn những ngọn rau, muốn cho sự sống được dễ dàng, giống nòi được truyền thụ, ta cảm thấy bổn phận phải bảo vệ đất nước bị kẻ ngoại xâm giày đạp. Rán nâng đỡ xứ

sở quê hương lúc nghiêng nghèo và làm cho được trở nên cường thịnh.Rán cứu cấp nước nhà khi bị kẻ ngoài thống trị. Bờ cõi vững lặng thân ta mới yên, quốc gia mạnh giàu mình ta mới ấm.

Hãy tùy tài tùy sức, nổ lực hy sinh cho xứ sở. Thảng như không đủ tài lực đảm đương việc lớn, chưa gặp thời cơ giúp đỡ quê hương, ta phải rán tránh đừng làm việc gì sơ xuất đến đỗi làm cho nước nhà đau khổ và đừng giúp cho kẻ ngoại địch gây sự xâm hại đến đất nước

Đó là ta đã đền ơn cho đất nước vậy."

Bài thơ sau đây có nhan đề: " Cảm Đề lịch sử" của tác giả Nhượng Tống, nói lên tiền nhân của chúng ta đã tốn biết bao xương máu để dựng lên non sông gấm vóc để tạo cho hậu thế sống còn, giống nòi truyền thụ để hãnh diện với năm châu, bốn bể:

Ba xứ non sông một giải liền

Máu đào, xương trắng điểm tô nên

Cơ trời dù đổi trò tang hải

Mặt đất chưa tẫn nghiệp tổ tiên

Có nước, có dân đừng rẻ rúng

Muốn còn, muốn sống phải đua chen

Giật mình nhớ truyện nghìn năm cũ

Chiêm Lạp xưa kia vốn chẳng hèn

Từ khi lập quốc cho đến hiện nay, nhìn vào lịch sử có rất nhiều gương anh hùng hy sinh đánh đuổi ngoại xâm để giữ gìn bờ cõi như Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Huệ v.v..

Đặc biệt về phía nữ lưu, gương anh hùng Nhị Trưng, trong Đại Nam Quốc Sử diễn ca có câu:

Bà Trưng quê ở Phong Châu

Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên

Chị em nặng một lời nguyền

Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân

Đức Huỳnh Giáo Chủ có nhắc đến gương anh hùng Trưng Vương trong bài "Diệu Pháp Quang Minh" như:

Hàng phụ nữ giỏi câu trinh liệt

Rán bắt chước những trang tuấn kiệt

Gái anh hùng xưa có Trưng Vương

Đuổi quân thù cứu vớt quê hương

Rửa xong hận thù chồng dốc trả

Và trong lời kêu gọi "Đoàn Phụ Nữ", Ngài viết lên:

Dở sử xanh Nam Việt mà coi

Gương Trưng, Triệu còn roi muôn thuở

Chẳng có lẽ xưa hay mà nay dở

Khiếp nhược là cái cớ vong gia

Chí anh hùng của khách quần thoa

Đâu có kém bực tu mi nam tử

Bà Triệu đã để lại sau này trong lịch sử một lời khảng khái bất hủ:

" Tôi muốn cởi cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tràng kình ở biển Đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi nơi đắm đuối, chứ không thèm bắt chước người đời cúi đầu cong lưng làm tì thiếp cho người ta..."

Đến lời kêu gọi "Đoàn Tráng Sĩ" Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng viết lên:

Bắc Nam một giải san hà

Mồ hôi giọt máu ông cha tài bồi

Trải qua cũng lắm hồi vận bỉ

Rồi anh em tráng sĩ đứng lên

Liều mình đục pháo xông lên

Liều mình giết giặc xây nền tự do.

- Ân Tam Bảo: Tam Bảo là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Phật bảo là chỉ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài tu hành giác ngộ thành Phật, Pháp bảo là giáo pháp do Đức Phật nói ra, chỉ dạy đường lối tu hành, Tăng bảo là những vị tu hành theo giới luật và chánh pháp của Đức Phật

Đức Huỳnh Giáo Chủ luận giảng như sau:

" Con người nhờ tổ tiên cha mẹ sanh ra nuôi dưỡng, nhờ đất nước tạo kiếp sống cho mình. Ấy về phương diện vật chất.

Về phương diện tinh thần, con người cần có sự giúp đỡ của Phật Pháp, Tăng khai mở trí óc cho sáng suốt. Phật là đấng toàn thiện, toàn mỹ, bác ái vô cùng, quyết cứu vớt sanh linh ra khỏi vòng trầm luân khổ hải. Thế nên Ngài mới truyền lại giáo pháp, tức là những lời chỉ dạy cho các chư tăng đặng đem nền Đạo cả của Ngài ban bố khắp trần thế. Các chư tăng chẳng ai lạ hơn những đại đệ tử của Đức Phật vậy. Bởi vì Đức Phật luôn luôn chỉ dẫn và cứu vớt quần sanh thoát miền mê khổ, nên ta hãy kính trọng Phật, hãy tin tưởng và tín nhiệm vào sự nghiệp cứu đời của Ngài, làm theo những điều chỉ dạy do các chư tăng cho biết. Tổ tiên ta đã biết rõ sự nhiệm mầu, lòng quảng ái của Phật đối với chúng sanh, đã kính trọng sùng bái Ngài, đã hành động đúng theo khuôn khổ Ngài đã dạy và đã vun trồng bồi đắp cho nền Đạo được phát triển thêm ra, xây dựng một tòa lâu đài đạo hạnh vô thượng vô song, rồi truyền mãi mãi cho hậu thế.

Nên bổn phận của chúng ta phải noi theo chí đức của tiền nhân hầu làm cho trí tuệ minh mẫn đặng đi đến con đường giải thoát, dẫn dắt giùm kẻ sa cơ và nhứt là phải tiếp tục khai thông nền đạo đức đặng cái tinh thần từ bi bác ái được gieo rải khắp nơi nơi trong bá tánh. Như thế mới chẳng phụ công trình vĩ đại của Đức Phật và của tiền nhân để lại và không đắc tội với kẻ đời sau vậy."

Chúng ta luôn luôn với lòng chân thành ghi nhớ sự hiện diện của đức Phật thường xuyên ở khắp nơi trong nhân gian, mong cho ánh sáng của Ngài làm tan đi màn vô minh,

phá vỡ mọi hận thù đem lại an vui và hòa bình cho nhân loại.

Cũng không phải đáp lại ơn Ngài là xây chùa lớn, tạo tượng cao, mà phải y theo lời dạy của Ngài và thiệt hành, tự mình giác ngộ rồi làm cho người khác tự giác ngộ. Có như vậy mới phải là pháp cúng dường cao quý, mới mong đáp đền công ơn lớn lao của đức Phật là vị cha lành của nhân loại.

- Ân Đồng Bào và Nhân Loại: "Con người vừa mở mắt chào đời đã thấy mình phải nhờ đến sự giúp đỡ của những kẻ ở xung quanh, và cái niên kỷ càng lớn thêm bao nhiêu, sự nhờ nhõi càng tuần tự thêm nhiều chừng nấy.

"Ta nhờ hột cơm của họ mới sống, nhờ miếng vải của họ mới ấm thân, nhờ cửa nhà của họ mới tránh cơn phong vũ. Vui sướng: ta đồng hưởng với họ. Hoạn nạn: họ cùng chịu với ta.

Họ và ta cùng một màu da, cùng nói một thứ tiếng. Ta và họ hợp nhau thì thành làm một: ấy quốc gia đó. Họ là ai?Tức là những ngườita thường gọi bằng đồng bào vậy.

Đồng bào ta và ta cùng chung một chủng tộc, cùng một nòi giống noi truyền, cùng có những trang lịch sử vẻ vang oanh liệt, cùng tương trợ lẫn nhau trong cơn nguy biến, cùng chung phận sự đào tạo một tương lai rực rỡ trong bước tiền đồ của giang sơn đất nước. Đồng bào ta và ta có một liên quan mật thiết, không thể rời nhau, chẳng thể chia nhau, và chẳng khi nào có ta mà không có đồng bào, hay có đồng bào mà không có ta. Thế nên, ta phải rán giúp đỡ họ hầu đáp đền cái ơn mà ta đã thọ trong muôn một.

Chẳng những thế thôi, ngoài đồng bào, ta còn có thế giới người đang cặm cụi cần lao cung cấp những điều nhu cầu cần thiết. Họ là nhân loại, là những người đang sanh sống với chúng ta trên quả địa cầu. Nếu không có nhân loại, thử hỏi dân tộc ta ra như thế nào? Ta có dư vật liệu để dùng chăng? Ta có thể tự túc một cách đầy đủ chăng? Nói tóm lại, ta có thể lẻ loi đương đầu với những khi phong vũ nhiệt hàn, với những lúc ốm đau, nguy biến, giữ vững cuộc sống còn này chăng? Hẳn không vậy. Thế nên dân tộc ta phải nhớ đến nhân loại, nghĩa là nhớ đến dân tộc khác và phải biết ơn họ. Hãy nghĩ đến họ cũng như mình nghĩ đến mình và đồng chủng mình.

Vả lại cái tình từ bi bác ái của Đức Phật mà ta đã nhận thức, rất thâm huyền quảng hượt. Cái tình ấy, nó không bến không bờ, không phân biệt màu da, không phân biệt chủng tộc, nó cũng không luận sang hèn và xóa bỏ hết các tầng lớp đẳng cấp xã hội, mà chỉ đặt vào một: Nhân loại chúng sanh.

Thế, ta không có lý do gì chánh đáng để vì mình hay vì đồng bào mình, gây ra tai hại cho các dân tộc khác. Trái lại, hãy đặt vào họ một tư tưởng nhân hòa, một tinh thần hỉ xả và hãy tự xem mình có bổn phận giúp đỡ họ trong cơn hoạn nạn.

Đối với những kẻ xuất gia quy y đầu Phật, phụ vào những ân huệ đã thọ như đã nói trên, họ còn phải trực tiếp chịu ân của các đà na thí chủ, nghĩa là những thiện nam tín nữ có hảo tâm cung cấp những vật dụng vần thiết cho họ. Họ nhờ đến hột cơm, đến miếng vải, đến thuốc men đặng sanh sống.Rốt lại họ phải nhờ đến sự nuôi dưỡng hoàn toàn của những kẻ tốt lòng.

Với quần sanh, họ mang cái ân rất nặng cho nên họ phải dìu dắt sinh linh đi tầm chân lý đặng đáp tạ tấm lòng chiếu cố của thiện tín"

Qua truyền thuyết Lạc Long Quân, Âu Cơ ghi trong sách sử là hai người kết hôn, sinh ra trăm trứng nở trăm con, đó là nguồn gốc của dân tộc ta có từ đó. Nghĩa đồng bào cũng từ thuyết ấy mà ra tức là có chung một bào thai sinh ra. Như Đức Huỳnh Giáo Chủ cho biết:

Đừng chia lìa Bắc tổ Nam tông

Chỉ biết giống Lạc Hồng Thượng Cổ

Người Việt Nam ta thường nói "tình dân tộc, nghĩa đồng bào" là kêu gọi sự tương thân, tương trợ lẫn nhau trong cơn tai biến. Như có những câu ca dao truyền tụng tình thương dân tộc, không phân biệt sắc thái trong cộng đồng xã hội:

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

Hay câu:

Khôn ngoan đối đáp người ngoài

Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau

Hay ý nghĩa câu:

Thố tử hồ bi (có nghĩa con thỏ chết, con cáo cũng buồn)

Đức Huỳnh Giáo Chủ luôn cảnh tỉnh chúng ta hãy quay về nguồn cội:

Làng gần chí những tinh xa

Lúc xưa thì cũng ruột rà với nhau

Vì phong thổ của ba miền đất nước Việt Nam khác nhau, nên đời sống cũng có khác nhau. Dân miền Nam được diễm phúc hơn, sống trong cảnh mưa thuận gió hòa, đất đai mầu mỡ, như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ "chỉ có xứ Nam Kỳ béo bở, cơ hội này bỏ dở sao xong", nên trong tình tương thân, tương trợ, Ngài kêu gọi:

Muốn cứu khỏi tai nàn của nước

No dạ dày là chước đầu tiên

Nam kỳ đâu phải sống riêng

Mà còn cung cấp cho miền Bắc – Trung

Từ đó chúng ta xem đồng bào trong nước như anh em một nhà, cho nên đồng vui, cộng khổ, đoàn kết chống ngoại xâm để bảo vệ quê hương, nên Đức Huỳnh Giáo Chủ rung lên một "tiếng chuông cảnh tỉnh":

Khắp Bắc Nam Lạc Hồng một giống

Tha thứ nhau để sống cùng nhau

Quý nhau từng giọt máu đào

Để đem máu ấy rưới vào địch quân

Đấng anh hùng vang lừng bốn bể

Các sắc dân đều nể đều vì

Đồng bào nở giết nhau chi

Bạng duật tương trì lợi lũ ngư ông

Trên bình diện quốc tế, dân tộc Việt Nam cùng các dân tộc khác cũng có mối liên hệ và bình đẳng về cuộc sống từ kinh tế, khoa học, y học, văn hóa...cho nên không vì quyền lợi của dân tộc mình hay đất nước mình mà gây hận thù với dân tộc khác. Vì thế Đức Huỳnh Giáo Chủ kêu gọi dân tộc Việt Nam có độc lập, có bình đẳng với dân tộc khác để cùng hợp lực kiến thiết nền hòa bình thế giới và còn cho biết toàn thể nguồn gốc loài người có một cha chung là Thượng Đế:

Nở đâu lại dày bừa đồng loại

Cũng gốc Ngài Thượng Đế xuống trần

Tóm lại, tu Tứ Ân là Tu Nhân hay Đạo làm người là nấc thang bước lên quả vị Tiên, Phật. Không làm tròn Tu Nhân thì không thể vượt lên hàng Phật Thánh .

Đức Huỳnh Giáo Chủ đặt nặng tu Tứ Ân trong giáo lý cùa Ngài.Tu Nhân là tu Phước, và pháp môn Tịnh Độ là Tu Huệ trong học Phật.

Giáo lý Phật giáo Hòa Hảo nhằm mục đích đào luyện con người trở thành hiền đức sống đời Thượng Ngươn.

Đường lối của Học Phật Tu Nhân là phương thức cho hành giả trên đường tu làm tròn đầy Phước Huệ song tu:

Người Cư Sĩ

Nợ thế âu toan tròn nợ thế (Tu Nhân)

Đường tu sớm liệu vẹn đường tu (Học Phật)

Ngày 08 tháng 01 năm 2010